VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

VĂN CHƯƠNG PHẢN KHÁNG?

Số 49 1 tháng 3 năm 1990

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn** trang 1 ● **Nguyễn Mộng Giác:** *đôi điều suy nghĩ* trang 2 ● **Nguyễn Đức Lập:** *cảm nghĩ rời* trang 9 ● **Nghiêm Xuân Hồng:** *gorbachev, bàn tay siêu bỉ ngạn,* trang 16, *qua sông ni liên* thơ trang 18 ● **Nguyễn Hưng Quốc:** *thơ mai thảo, tiếng mưa thầm* trang 19 ● **Trần Sa:** *dặn bàn tay phải, thơ* trang 31 ● **Trần thị Kim Lan:** *điệp khúc,* thơ trang 32 ● **Thường Quán:** *cửa tân niên,* thơ trang 33 ● **Mai Thảo:** *mỳ không ăn liền* truyện ngắn trang 34 ● **MLP:** *hỏi trăng* thơ trang 38 ● **Huỳnh Liễu Ngạn:** *bài thơ xuân* thơ trang 39 ● **Chân Phương:** *vài nhận xét về thơ Đỗ Kh.* trang 40 ● **Ngọc Khôi:** *chỗ trọ trong rừng chuối* truyện ngắn trang 45 ● **Cao Xuân Huy:** *luật báo chí 1990* trang 63 ● **Trần Thiện Hiệp:** thơ trang 66 ● **Khế Iêm:** *rừng sâu,* truyện ngắn trang 67 ● **Nguyễn Kỳ Anh:** *như câu hát ru em,* truyện ngắn trang 71 ● **Phạm Việt Cường** *phép lạ, thơ trang 78* ● **Luân Hoán:** *sáu tám vu vơ,* thơ trang 79 ● **Chân Phương:** *bài thơ tân gia*, thơ trang 80 ● **Trần văn Tích:** *một số vấn đề văn học...* trang 81 ● **Trần Vấn Lệ:** *tìm một chỗ ngồi thơ* trang 97 ● **Hoàng Đỗ:** *tuổi trẻ việt nam và tiểu thuyết hiện đại* trang 98 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động* chuyện dài trang 110 ● **giới thiệu sách báo**, trang 121 **thư văn học** trang 212

Chủ Nhiệm: Nguyễn Vinh Hiển
Chủ Bút: Hoàng Khởi Phong
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trình Bày: Khánh Trường
Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 544.7650**
(714) 893.6242
Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: *ISSN - 0885 - 128X*

Thư Tòa Soạn

Văn học số xuân Canh Ngọ vừa qua nêu lên bốn câu hỏi liên quan đến dòng văn chương phản kháng trong quốc nội. Trả lời những câu hỏi này thật ra là chúng ta tự soi mình trước tấm gương của sự thật để nói lên những suy nghĩ tận cùng trong tâm khảm của chúng ta trước những thay đổi kinh hồn đang xảy ra không những ở Việt nam mà còn ở trên toàn thể thế giới Cộng sản. Những suy nghĩ mà lâu nay chúng ta đã kềm hãm ở trong lòng bởi quá nhiều hệ lụy.

Đã đến lúc mỗi chúng ta phải có can đảm đi suốt qua những hệ lụy này, phải nói lên những suy nghĩ đích thực, cần thiết và rốt ráo của mọi con người còn ưu tư đến số phận của đất nước. Đã đến lúc phải nói lên tiếng nói chân thực của những nhà văn nhân bản, phải khuyếch đại những tiếng nói phản kháng ở bên kia bờ biển vọng qua, và góp phần vào việc vẽ lên những ước mơ của đại đa số quần chúng im lặng về một nước Việt chưa chắc đã hùng cường phồn thịnh so với năm châu bốn biển, nhưng chắc chắn là có tự do, chắc chắn có no ấm và như vậy hiển nhiên là có hạnh phúc cho dù là một hạnh phúc bình thường là quyền làm người khiêm nhường dưới ánh mặt trời, được sống khiêm tốn: ăn, ngủ, làm việc, thậm chí yêu đương...

Mở đầu cho loạt bài trả lời này, Văn Học xin gửi đến độc giả những góp ý chân thành của nhà văn Nguyễn Mộng Giác và nhà văn Nguyễn Đức Lập, bởi khuôn khổ số báo hạn hẹp, nên không thể đăng tải trong cùng một số hàng chục bài viết, do đó Văn Học sẽ lần lượt đăng tải những suy nghĩ của những nhà văn khác về một vấn đề hiện đang làm nóng bỏng mọi người ở bên này cũng như bên kia bờ biển.

Văn Học

NGUYỄN MỘNG GIÁC

đôi điều suy nghĩ khi đọc sách báo xuất bản ở Việt nam hiện nay

●

Trên số Tết Canh Ngọ 1990, tạp chí Văn Học có nêu lên một số câu hỏi liên quan tới những tác phẩm và bài viết của các tác giả ở Việt nam, lên tiếng phê phán chỉ trích chế độ Cộng sản. Những câu hỏi tạp chí Văn Học đưa ra như sau:

1. Có hay không có một dòng văn chương phản kháng ở quốc nội?

2. Nếu có, đối tượng phản kháng này là:

– Bản chất chế độ Cộng sản

– Hiện tượng sai trái của những cán bộ thừa hành

3. Trong trường hợp có một dòng văn chương đối kháng thật sự, những nhà văn lưu vong phải làm gì để hỗ trợ? Trong trường hợp trái lại, sự phản kháng nhằm vào những cán bộ cấp thừa hành với mục đích củng cố guồng máy, những nhà văn ở hải ngoại phải làm gì?

4. Ảnh hưởng của các tác phẩm này đối với độc giả trong và ngoài nước?

Trong tất cả bốn câu hỏi, câu thứ nhất quan trọng hơn hết. Vì nếu người được hỏi thẳng tay phủ nhận, cho rằng không hề có những tiếng nói phản kháng chế độ ở trong nước, thì không còn gì để thảo luận với nhau nữa. Và quan điểm dứt khoát ấy khá phổ biến trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, kể cả trong giới viết lách.

Lập luận chung của những người có lập trường dứt khoát này là: guồng

máy truyền thông hoàn toàn do chế độ Cộng sản Việt nam chỉ đạo và kiểm soát, từ đề tài sáng tác, việc tuyển chọn, in ấn, cho đến phát hành. Một guồng máy tuyên truyền chặt chẽ như vậy không bao giờ để lọt ra ngoài một văn nghệ phẩm nào đi ngược với chủ trương chính sách của nhà nước. Từ đó tất nhiên phải có hai hệ luận: những tác phẩm "gọi là phản kháng" chẳng qua chỉ là cái bẫy để tô hồng cho chính sách "gọi là đổi mới" nhằm xoa dịu sự căm phẫn của quần chúng ở quốc nội và vận động truyên truyền ở quốc ngoại, và những văn nghệ sĩ "gọi là phản kháng" đó thực chất chỉ là những "văn nô". Không cần biết họ viết gì, chỉ biết họ đang ở Việt nam (nhiều trường hợp là đảng viên Cộng sản hoặc đang làm việc cho guồng máy Cộng sản) và sách báo họ làm được nhà xuất bản của nhà nước in, thế là đủ! Không mất thì giờ đọc tài liệu tuyên truyền.

Lập luận cứng rắn dứt khoát đó không phải chỉ một sớm một chiều mà có. Nó bắt nguồn từ những kinh nghiệm đắng cay tích lũy lâu đời, do nhiều thế hệ nạn nhân Cộng sản đã từng bị lừa dối nhiều lần, cuối cùng dứt khoát không còn tin gì nữa. Ngay cả những tiếng miệt thị như "văn nô", "bồi bút", "những tên biệt kích, du kích văn hóa", cũng không phải là sáng kiến của những người tỵ nạn Cộng sản đặt ra. Đó là sản phẩm của guồng máy tuyên truyền Cộng sản, người đọc gặp nhan nhản trên sách báo Cộng sản khi họ muốn triệt hạ những thành phần văn nghệ sĩ đối lập. Hãy đọc Lénine để thấy ông tổ Cộng sản này đã dùng chữ như thế nào khi muốn bôi nhọ, trấn áp, vùi dập những người đối lập với ông.

Tuy nhiên, tôi nghĩ muốn phán xét ai, trước hết phải đọc tác phẩm của họ đã.

Năm 1985, tôi được hội Nghiên cứu Khoa học Xã hội ở New York nhờ viết một tiểu luận về "Chính sách của Cộng sản Việt nam đối với văn nghệ từ 1975 về sau", nên bắt buộc phải thường xuyên tìm đọc sách báo xuất bản ở Việt nam, phải tiếp xúc, phỏng vấn những người có kinh nghiệm, am tường về vấn đề này. Càng tìm hiểu, tôi càng thấy vấn đề không đơn giản như đa số đồng bào trong cộng đồng đã nghĩ: không phải tất cả thơ văn đã được nhà nước Cộng sản Việt nam in ra đều thực hiện đúng theo đơn đặt hàng, không phải tất cả người cầm bút ở quốc nội đều ngoan ngoãn "ăn cơm chúa múa tối ngày". Bỏ họ chung một rọ "văn nô" để khỏi phải bận tâm gì nữa, để thì giờ lo đi làm trả nợ nhà nợ xe nợ bảo hiểm, khỏe re. Nhiều người đã chọn giải pháp đó. Nhưng nếu còn quan tâm đến những gì đang và sẽ xảy ra trên quê hương Việt nam, thì chúng ta không thể không tìm hiểu đời sống, tâm tình, ước vọng của hơn sáu chục triệu đồng bào ở

quốc nội. Một cách để tìm hiểu là tìm qua các sách báo đã xuất bản, với óc biện biệt phê phán khách quan và sáng suốt.

Cần sáng suốt để một lần nữa khỏi bị lừa vì những sản phẩm tuyên truyền, đồng thời khỏi bỏ phí những giá trị đích thực. Bất cứ tiếng nói nào thực sự đòi hỏi cho quyền làm người, tố cáo sự giả trá, sự bất công, sự đàn áp tự do đều cần thiết trong giai đoạn này. Huống chi tiếng nói đó lại được diễn đạt qua nghệ thuật. Cho nên qua kinh nghiệm tìm hiểu của riêng tôi, tôi nghĩ quả tình có một dòng văn chương phản kháng ở trong nước, không phải mới đây mà đã có từ lâu, ít ra là từ thời Nhân văn Giai phẩm.

*

Để trả lời câu hỏi thứ hai: "Nếu có (dòng văn chương phản kháng), đối tượng phản kháng này là bản chất chế độ Cộng sản hay hiện tượng sai trái của cán bộ thừa hành?", tôi thấy chúng ta cần phải đồng ý với nhau về một số điều trước đã.

Tôi nhớ hồi trẻ khi còn học văn chương ở đại học, tôi rất thích một câu nói của văn hào Pháp, André Malraux: "Phán xét tức là chẳng hiểu gì cả" (Juger, c'est ne pas comprendre). Malraux có thói quen gài vào miệng những nhân vật militant của ông những câu phát biểu cực đoan, nhưng riêng câu này, tôi thấy đúng. Tôi thấy thông thường hễ lên tiếng phán xét ai khi chưa hiểu họ, thì sau này tôi thường thấy mình lầm lẫn, ngông cuồng. Tự đặt mình vào hoàn cảnh người mình định phán xét, giả định xem nếu mình là họ ở hoàn cảnh đó mình sẽ làm gì, thì lời phán xét sẽ chính xác hơn, công bình hơn. Chúng ta đừng quên rằng dưới chế độ độc tài Cộng sản, sinh mệnh chính trị chính là mạng sống của mỗi người. Một nhà văn nổi tiếng bốc đồng khinh bạc như Nguyễn Tuân mà lúc về già còn thú nhận rằng mình sống còn đến lúc đó là nhờ còn biết sợ. Cái không khí khủng bố tinh thần phủ chụp lên đầu giới cầm bút suốt đời. Nếu một số người cầm bút ngoan ngoãn ở lúc này, rồi lại dũng cảm liều lĩnh ở lúc khác, hoặc nói như Nguyễn Minh Châu, khi trung khi nịnh, thì chúng ta phải tìm hiểu đâu là lòng thành của họ, đâu là cái nhục cơm áo.

Tìm cho ra đâu là lòng thành của người làm chính trị, hơi khó. Vì trò chơi chính trị chấp nhận cùng đích biện minh cho phương tiện, chấp nhận những thủ thuật có tính cách chiến thuật giai đoạn nhằm đoạt quyền lực để thực hiện những mục tiêu cao đẹp lý tưởng hơn. Ngay tại các nước dân chủ tiên tiến, ít ai trách cứ các ứng cử viên đã nói dối khi hứa hẹn, đề cao mình và hạ nhục đối phương. Trò nói dối được tạm chấp nhận trong thời gian tranh cử, nhưng không được tha thứ sau giai đoạn tranh cử đã xong.

Đối với văn chương, lòng thành của người viết dễ nhận ra hơn. Dù có dùng xảo ngữ che đậy cách mấy đi nữa, chữ nghĩa nằm yên trên mặt giấy từ đời này qua đời khác, cho thiên hạ xoi mói đo đếm, thì thế nào cái giả dối gượng gạo cũng bị phát hiện. Nghệ thuật không chỉ do tài năng của người sáng tạo, mà theo tôi, quan trọng hơn cả tài năng là cái tâm thành. Không có lòng thành, mọi thứ nghệ thuật giả hiệu sẽ bị thời gian đào thải. Bằng chứng ở ngay trước mắt. Bốn mươi lăm năm "văn học cách mạng" dưới chế độ Cộng sản Việt nam rốt cùng còn lại được bao nhiêu tác phẩm giá trị? Đã có những nhà phê bình được chế độ nuôi dưỡng giáo dục thành thực chép miệng lắc đầu. Rồi đây lớp trẻ sẽ làm gì với đống sách vở lý luận và sáng tác mô tả, giải thích chủ nghĩa Cộng sản như là một thứ kim chỉ nam đưa nhân loại tới thiên đường? Cho nên tôi nghĩ muốn phân biệt được cái trung giữa hàng nghìn cái nịnh, phân biệt văn chương nghệ thuật với những sản phẩm tuyên truyền giai đoạn dưới chế độ Cộng sản, việc đó không quá khó.

Tạm đồng ý với nhau vài điểm về cách nhìn như thế rồi, tôi mới đáp thẳng vào nội dung câu hỏi thứ hai được. Tôi thấy đối tượng phản kháng của dòng văn chương phản kháng trong nước có thay đổi theo thời gian, tùy tình hình chính trị, tùy theo mức độ kiểm soát của guồng máy cai trị. Khuôn khổ một bài phát biểu ngắn trên tạp chí Văn Học không cho phép tôi đi vào chi tiết, ở đây tôi chỉ trình bày qua các nét chính của sự thay đổi.

1. Thời kỳ Nhân văn Giai phẩm từ 1956 đến 1958:

Cuộc đấu tranh cho tự do tư tưởng và sáng tạo của văn nghệ sĩ miền Bắc xảy ra lần đầu ở Hànội, và xảy ra giữa một thời kỳ có nhiều biến chuyển lớn trong thế giới Cộng sản. Ở Liên sô, Krushchev phát động chiến dịch hạ bệ thần tượng Stalin, và chủ trương xét lại đường lối cai trị sắt máu của người tiền nhiệm, làm cho những đảng Cộng sản độc tài đàn em vô cùng bối rối. Chính sách của Krushchev làm nẩy sinh cao trào đòi tự do dân chủ trong khối Cộng sản, bạo động ở Hungary, Nga - Hoa chống báng nhau gay gắt cả về ý thức hệ và quyền lợi. Tại miền Bắc Việt nam, cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu làm cho xã hội phân hóa, niềm tin của đảng viên và cán bộ lung lay, nhân tâm phẫn uất chán nản. Đảng và Nhà nước vội đưa ra chính sách sửa sai để tránh nguy cơ nổi loạn. Trong tình hình đó (rất giống với tình hình hiện nay), phong trào Nhân văn Giai phẩm thành hình và phát triển nhanh, ảnh hưởng lớn trong giới văn nghệ sĩ và sinh viên học sinh miền Bắc.

Hơn ba mươi năm đã qua, bây giờ đọc lại những bài viết đã phổ biến

trên sách báo thời này, rồi so với những biện pháp đàn áp cùng luận điệu trấn áp dữ dằn của chính quyền Hànội, chúng ta thấy đảng Cộng sản Việt nam đã thổi phồng vụ này để dằn mặt dân chúng, nhằm ngăn ngừa một vụ nổi loạn chống đối lớn rộng có thể bộc phát bất cứ lúc nào. Dù chính quyền có bắt Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang thú nhận công khai những âm mưu to lớn tới đâu, dù phóng đại những bài viết đòi hỏi quyền tự do tư tưởng chính đáng của văn nghệ sĩ lúc bấy giờ thành một âm mưu khuynh đảo quốc tế, nhưng chữ nghĩa vẫn còn đó làm bằng chứng. Đối tượng tranh đấu của Nhân văn Giai phẩm không nhiều, không lớn lao như nhà cầm quyền hô hoán. Nhóm Nhân văn Giai phẩm chỉ đòi hỏi quyền được tự do sáng tạo trong mối tương quan cởi mở thông cảm giữa chính trị và văn nghệ. Họ chưa dám, hoặc chưa có thì giờ đề cập đến những vấn đề cốt lõi như bản chất của chủ nghĩa xã hội, quyền làm người, vai trò của văn nghệ và vai trò của chính trị... Thế mà họ bị guồng máy công an và văn hóa của chính quyền miền Bắc tung hết sức ra đàn áp tàn nhẫn, những nhà văn dính líu bị cô lập về chính trị lẫn kinh tế, có người bị tù đày lâu dài. Cho tới nay, sau hơn ba mươi năm, vụ Nhân văn Giai phẩm vẫn còn là một ám ảnh lớn đe dọa thường trực văn nghệ sĩ Việt nam, làm ảnh hưởng tai hại tới các cuộc tranh đấu cho tự do tư tưởng, làm nhụt chí một số người cầm bút chưa đủ can đảm.

2. Khát vọng tự do của văn nghệ sĩ không bao giờ bị dập tắt, nhưng chiến tranh đã làm cho khát vọng đó trở thành thứ yếu. Cả miền Bắc dốc toàn lực cho chiến tranh, nên chỉ lâu lâu mới có một vài bài thơ, bài văn "có vấn đề", còn nói chung, dòng văn chương phản kháng không có cơ hội phát lộ mạnh suốt thời kỳ từ 1959 đến 1975. Phải chờ đến khoảng 1978, mới lác đác thấy một số ý kiến "có vấn đề".

Khởi đầu là ý kiến của Nguyễn Minh Châu, một nhà văn quân đội, đòi xét lại lối viết truyện về chiến tranh. Nguyễn Minh Châu cho rằng lâu nay chưa có tiểu thuyết thật sự về chiến tranh, vì tiểu thuyết về chiến tranh của miền Bắc trước 1975 và Việt nam sau 1975 đều bề bộn sự kiện, người lính nào cũng lý tưởng dũng cảm, tác giả không đi sâu vào tâm tình thực của họ, chưa dám đề cập đến những vấn đề xã hội liên quan tới chiến tranh. Tóm lại, Nguyễn Minh Châu cho rằng "văn học cách mạng" chỉ chuyên tô hồng một chiều, chỉ vẽ ra cái mẫu muốn có chứ không nói đến thực tại đang có của con người, cuộc đời. Ý kiến này được nhiều nhà văn trẻ trong quân đội hưởng ứng, sau đó, Hoàng Ngọc Hiến đưa vấn đề lên cao hơn, gây một

cuộc tranh luận sôi nổi về lý luận văn nghệ, lý luận thẩm mỹ học, tức là tranh luận đến cái cốt tủy của tương quan chính trị – nghệ thuật.

Như vậy, về mặt đối tượng, lần này ý thức phản kháng có đi xa hơn Nhân văn Giai phẩm. Chính quyền Hànội cũng vội vã tìm cách dập tắt, nhưng mức độ không ghê gớm như trước, có lẽ vì:

– Những người lên tiếng đòi xét lại chính sách văn nghệ đều là công thần, hầu hết là bộ đội, và được đào tạo ngay trong nền giáo dục Cộng sản, không thể dễ dàng truy chụp họ như đối với các nhà văn của nhóm Nhân văn Giai phẩm.

– Những bài viết có tính cách chống đối lần này thuộc thể loại lý luận, phê bình, chưa có sáng tác phẩm minh họa để ảnh hưởng sâu rộng lên quần chúng, do đó chính quyền dễ dàng khoanh vùng để giải quyết trong các tụ điểm văn hóa, trong khuôn viên đại học hoặc tòa soạn, nhà xuất bản.

– Đảng và Nhà nước tuy phải đối phó với một tình trạng bất an về xã hội do xung đột trầm trọng với Trung quốc và cao trào vượt biên, nhưng trong thế giới Cộng sản nói chung, không có những biến động lớn ảnh hưởng đến sự an nguy của chế độ như hồi 1958 và bây giờ, nên chính quyền không cần ra tay đàn áp bằng bạo lực hay các biện pháp hành chánh.

3. Giai đoạn từ 1986 đến nay.

Hiện nay thì dòng văn học nghệ thuật phản kháng lại chế độ Cộng sản (ở đây chỉ đề cập đến các hoạt động công khai, loại sách báo đã được in và phổ biến) đã vượt xa hai giai đoạn trước cả về chiều sâu lẫn chiều rộng.

Bối cảnh chính trị trong thế giới Cộng sản gần đây có nhiều biến động lớn lao gấp mười lần thời xét lại của Krushchev, đến nỗi ngay chủ nghĩa Cộng sản cũng bị phá sản, làm đổ vỡ cả hệ thống quyền lực xây dựng tỉ mỉ chặt chẽ từ bao nhiêu năm.

Trước áp lực của thế giới, và áp lực của một xã hội rối loạn vì kinh tế suy sụp, chính quyền phải đưa ra những chủ trương thay đổi, cởi mở hơn đôi chút về kinh tế và văn nghệ. Thế là những tiếng nói, những khát vọng bị vùi dập lâu nay được dịp cất lên, lan rộng ra. Văn nghệ phẩm đòi hỏi tự do, tố cáo bất công nẩy nở, phát triển trong mọi bộ môn từ kịch nghệ, điện ảnh, thơ, tiểu thuyết, báo chí. Những văn nghệ sĩ dám nói lên tâm nguyện của quần chúng được quần chúng đón nhận nồng nhiệt, họ có ảnh hưởng đến quần chúng nên bây giờ chính quyền không dễ dàng đàn áp họ như thời Nhân văn Giai phẩm. Sách báo viết theo đuôi chính quyền bị quần chúng thờ ơ, sách báo chống chế độ được hưởng ứng nồng nhiệt. Nhiều tên tuổi mới được quần chúng xác nhận giá trị (chứ không phải chính quyền) do ở

chỗ họ đã dám nói thẳng, nói thật. Có thể kể tới kịch của Lưu Quang Vũ, thơ của Nguyễn Duy, Trần Mạnh Hảo, văn của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm thị Hoài, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Dương Thu Hương, phim của Trần văn Thủy... Phần sáng tác phẩm, cả về lượng lẫn phẩm, đều hơn hẳn hai thời kỳ trước.

Đó là nói về chiều rộng. Về chiều sâu, lần này văn nghệ phản kháng cũng nhắm tới những đối tượng căn bản hơn. Những nhà lý luận phê bình lâu nay tuân thủ nghiêm túc căn bản lý luận Mác Lê, thì nay đã dám nói những điều chưa dám nói. Nhân các buổi tranh luận về truyện Nguyễn Huy Thiệp, những nhà phê bình như Trương Chính, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Đăng Mạnh, Lữ Phương đã dám công khai hỗ trợ cho các quan điểm của Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Minh Châu.

Tôi nghĩ dòng văn nghệ phản kháng giai đoạn này đã trở thành một tâm nguyện của quần chúng, nên dù, chính quyền có muốn buộc trói nó (như họ đã làm) chính quyền cũng không thể làm được. Không được cho phép, quần chúng sẽ có cách để phổ biến nó. Mà thực tế ngay guồng máy chính quyền Việt nam hiện nay cũng đã rệu rã, lỏng lẻo, chưa chắc gì lệnh Hànội các tỉnh đã nghe, lệnh cấp trên cấp dưới đã tuân hành. Dù muốn hay không, Việt nam đã trở thành một thị trường tự do theo luật cung cầu. Mà nhu cầu của quần chúng là tự do, cơm áo, quyền làm người. Chế độ Cộng sản Việt nam không cung cấp những món hàng đó được. Người dân phải ra chợ trời để mua những món hàng đó.

TB: Tôi xin để dành các câu hỏi 3 và 4 cho các cuộc thảo luận khác, không đề cập ở đây.

Tìm đọc

NGẮN CỔ KHÓ KÊU

chuyện dài Nguyễn Đức Lập

Hoa Gấm xuất bản

NGUYỄN ĐỨC LẬP

cảm nghĩ rời

●

Có thừa không, có trễ tràng không, khi, vào ngày giờ nầy, còn đặt nên câu hỏi "có hay không có một nền văn chương phản kháng trong quốc nội"?

Không phải rằng dầu bất cứ vào thời đại nào, bất cứ ở đâu, bất cứ dưới chế độ nào cũng có một dòng văn chương phản kháng sao?

Tự cổ chí kim, tự đông sang tây, chưa hề có một triều đại nào, một chế độ nào được lòng hết thảy một trăm phần trăm dân chúng. Vua Nghiêu được đời sau tôn xưng là Thánh Vương, dưới triều đại của ông, *"Hây hây phong kiểng, rờ rờ xuân quang, bá tánh an nhàn, vạn dân ca võ..."*, nhưng *"Chó Đạo Chích sủa vua Nghiêu"*.

Phật còn bị báng bổ, Chúa còn bị chỉ trích mà.

Phản kháng phát sinh từ những xung đột. Chân lý thì không có một, phải với người nầy, không phải với người kia; phải ở chỗ nầy, không phải ở chỗ kia. Bởi vậy mà thánh như Khổng tử còn *"bị vi Tống, Vệ, Khuông, Trần tuyệt lương"*, còn bị Sở Cuồng, Dương Hóa "kêu ngạo", hiền như Phan Hồi còn bị Tàng Thương chọc quê.

Hoàng Đế, sau khi thắng lớn, dẹp yên được Xi Vưu ở đồng Trác Lộc, cho khắc lên bia đá:

Trác Lộc minh kim vị nhược hưu
(Trận Trác Lộc cho tới ngày nay vẫn chưa dứt).

Trận Trác Lộc phát sinh từ xung đột giữa hai nền văn hóa Long Châu và Ngưỡng Thiều, giữa Nam và Bắc. Đặt ra ngoài lãnh vực văn hóa, lãnh vực nào cũng có thể tạo nên xung đột và sự xung đột nào cũng tạo nên phản kháng.

*

Mượn chữ nghĩa để bày tỏ sự phản kháng, gọi là văn chương phản kháng.

Văn chương, xưa nay, vẫn được chia ra làm hai loại: Văn chương bình dân và văn chương bác học.

Văn chương bình dân tuôn chảy thành dòng trong nhân gian. Văn chương bác học nghiêm trang trong sách vở. Cả hai đều có giá trị không thể phủ nhận. Và, về mặt thể dụng, ảnh hưởng, chưa chắc văn chương bác học đạt được giá trị cao hơn văn chương bình dân.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, ngày nay được tôn vinh là danh nhân thế giới, nhưng, *Bình Ngô Đại Cáo, Đoạn Trường Tân Thanh* chắc chắn là không được thuộc, không được phổ biến bằng *Tấm Cám, Thạch Sanh Lý Thông* hay *"Công cha như núi Thái sơn...", "Trong đầm gì đẹp bằng sen...".*

Ngày nay, người ta còn nhắc hai câu thơ của Cao Chu Thần, khi sắp sửa vươn cổ chịu chém:

Ba hồi trống giục đù cha kiếp
Một nhát gươm đưa déo mẹ đời

Thì người ta vẫn chưa quên bốn câu hát trong nhân gian:

Chiếu vua mười bốn tháng ba
Cấm quần không đáy người ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải mượn quần chồng sao đang

Xử tử Cao Bá Quát và cấm đờn bà mặc quần không đáy là hai sự kiện xảy ra dưới cùng một triều đại: Triều đại Dực Tôn Anh Hoàng Đế nhà Nguyễn.

Hịch Tây Sơn: *"Giận Quốc Phó ra lòng bội bạc, nên Tây Sơn dấy nghĩa cần vương...",* ngày nay còn được truyền tụng, thì ngày nay, cũng còn được truyền tụng câu hát của nhân gian, xuất phát vào thời điểm có cuộc chiến tranh giữa Nguyễn Phúc Ánh và họ Nguyễn Tây Sơn, *"Lạy trời cho cả gió nồm, cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra".*

Cũng vậy, ngày nay vẫn còn nhắc, trong khi dân chúng miền Nam khuyên nhau ứng nghĩa liều chết chống Pháp *"Giặc Tây đánh tới Cần giờ, biểu đừng thương nhớ đợi chờ uổng công"*, thì trí thức Tôn Thọ Tường xẻn lẻn đầu Tây, khép nép gục mặt khoanh tay trước búa rìu dư luận *"Chẳng đặng khôn Lưu, đành dại Ngụy, thân này xin gác ngoại vòng thoi".*

Trở lại nền văn chương quốc nội và phản kháng đây là phản kháng chế độ Cộng sản.

Đối với văn chương bình dân, sự phản kháng đã có từ lâu (lẽ ra, phải viết là "từ khuya" mới đúng).

"Khoai lang quá tháng khoai lang sùng. Lấy chồng bộ đội, lấy thằng khùng sướng hơn" không phải là phản kháng sao?

Từ *"râu bác dài, tóc bác bạc phơ"* thành *"chưn bác dài, bác đạp xích lô"*, không phải là phản kháng sao?

Nhà nước cổ động, vẽ ra một sự sung túc *"tập thể tập tanh, bỏ tranh thay ngói"*, nhân gian nói *"tập đoàn, tập thể, tập te, không có miếng giẻ để che cái... đùm"* không phải là phản kháng sao?

Con nít được dạy *"năm điều bác Hồ dạy học sinh: yêu tổ quốc, yêu đồng bào..."* nhân gian trả lời *"năm điều bác dạy đã thông, nhưng vì đói quá tạm mượn ông chiếc xuồng"*, không phải là phản kháng sao?

Ở sau câu khẩu hiệu của nhà nước *"lao động là vinh quang"*, người dân nối thêm *"lang thang là chết đói, nói là ở tù, lù khù đi kinh tế mới"*, không phải là phản kháng sao?

Với văn chương bình dân, sự phản kháng len lỏi vào làng trên xóm dưới, trải rộng từ thành thị xuống tới nông thôn, đâu đâu cũng một miệng một lời, không phải là "dòng" nữa, mà trăm rạch, trăm suối góp lại thành sông, và trăm sông góp lại đã thành biển.

Mặc dầu biển hận đã tràn đầy, văn chương bình dân bị mặc kệ nổi trôi trong niềm đau thương của nhân gian. Hay, đó là cái số phận, cái vai trò đúng của văn chương bình dân? Hay, mệnh danh là trí thức thì chỉ nên trang trọng mà bàn văn chương bác học?

*

Xin thành thật nể phục những cây bút đã đóng góp vào cao trào dùng chữ nghĩa để phản kháng tại Việt nam hiện nay.

Dù là chống chủ nghĩa, chống chế độ hay chống lại những việc làm sai trái của cán bộ địa phương, mọi sự phản kháng bằng sách vở, báo chí, trên giấy trắng mực đen, đều đáng nể phục.

Những ai đã từng sống với Cộng sản đều biết rằng chế độ vốn tráo trở như nướng bánh phồng, vốn lật lọng như đảo bàn tay. Nhân dân không tin chế độ. Hơn ai hết, những người được phép cầm viết trong chế độ hiểu rõ bản chất của chế độ.

Một lời tuyên bố "cởi trói văn nghệ" của Tổng bí thư Nguyễn văn Linh, đã nổi lên một phong trào phản kháng trong văn chương bác học, đã có những tên tuổi nổi bật, đã có những tác phẩm được bàn tán.

Điều nầy, có thể giải thích bằng hai lý do.

Một là các nhà cầm bút, làm công việc phản kháng ở Việt nam, đã đặt niềm tin tuyệt đối vào lãnh tụ. Lãnh tụ đã hạ lệnh "cởi trói", các nhà cầm bút tuyệt đối tin tưởng rằng đây là thành tâm thiện ý của đảng, họ không hề cảm thấy phải dè dặt ở sự tráo trở, lật lọng ngày một ngày hai, đúng với bản chất của chế độ trước đây. Niềm tin sáng chói đó đã kết tụ thành những dòng chữ, những tác phẩm.

Hai là, các nhà cầm bút phản kháng, đã nương lấy cơ hội "cởi trói" để đứng về phía nhân dân, nói lên tiếng nói uất nghẹn của đại khối nhân dân. Đây là một hành vi can đảm, cực kỳ can đảm, đem chính cái an nguy của mạng sống mình, nói lên tiếng nói của đám đông bị đàn áp.

Cho dù phát xuất từ lý do nào, các người cầm bút phản kháng ở Việt nam cũng đáng nể phục. Trong trường hợp ở lý do thứ nhất, họ đáng nể phục vì vẫn còn có niềm tin sáng chói, trong khi, **niềm tin để viết đã mất ở một số cây viết ở hải ngoại, mất đến nỗi phải vay mượn niềm tin từ kẻ khác và tưởng đó là niềm tin của mình.**

Trong trường hợp ở lý do thứ hai, không đáng khâm phục, kính trọng sao những người đã đem hết tương lai, sinh mạng của mình để đánh đổi tiếng nói đau thương của nhân dân?

*

Xin chân thành cám ơn các cây bút phản kháng ở trong nước, những Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Hà văn Thùy, Phùng Gia Lộc, Phạm thị Hoài, Trần Mạnh Hảo...

Nhờ những người cầm bút này và nhờ các tác phẩm của họ, một số các nhà "trí thức" mới tin rằng có những sự thật kinh khiếp, thô bạo đã xảy ra dưới chế độ Cộng sản.

Nhờ Nguyễn Huy Thiệp, trong "Tướng Hồi Hưu", người ta mới tin rằng sự việc lấy "nhau" của các sản phụ, lấy những bào thai đã bị phá non để nuôi heo là chuyện có thật dưới chế độ Cộng sản.

Nhờ Dương Thu Hương, trong "Những Thiên Đường Mù", người ta mới tin rằng cái hố sâu ngăn cách giữa chế độ và nhân dân do phong trào cải cách ruộng đất đem lại, sau hơn ba chục năm, vẫn chưa lấp được. Từ đó mới biết rằng cuộc cải cách đó kinh khiếp tới mức nào. Chuyện hơn ba mươi năm, nhân dân chưa quên, sao có những người muốn quên đi những chuyện chỉ mới có mười lăm năm.

Nhờ sự hợp lực của những cây bút đã tạo nên tuyển tập "Người Đàn Bà

Quỳ", do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành, người ta mới tin rằng có những người vô sản chân chính, cả đời đi chưn không, móng chưn bị thúi như bị cùi sứt móng, bị bóc lột tới nỗi vừa chạy vừa kêu trời trong đêm tối; có một nhúm lúa, dấu trong rương, để dành làm đám ma cho mẹ, vẫn bị tịch thu; có những đền thờ, nhà thờ họ bị phá, các vị thần, tổ tiên các họ bị đưa vào tập thể; có những mồ mả của các tiền hiền các làng bị đào xới cho mất tích; có những người đàn bà bị đàn áp, tới nỗi phải quỳ mà đội đơn kêu oan, còn hơn là chuyện xảy ra dưới thời phong kiến ngày xưa...

Hồi sau 54, khi bộ phim "Chúng Tôi Muốn Sống" được trình chiếu, nhiều người không tin rằng những cảnh đấu tố trong phim là sự thật đã xảy ra ở miền Bắc trong thời kỳ đấu tố cải cách ruộng đất. Nhiều người đã bĩu môi cho rằng đây là một loại phim tuyên truyền của bộ Thông tin. Nhứt là các "bậc trí thức" tư tưởng cao thâm, kiến thức viễn lự.

Khi các đồng bào di cư nói về những tình huống đã trải qua, đã gánh chịu ở miền Bắc, thì họ bị kết luận là nói quá sự thật để biện minh cho sự ra đi của họ.

Cũng vậy, ở hải ngoại, những mô tả của Nguyễn Ngọc Ngạn, người đã ở lại mấy năm, chịu lao tù, của Xuân Vũ (Lê Mỹ Hương), người đã tập kết ra Bắc, đã "đi Nam", đã hồi chánh, của Thế Giang, người đã sinh ra và lớn lên ở miền Bắc... Chưa làm người ta tin những sự thật đã xảy ra dưới chế độ Cộng sản, nếu có tin thì cũng "bán tín bán nghi".

Một lần nữa, xin cảm ơn những cây bút phản kháng ở Việt nam.

*

Khoan nói về dân tộc, hãy chỉ nên nói tới nhân dân.

Xưa nay, những cây bút chân chính nào cũng vậy, cũng đứng về phía nhân dân và lưu truyền lại hậu thế không phải là những tác phẩm ca tụng triều đình, ca tụng chế độ, mà là những tác phẩm nói lên tiếng nói của nhân dân.

Có những tác phẩm trở thành bất tử vì niềm đau của tác giả trộn lẫn với niềm đau của nhân dân, tâm sự của tác giả hòa nhịp với tâm sự nhân dân, tác giả đứng từ phía nhân dân để lên tiếng nói.

Nhà văn Dương Thu Hương, phát biểu trong đại hội các nhà văn ngày 30 tháng Mười năm 1989, đã nói:

"Đã mấy thập kỷ qua chúng ta chỉ tuyên truyền trong công chúng: *Nhân dân biết ơn đảng* nhưng chúng ta không giáo dục đảng viên: *Đảng phải biết ơn nhân dân*...".

"Chúng ta" đây là ai? Ai là "chúng ta" đây?

Ôi! Rõ ràng trong cái "chúng ta" được dùng ở trên, không có nhân dân rồi.

Theo định nghĩa có tính cách tầm nguyên mà ông Trịnh Ngọc Minh (tức là nhà thơ Trịnh Y Thư) đã tìm được, chữ "glasnost" có nghĩa là "truyền xuống cho công chúng rõ" (cuộc cải cách của Nga sô và Gorbachev, đăng trong Hoài Bão Quê Hương, số 1, 1989).

Công chúng đây là nhân dân, là đám đông được "truyền xuống".

Công chúng không phải "chúng ta". Nhân dân không phải "chúng ta".

"Chúng ta" lại càng không phải là công chúng. "Chúng ta" lại càng không phải là nhân dân.

*

Trưa mà trời còn lành lạnh. Hay cái lạnh nầy không phải ngoài da? Vặn nhỏ cassette, tiếng cổ nhạc rộn rã ấm ấm êm êm, giọng kép Minh Vương, trong vai Nguyễn Trãi, qua điệu đảo ngũ cung rộn ràng gay cấn:

Bên tai ta vẫn còn nghe lời thầy văng vẳng lúc ra đi
Thầy có dặn rằng
Sống phải làm việc nhân
Cứu khổ sanh linh
Ta chẳng bao giờ phân vân
Hôm nay đây
Trước cảnh dân tình
Trong cơn nguy nàn
Sao ta lại
Ta lại chẳng đau lòng
Ôi, đau lòng vì núi sông
Việc của ta
Suy gẫm cho kỹ càng
Còn khó hơn đánh trận
Đánh trận chẳng khó bằng
Nhưng thắng lợi sẽ về ta
Ta biết
Hôm nay ta sẽ gặp khó khăn
Nhưng rồi đời sau
Muôn người nối tiếp nhau đi
Ắt sẽ vinh quang

Tiếp theo là giọng của Phượng Liên, trong vai Thị Lộ, ngọt ngào, nhưng thê thiết bi thương, qua điệu nam ai:

Suốt đêm qua
Thiếp trăn trở nghĩ tới xóm làng
Trong dạ nào an
Nghĩ mà thương cho chàng
Ôi thân già phải gánh chịu cuồng phong
Mấy chữ nghĩa là mấy chữ nhân
Nhân nghĩa vẹn toàn
Nhưng lòng thiếp sao an

Vở tuồng kết thúc đúng với lịch sử, Nguyễn Trãi và Nguyễn thị Lộ bị chết vì án "tru di tam tộc", nhưng, Nguyễn Trãi là ai? Tác giả của vở tuồng "Rạng Ngọc Côn Sơn" là ai? Cái cảnh *"dân tình trong cơn nguy nàn"* là cảnh của ai đang gánh chịu?

Và phải chăng, cái cảnh *"muôn người nối tiếp nhau đi, ắt sẽ vinh quang"* là cảnh đã xảy ra ở Đông Âu, đang xảy ra ở Liên sô và chắc chắn sẽ xảy ra ở cac quốc gia Cộng sản mà đảng và nhà cầm quyền còn cố bám lấy, một cách lạc hậu, quyền lực chính trị.

Thay một cuốn băng, giọng của Hoàng Phương ấm ơi là ấm, qua một điệu lý ngô đồng:

"Giờ này
Non nước đang trào dâng
Bao cuồng giông
Biết chăng
Trong triều rối rắm
Bá quan chỉ lo lợi quyền...".

Tìm đọc:

NGHĨ VỀ THƠ

Tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc

Văn Nghệ xuất bản

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

gorbachev: bàn tay siêu bỉ ngạn

●

Từ nhiều năm, tôi ít lưu tâm tới thời sự cùng chính trị. Vì nghĩ rằng ván cờ quá phức tạp, vả lại thế sự mang mang chẳng bao giờ hết chuyện, và năm tỷ người trên trái đất hầu hết đều như trôi giạt vào mê–đồ–huyễn–hoặc của những chiêu bài ý hệ, lún sâu vào vũng sình lầy khó có lối thoát.

Nghĩ vậy nhưng không tiện nói ra, vì thấy không lợi cho người cũng chẳng ích cho mình.

Hồi tưởng lại những năm 43 – 44, tưởng chừng như ở một kiếp khác. Lúc đó, tôi cũng quen thuộc đi lại với vài người Cộng sản trong bóng tối... Tuy non nớt trước việc đời, không hiểu sao tôi vẫn mang mang nhận thấy rằng những mẫu người này "không được". Quá nhiều tham vọng quyền lực cùng thù hận, quá tàn nhẫn, và quá nhiều thủ thuật giữ mình và lợi dụng người... Hồi đó, tôi hay nghĩ tới những con người lý tưởng của phong trào Populistes ở Nga, và mẫu người Bolchevik thường núp dưới chiêu bài tiến hóa lịch sử để mưu đồ quyền lực.

Rồi tới 1945. Sống ngỡ ngàng lang thang nơi một tỉnh lỵ nhỏ Bắc Việt, nhìn vụ Tuần Lễ Vàng cùng nghe vang khúc Tiến Quân ca, tôi tự hỏi không hiểu đây là phong trào gì? Là một phong trào giải phóng có mục tiêu nhân ái... hay chỉ là sự trỗi dậy của một loài quỷ khát máu và khát quyền lực?!

Rồi tới 1975. Ra đi trong tất tưởi. Nhưng tôi không hề thấy nhục nhã vì thua trận. Vì nghĩ rằng loài người không thể có nhiều khát vọng thù hận cùng tàn nhẫn như loài quỷ. Nơi đất khách hiu quạnh, tôi cũng không ngờ còn sống được đến ngày nhìn thấy cái thiên đường mù tan rã sớm và mau lẹ như vậy. Tan rã trong vài năm, trong khoảnh khắc, như có một cơn lốc vô hình, như có bàn tay thần linh lay đổ...

Bàn tay thần linh hình như đã phổ vào, cụ thể hóa trong bàn tay siêu bỉ ngạn Gorbachev. Có lẽ trong lịch sử các triều vua chúa, Gorbachev là

khuôn mặt duy nhất biết BUÔNG và biết THẢ. Trong khi những kẻ lưu danh khác chỉ biết TRÓI và biết GIẾT.

Tương tự như người hiệp sĩ trong Kim Dung, có cây kiếm thần mà không thèm rút ra, chỉ xòe nụ cười cùng bàn tay để cầu hòa.

Nhiều bộ óc chính khách nghĩ rằng: đó là do những lý do cấp thiết kinh tế. Đó có thể là một lý do, nhưng không thiết yếu cho lắm, cũng không phải toàn bộ lý do. Sự việc ở đời thường có vô lượng nhân duyên.

Chúng ta chỉ nhìn thấy một dữ kiện không tiền khoáng hậu: trong thời gian kỷ lục, với cái đầu hói và bộ dạng xuề xòa của một anh salesman đi chào mẫu hàng, bàn tay đó đã giải phóng (thực sự) hàng trăm triệu người Đông Âu.

Chắc còn một số người, nghiêm khắc trên lập trường và đã từng đấu tranh gian khổ, nghĩ rằng dù sao, Gorbachev vẫn là một người Cộng sản.

Nhưng đứng trên lập trường người với người, phải nhận rằng ông ta đã hành động như một người có lương tâm đối với kẻ khác... Và có lẽ đồng thời với những người như đức Dalai Lạt ma, đức Giáo hoàng Jean Paul..., Gorbachev đã làm trỗi dạy lương tâm nhân loại.

Buông và Thả hàng trăm triệu người, chắc là cũng phải có đôi chút tâm TỪ.

Không hiểu sau này, vận mệnh của sứ đồ Gorbachev ra sao. Nhưng riêng một vụ Đông Âu cũng đáng được chào đón như lương tâm của thế kỷ.

Tôi cầu mong rằng Việt nam quê hương máu lửa cũng sẽ đi theo con đường Lỗ mã ni để làm sáng tỏ kỷ nguyên con Người.

*

Cách đây chừng năm mươi năm, Koestler đã nói tới "người yogi và người ủy viên chính trị", về hai thứ văn minh đó.

Tới nay, người ủy viên chính trị đã thất bại thê thảm. Nhưng còn người yogi thì sao?... Phải chăng là nhân loại sẽ quay về nội giới chủ quan?

Cũng không hẳn là như vậy.

Ngày nay, với những tên tuổi bác học như Fritjof Capra, David Bohm, John Wheeler v.v... nền khoa học hạt tử vi tì đương lần bước đi vào hư không, mà mở con đường sạn đạo đi vào những ba động quang minh của tâm thức. Càng ngày càng ngả theo nền nhận thức quan đầy *ba động quang-minh chập chùng* trong thế giới Hoa nghiêm, và giáo lý sắc không của nền đạo lý tâm linh.

Song loài người vẫn còn mang cái thân xác máu thịt phù du, chưa phải

là thân hào quang bất hoại... năm tỷ người lại càng ngày càng nhân mãn. Nên những hệ lụy của ngoại giới cùng xã hội vẫn cứ trùng trùng và phức tạp.

Cho nên, thiên niên kỷ thứ ba sắp tới có thể là một kỷ nguyên chuyển biến lạ lùng của tâm tư nhân loại.

Cầu mong rằng con người sẽ tìm được một thế quân bình giữa nội giới tâm linh khao khát tự do, và ngoại giới đầy hệ lụy....

TỊNH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

qua sông ni liên

NIRANJANA...

Làm sao nối lại dòng tâm tưởng
Cho kiếp phù trầm chớ lãng quên
Làm sao trả sạch ân tình cũ
Để thả một dòng giấc thụy miên?!...
Qua sông Ni Liên, dòng sông cạn
Nhìn cát bạc màu, lòng xót sa
Nhớ một buổi mưa sông đầy ắp
Cùng những bầy chim bay la đà
Chúng tìm gì đây trên dòng nước
Sỏi đá biến thiên nước nhạt nhòa
Có ai lê bước rừng Khổ hạnh
Để tới vũng sông rửa mắt lòa
Linh Thứu núi xưa mặt trời hồng
Nửa khuya biến hình thành trăng lu
Có ai gõ trống trên ghềnh đá
Bàng bạc thinh không hoa trời sa
Ngày về bỗng nhận tập "Đọc kinh"
Của người gửi tới từ hiu quạnh
Ý tưởng ngẩn ngơ lời ngập ngừng
Bàng hoàng như cười như rơi lệ...

(Đề ngày 29.11.89)

NGUYỄN HƯNG QUỐC

thơ mai thảo tiếng mưa thầm rơi trên nam hoa kinh

●

Tôi ít thấy ai yêu thơ như Mai Thảo. Thuộc rất nhiều thơ, đặc biệt thơ tiền chiến và thơ những năm đầu kháng chiến, Mai Thảo có thể nói chuyện về thơ miên man từ giờ này sang giờ khác, từ ngày này sang ngày khác. Dường như chỉ khi nói chuyện về thơ, Mai Thảo mới hoạt bát, sôi nổi, say sưa, gửi hết hồn mình trong từng tiếng trầm bổng. Ly rượu trên tay, đầu lắc lư, mắt lim dim, Mai Thảo nói về thơ với giọng xúc động như khi người ta kể lại một mối tình đầu vừa thành kính như một con chiên ngoan đạo kể về cuộc đời của Người Cứu Thế. Với Mai Thảo, thơ là cái gì thiêng liêng, như một tôn giáo. Với Mai Thảo, thơ, *"chỉ thơ, mới là ngôn ngữ, là tiếng nói tận cùng và chung quyết của văn chương" (1).*

Nhớ, vào những năm 56, 57 trên tạp chí Sáng Tạo, Mai Thảo đã cổ vũ nhiệt liệt, có lúc ồn ào, một cuộc lữ hành mới cho văn chương và cho nghệ thuật. Đi đâu về đâu, chưa một lần Mai Thảo xác định rõ ràng. Mà hình như ông cũng không quan tâm mấy đến cái đích tới. Vấn đề quan trọng nhất, với Mai Thảo lúc ấy, là phải nhổ neo, phải ra khơi, phải giã từ cái bến cũ quạnh hơi thu và đìu hiu lau lách của văn chương tiền chiến, phải tìm kiếm một trời biển khác cho cái mà ông thường gọi là "hôm nay" hay "bây giờ".

Với bản thân mình, Mai Thảo đổi mới văn học bằng cách kéo văn xuôi lại gần hơn nữa với thơ, có lúc cơ hồ xóa nhòa biên thùy giữa hai lãnh vực này. Văn xuôi Mai Thảo là văn xuôi thơ. Chất thơ là đặc điểm nổi bật nhất trong toàn cõi văn xuôi Mai Thảo.

Có thể nói, Mai Thảo viết văn xuôi với tâm thế của một nhà thơ. Cũng có thể nói, Mai Thảo, tự bản chất, là một nhà thơ.

Điều này là nguyên nhân của những thành công lẫn những thất bại của Mai Thảo. Mai Thảo thành công ở chỗ: với biện pháp tăng cường đậm đặc

chất thơ vào văn xuôi, ông đã tạo được một phong cách văn xuôi độc đáo, diễm lệ và đài các lạ lùng. Nếu ví văn chương với người phụ nữ thì văn chương của Mai Thảo là một người phụ nữ thành thị, trẻ trung, thích son phấn, thích trang sức, rất kiêu sa, đôi khi lòe loẹt. Cùng với Nguyễn Tuân, Mai Thảo đi đến tận cùng chủ nghĩa duy mỹ. Văn chương, với Mai Thảo, là một cái đẹp, trước hết là một cái đẹp ở hình thức, ở bút pháp, ở sự lấp lánh của chữ, ở sự óng ả của câu, ở sự hòa âm trong các đoạn. Tuy nhiên, vì quá chú trọng đến hình thức, quá chú trọng đến nhạc điệu, Mai Thảo ít nhiều đánh mất sự gân guốc của hiện thực và sự sắc cạnh của tư tưởng. Khi mỗi câu văn là một đài hoa mượt mà, chất trí tuệ sẽ tan ra thành hương thành khói. Chỉ còn lại cảm xúc tràn lên mênh mang. Mai Thảo là một nhà văn duy mỹ đồng thời là một nhà văn duy cảm xúc. Phần lớn những sự mô tả của Mai Thảo đều có khuynh hướng dẫn đến một tâm tình. Tả mưa, chẳng hạn, Mai Thảo viết, trong bài Sổ Tay đăng trên Văn số 57: *"Mưa lục bát trên những mái nhà, tứ tuyệt trên những đường phố. Và song thất ở những ngã tư"*. Cơn mưa ấy, rõ ràng vừa là cơn mưa lâm thâm của trời đất vừa là cơn mưa lê thê của thi ca. Nó vừa thực vừa hư. Nó hư nhiều hơn là thực. Nó không mở ra một không gian nào cả. Nó chỉ dẫn người ta vào một tâm cảnh, ở đó, nói như Huy Cận, có *"những chân xa vắng dặm mòn lẻ loi"*. Thế thôi.

Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy, sau này, Mai Thảo làm thơ nhiều, và mới đây, xuất bản tập thơ thứ nhất của mình. Chỉ có điều đáng ngạc nhiên một cách thích thú là, với thơ, Mai Thảo không những trở về với bản chất của mình, bản chất một thi sĩ, mà còn, hơn nữa, với thơ, ông khắc phục được cái nhược điểm thường phổ biến trong văn xuôi của ông trước đây. Có cảm tưởng bao nhiêu tư tưởng nung nấu một đời, khắc khoải một đời, Mai Thảo đều gửi gấm hết vào thơ. Chỉ vào thơ.

Đặc điểm nổi bật nhất của *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* (2) là tính chất trí tuệ.

*

Hẳn Mai Thảo phải thích bài *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* lắm nên ông mới lấy tựa bài này đặt tên cho cả tập thơ. Mai Thảo thích, tôi đoán, có lẽ vì bài thơ thể hiện cô đọng một tư tưởng mà ông hằng ôm ấp:

Ta thấy tên ta những bảng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương.

Không nên nghĩ Mai Thảo, ở vào cái tuổi ngoài sáu mươi, đâm ra ngạo thế, như một số nhà thơ trẻ, vì phẫn chí, giả vờ nghênh ngang. Ở hai câu tiếp theo, Mai Thảo giải thích:

Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương

Hạt cát và đại dương. Là gì nhỉ? Là cái cực tiểu và cái cực đại trong Nam Hoa Kinh đấy.

Trong suốt tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, Mai Thảo chỉ nhắc đến mấy chữ *Nam Hoa Kinh* có ba lần: một lần trong bài *Bờ Cõi Khởi Đầu* và hai lần trong bài *Thơ Say Trên Máy Bay*, tuy nhiên, ở hầu hết những bài thơ khác, nếu để ý, người ta sẽ bắt gặp, đâu đó, thấp thoáng, lung linh, một chút ánh sáng dịu dàng và lặng lẽ đến từ vầng trăng trong *Nam Hoa Kinh.*

Trong nền thơ Việt nam hiện đại, có lẽ Mai Thảo và Chế Lan Viên là hai người chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất tư tưởng của Trang Tử. Thơ của họ phần lớn như một chiếc võng đong đưa giữa hai bờ cực tiểu và cực đại, giữa một bên là thế giới của cá Côn, của chim Bằng và một bên là thế giới của con ve, của chim cưu.

Có điều, Chế Lan Viên chỉ chịu ảnh hưởng của Trang Tử một thời gian ngắn, từ sau tập *Điêu Tàn* đến những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Sau đó, tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, một triết thuyết xây dựng trên căn bản sự mâu thuẫn, dấu ấn của tư tưởng Trang Tử trong thơ Chế Lan Viên càng lúc càng mờ. Cái cực tiểu và cái cực đại trở thành hai phạm trù riêng biệt, thậm chí, đối lập nhau. Vầng trăng *Nam Hoa Kinh* vẫn còn đấy, trong thơ Chế Lan Viên, nhưng chỉ còn là một vầng trăng khuyết, hay nói như Thanh Tâm Tuyền, trong một câu thơ thật đẹp: *"Một đóa trăng tàn lẩn lút bay"*.

Ở phương diện này, Mai Thảo đi xa hơn Chế Lan Viên: thỉnh thoảng ông đạt đến cái nhìn "huyền đồng". "Huyền đồng" là vượt lên trên tinh thần nhị nguyên, không còn áy náy về những sự mâu thuẫn, không còn băn khoăn về cái lớn, cái nhỏ, cái đúng, cái sai, cái mình và cái không phải là mình. "Huyền đồng" là ý thức về cái Một: con người và vũ trụ là Một (*Vạn vật dữ ngã đồng Nhất, Nam Hoa Kinh,* thiên *Tề Vật Luận).*

Cái nhìn "huyền đồng" này được Mai Thảo diễn tả khá hoàn chỉnh trong bài *Cục Đất:*

Biển một đường khơi xa thẳm xa
Núi vươn trượng trượng tới mây nhòa
Thì treo cục đất toòng teng giữa
Cho cái vô cùng vẫn nở hoa.

Biển và núi là những cái cực đại, cục đất là cực tiểu. Cái cực tiểu ở đây lại là "hoa" của cái cực đại. Vẫn có khác nhau đấy. Nhưng khác mà không

biệt. Trong đóa hoa kia có đất có biển có núi có cả những áng mây xa, nghĩa là có cái vô cùng. Thì thành là Một.

Cục đất và biển và núi là Một; hạt cát và đại dương là Một; cái tiểu ngã và cái "đại khối" (tức vũ trụ, theo chữ dùng trong *Nam Hoa Kinh*) là Một. Vậy tại sao Mai Thảo lại không có quyền nghĩ là bao nhiêu huyết lệ trong trời đất đều phát sinh từ huyết lệ của mình; bao nhiêu vòng quay của vũ trụ đều phát sinh từ hạt bụi của mình, từ đó, tiến xa hơn, nhìn thấy hình ảnh của mình trong những miếu đền, giữa những trầm hương nghi ngút; trong những công viên, giữa những tượng thờ nghìn bệ; trong trời cao, giữa những vì sao chi chít; trong lịch sử, giữa những trang sách nặng trĩu tên người? Tại sao không?

Kết quả của cái nhìn "huyền đồng" là một tinh thần ung dung tự tại, cái tinh thần *"không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi" (Nam Hoa Kinh* thiên *Đại Tông Sư*), hay nói như Mai Thảo, trong bài *Sáu Mốt*, là cái "tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm":

Sáu mốt cùng ta đứng trước thềm
Đợi trời thả tặng chút xuân thêm
Trời thôi tặng phẩm, xuân còn hết?
Còn cái tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Tinh thần Nguyễn Bỉnh Khiêm, trong ý nghĩa tuyệt đối của nó, là một trạng thái "chân không" tịch lặng, trong ngần, ở ngoài mọi gió bão, xa lắc những xôn xao:

Sao phải đợi chờ chim én báo
Một đóa vui người đủ tuyết tan.
(Tin Xuân)

Tuyết, đâu phải chỉ là tuyết. Tuyết, ở đây, còn là một cục bướu ung thư đang phục kích trong thân hình Mai Thảo. Mai Thảo kể, cái lần đầu tiên, sau khi rọi hình, biết chắc chắn ông bị bệnh ung thư, vị bác sĩ quen đã yêu cầu ông nằm lại phòng khám để nghỉ ngơi, nhưng Mai Thảo đã từ chối. Ông ra về. Đi bộ. Ghé vào một quán rượu. Gọi một chai Cognac. Đem cái cay của cuộc đời đổ vào cái đắng của lòng mình. Dần dần, ông coi cái cục bướu ung thư trong thân thể của mình như một người bạn để thỉnh thoảng lại chuyện trò:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho.

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.
(Dỗ Bệnh)

"Không Hiểu", theo tôi, là một trong những bài thơ tuyệt cú hay nhất của Mai Thảo và là một trong những bài thơ tuyệt cú hay nhất của thi ca Việt nam:

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi

Đáng để ý hơn cả, trong bài thơ trên, là hai chữ "chẳng sao". "Chẳng sao", rất bất cần. Bất cần cả cái chuyện "khi đã nằm trong đất". Câu cuối, như một vì sao xa xăm, mở ra những chân trời vời vợi.

Hiểu hay không hiểu, rốt cuộc, thì cũng vậy thôi mà:

Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay
(Có Lúc)

Và cả cái chết nữa, trong bài *Món Đất* sáng tác sau khi tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền* xuất bản, đăng trên Văn số 88 ra vào tháng Mười 1989, Mai Thảo cũng hình dung như một bữa tiệc:

Đất tưởng còn xa trời vẫn gần
Giờ đất đã gần trời xa dần
Khăn bàn trải sẵn cùng thân thể
Đợi chiếc khay trời món đất ăn.

Hơi thơ hai câu đầu, tôi rất thích: nó có hình ảnh một đường nghiêng. Khởi đầu là "đất tưởng", hai chữ vần trắc, trên cao, thoải xuống từ từ với chữ "gần" được lập lại hai lần và cuối cùng, xuống thật thấp, tận thung lũng sâu và rộng với ba chữ vần bằng thoi thóp "trời xa dần". Té ra, bên trong cái dáng vẻ điềm tĩnh, rất Trang Tử của mình, tâm hồn Mai Thảo vẫn có một chút đìu hiu.

Ở trên, tôi có viết thỉnh thoảng Mai Thảo đạt đến cái nhìn "huyền đồng". Chỉ thỉnh thoảng thôi. Không phải luôn luôn. Mai Thảo chỉ giữ được thái độ thanh thản, ung dung khi đối diện với những vấn đề có tính chất siêu hình, những vấn đề liên quan đến cuộc đời, đến con người, đến

kiếp người nói chung. Nhưng khi đối diện với những vấn đề cụ thể hơn, đến đất nước, đến hoàn cảnh lưu vong, đến bạn bè mình và bản thân mình đang trầm luân trong thời cuộc, thơ Mai Thảo biến thành những tiếng mưa thầm:

Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch mịch tiếng mưa thầm
(Trừ Tịch)

Mưa thầm. Những cơn mưa lê thê và tái tê của quốc nạn cứ tuôn rơi dào dạt trong lòng của mọi người Việt nam. Mưa sướt mướt trên trại giam có Nguyễn Sỹ Tế, có Phan Nhật Nam, có Tô Thùy Yên... vác thánh giá. Mưa ngùi ngùi thương *"những Thanh Tâm Tuyền trăm năm đã xa", "những Vũ Hoàng Chương nghìn ngày đã mất"*, những Bùi Giáng *"ngày ca múa khóc cười giữa chợ", "tối tối về chùa đêm làm thơ"*. Mưa phơi phới bay theo Mai Thảo trên đường vượt biển *"giữa đất tận trời cùng giữa chỉ một mình ta"*. Mưa giàn giụa trên Vũ Khắc Khoan, trên Nghiêm Xuân Hồng, trên Võ Phiến, trên Mặc Đỗ, trên Thanh Nam, trên Túy Hồng... đội mũ gai nơi cõi lưu đày. Mưa. Mưa trùng trùng. Mưa điệp điệp. Những tiếng mưa thầm và những giọt mưa đen:

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều đều giấc ngủ đen.
(Đợi Bạn)

Mưa. Mưa rơi trên niềm nhớ nhung quê hương không nguôi:

Nhánh hương thấp nửa này trái đất
Bay đêm ngày về nửa bên kia
(Năm Thứ Mười)

Mưa rơi trên từng ngày, từng ngày trôi giạt:

Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam
Lên bức tường câm cạnh chỗ nằm
Gạch miết tới không còn chỗ gạch
Gạch vào trôi giạt tới nghìn năm
(Mỗi Ngày Gạch)

Mưa từ quá khứ mưa tạt về:
Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong
(Quá Khứ)

Mưa. Vẫn mưa. Mưa trong những tách trà buổi sáng. Để thành một "ngụm đau trời đất" dành cho kẻ ly hương:

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hòa chung cùng ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm
(Điểm Tâm)

Có lúc Mai Thảo tự nhủ mình:
Đừng khóc dẫu mưa là nước mắt
Đừng đau dẫu đá cũng đau buồn
(Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại)

Thì cũng là cách tự động viên. Làm sao mà hết não nề được khi vẫn còn đây, mỗi ngày, những bước chân lang thang giữa phố người, những mắt nhìn ngơ ngác giữa *"rừng vô tuyến, ống thu lôi":*

Làm thân sư tử cao nghìn trượng
Tự thuở xa rừng khóc chẳng thôi
(Manhattan)

Thanh Nam, lúc còn sống, từng có một kinh nghiệm thấm thía:

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đắt vô cùng giá Tự Do
(Thơ Xuân Đất Khách)

Chắc chắn Mai Thảo cũng từng chia xẻ cái kinh nghiệm ấy:

Tôi tự do phơi phới một đời
Sao từng lúc lòng còn nhỏ lệ
(Thơ Say Trên Máy Bay)

"Từng lúc" khác với "đôi lúc". "Từng lúc" là triền miên một nỗi đau dài thỉnh thoảng ứa ra một giọt nước mắt nghẹn ngào. Nỗi đau hóa thành đất thành trời thành chiều thành đêm:

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy
(Một Mình)

Tôi ngờ là, trong những bài thơ say của Việt nam, hiếm hoi có bài nào bi thiết và tha thiết như bài thơ nói về cái say của bức tượng lữ thứ này.

Bức tượng? Vâng, một bức tượng bất động lặng lẽ như một khối buồn câm:

Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi buồn riêng lại thấy ta

Trong bài *Lộ Trình*, Mai Thảo tự gọi mình là một bức tượng: tượng người vô giác:

Xe lao chở tượng người vô giác
Vào ngả lâm chung lối tử hình

Bức tượng ấy, giữa cõi nhân gian, bước từng bước lạc lõng và lạc loài. Ấn tượng nổi bật nhất toát lên từ thơ Mai Thảo là ấn tượng nặng nề, day dứt của sự cô đơn. Mai Thảo có đông bạn bè. Trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, có khá nhiều bài Mai Thảo viết về bạn bè, viết nhân lúc đi thăm viếng bạn bè. Có điều, từ hơi thơ đến hình tượng thơ đến cảm xúc thơ, người ta vẫn thấy dường như bao giờ ông cũng lẻ loi. Ông thường làm thơ trên đường đi chứ không phải lúc đã đến.

Thơ Mai Thảo rất ít tiếng động. Cho dù có tiếng động đi nữa thì những tiếng động ấy cũng chỉ được dùng để làm đậm nét thêm cái lặng lẽ, cái tịch mịch trong tâm hồn Mai Thảo. Đi giữa rừng giữa suối; rừng xôn xao, cũng mặc; suối ào tuôn, cũng mặc, Mai Thảo vẫn chìm đắm trong cõi trời đất quạnh quẽ của riêng ông. *Với buổi chiều ta giữa lối buồn*. Đó là Mai Thảo. *Tai ta đã từ bao lạc tiếng đời*. Đó là Mai Thảo. *Đi dưới mưa một mình*. Đó là Mai Thảo. Và cũng là Mai Thảo nữa, cái bằn bặt não nề này:

Ngất đỉnh cây kia gió thét gào
Trọn mùa. Thành động biển trên cao
Bến ta tối khuất từ xa biển
Bờ chẳng còn ngân tiếng sóng nào
(Santa Ana Winds)

Tôi yêu bài thơ *Không Hiểu* đã dẫn ở trên, tôi cũng yêu lắm bài thơ *Không tiếng* dưới đây, rất Đường thi, ngỡ như một bài thơ thiền:

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy

Không tiếng và không hình. Cái dấu mà đôi lúc vầng trăng tìm thấy chỉ là một cái bóng gầy in nơi góc tường. Chỉ là cái bóng thôi. Chỉ là cái ảo thôi.

Cái ảo ấy lại cưu mang một nỗi buồn rất thực:

Tả ngạn đời ta một nhánh hoa
Bên kia hữu ngạn vẫn thơm và
Hương bay thần chú qua lìa đứt
Mối tới bên này mối lệ sa
(Tả Ngạn)

Thơ Mai Thảo, những bài làm sau 75, có thể nói là những giọt lệ rơi trên một triền núi thẳm, cái triền đi xuống những thung sâu. Đôi lúc, Mai Thảo dùng động từ "khóc", nhưng thơ của ông, rất lặng lẽ, chỉ là những tiếng khóc thầm, những nỗi đau thầm. Tất cả đều âm thầm. Như những tiếng mưa thầm.

Thơ Mai Thảo là những tiếng mưa thầm rơi trên Nam Hoa Kinh.

*

Có lẽ Mai Thảo sẽ là một trong những người đầu tiên phản đối nhận định này của tôi. Ông sẽ nói ông rất ghét những con đường thẳng, những cái "nhất dĩ quán chi" trong triết học như ông đã từng viết trong bài *Em đã hoang đường từ cổ đại:*

Con đường thẳng tắp con đường cụt
Đã vậy từ xưa cái nghĩa đường
Phải triệu khúc quanh nghìn ngả rẽ
Mới là tâm cảnh đến mười phương

Tôi biết. Tôi thấy những ngả rẽ ấy. Tôi thấy những hồi quang của chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Mai Thảo. Tôi thấy những lúc Mai Thảo cười hóm hỉnh, thật duyên dáng, như trong bài *Chỗ Đặt*. Tôi cũng nghe cả những khi Mai Thảo gào thét:

Dậy đi! Dậy hết thành giông bão
Nhẩy dựng ngang trời thế đá tung
(Gọi Thức)

Tuy nhiên, tôi nghĩ, dù sao, đó cũng chỉ là những ngả rẽ nhỏ, hẹp và cụt. Bên cạnh những ngả rẽ ấy, trong tâm hồn Mai Thảo vẫn có hai đại lộ thênh thang, hai "con đường chiến lược" quyết định hình thế của núi non, sông biển và phố xá. Một đại lộ là tâm trạng thanh thản, an nhiên của những bậc hiền giả ngày xưa và một đại lộ là tâm trạng bi thương, thê thảm của những người Việt nam lưu vong trong hiện tại.

Sẽ là một khiên cưỡng, hơn nữa, sẽ là một sự sai lầm nếu quan niệm hai con đường ấy cứ song song chạy miết bên nhau. Không phải. Trong thơ Mai Thảo, với nhiều mức độ khác nhau, hai con đường này không ngừng giao thoa với nhau. Để, hiếm khi nào thơ Mai Thảo chỉ là một ánh trăng sáng, cũng hiếm khi nào chỉ là một tiếng mưa thầm. Thơ Mai Thảo là cõi thơ vừa có trăng vừa có mưa. Có lúc trăng tròn đầy và mưa chỉ bay bay. Có lúc mưa là mưa dầm và trăng chỉ là trăng khuyết. Ngay trong bài *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, bài thơ đậm đà phong vị Nam Hoa Kinh nhất, người ta vẫn bắt gặp một ý nghĩ lạc loài, rất xa lạ với Trang Tử: *Địa ngục người là, kẻ khác ơi!* Một câu nói của Jean Paul Sartre. Rồi trong bài *Em*

Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại, một bài thơ rất xuân sắc, cũng hằn lên một nỗi ngậm ngùi. Ở cái chỗ, tuy tự nhủ là đừng buồn, đừng khóc song Mai Thảo lại tự biết không thể không khóc khi ngay cả mưa cũng là nước mắt, không thể không buồn khi ngay cả đá cũng tang thương. Ngược lại, những lúc Mai Thảo buồn rầu và bế tắc nhất, trời đất cũng không vì thế mà tối sầm hẳn lại. Nhờ, đâu đó, trong tâm tưởng Mai Thảo, như một làn ao, vẫn lóng lánh bóng trăng loe.

Những cơn mưa trong thơ là một hiện tượng cũ càng. Chế Lan Viên: *Văn chiêu hồn tùng thấm giọt mưa rơi.* Huy Cận: *Giọt mưa cũ ố vàng thơ phú.* Viết về nỗi buồn, lại viết bằng thể thơ rất cổ điển là thể thất ngôn bát cú, Mai Thảo phải chấp nhận nhiều thử thách để khẳng định được một phong cách riêng. May, Mai Thảo thành công. Thơ ông, ngay cả ở những bài viết về cái già, cái chết, vẫn có giọng rất trẻ. Trẻ và mới.

Trẻ và mới ở cách dùng chữ: *Có khi đếch nghĩ điều chi hết.* Trẻ và mới ở cách ngắt câu: *Tường. Ở bên kia có một nàng.* Trẻ và mới ở cách sử dụng biện pháp "bắc cầu" với chữ "và" lửng lơ dường như là lần đầu xuất hiện trong thể tuyệt cú: *Vàng đâu? Chỉ thấy tối thui và.* Trẻ và mới ở cách nhìn: *Xuống thêm từng chút thêm từng chút. Ồ hóa đồi nương với núi rừng.* Trẻ và mới ở cảm xúc: *Mười năm gặp lại trên hè phố. Cười tủm còn thương chỗ đặt nào.*

Trong chín mươi mốt bài thơ in trong tập *Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, có sáu mươi lăm bài thơ tuyệt cú. Thể tuyệt cú, như vậy, là thể thơ được Mai Thảo ưa thích nhất và trên thực tế, cũng là thể thơ ông thành công nhất. Đây là thể thơ thuộc loại... cao niên, đã hơn một ngàn tuổi. Nhiều người cố gắng làm cho nó trẻ lại nhưng rất ít kẻ được như ý, kể cả Vũ Hoàng Chương, trong những bài thơ ông gọi là "nhị thập bát tú". Phần lớn các nhà thơ trẻ ở miền Nam trước đây, rất khôn ngoan, từ chối thử thách bằng cách tránh thật xa thể thơ này, hoặc nếu dùng, cũng họa hoằn thôi, biến nó thành một loại thơ bảy chữ theo lối thơ mới, xa lơ xa lắc cái gọi là "tuyệt cú" của người xưa. Mai Thảo, trong khá nhiều bài, đã làm cho thể thơ cổ kính này được hồi xuân. Thơ tuyệt cú của Mai Thảo rõ ràng là thơ tuyệt cú hiện đại. Tính chất hiện đại không chỉ thể hiện ở ngôn ngữ, cú pháp, hình tượng hay cảm xúc như vừa nói ở trên. Tính chất hiện đại còn thể hiện khá rõ trong kết cấu của bài thơ. Nói chung, thơ tuyệt cú cổ điển thường có lối kết cấu theo kiểu hình tháp: những câu đầu chỉ đóng vai trò đẩy đưa, dẫn dắt, mở khung cảnh, gợi không khí. Tứ thơ thường trĩu xuống, oằn vào một hay hai câu cuối. Chính vì thế mà có hiện tượng đối với những bài thơ tuyệt cú ngày trước chúng ta có thói quen hay nhớ hai câu cuối: tư

tưởng và cảm xúc của tác giả thường gửi gấm ở đó. Lấy bài *Ngộn Hoài* của thiền sư Không Lộ làm ví dụ:

Kiểu đất long xà, chọn được nơi,
Thú quê nào chán suốt ngày vui.
Có khi đỉnh núi trèo lên thẳng,
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời.
(Phan Võ dịch)

Hai câu đầu chỉ có chức năng làm đà cho hai câu sau xuất hiện. Cái còn lại trong cả bài thơ, cuối cùng, là một tiếng kêu vang vang giữa đất trời lồng lộng, tiếng kêu làm lạnh cả hư không, tiếng kêu như một thách thức của con người trước cõi vô cùng.

Thơ tuyệt cú của Thanh Nam cũng có lối kết cấu tương tự:

Nửa khuya nghe động tiếng mưa buồn
Mái lạnh hiên người giọt giọt tuôn
Chăn gối bỗng thơm mùi dĩ vãng
Dịu dàng mộng cũ ghé môi hôn.
(Mộng Cũ)

Hai câu trên chỉ là không gian và thời gian xuất hiện của một niềm nhớ nhung ngây ngất sẽ xuất hiện ở hai câu kế tiếp, đặc biệt là câu sau cùng.

Thơ tuyệt cú của Mai Thảo, ngược lại, thường thường được cấu trúc theo kiểu khối vuông: tứ thơ chia đều ra cả bốn câu. Cứ đọc lại những bài thơ tuyệt cú dẫn ở trên thì thấy. Tứ thơ, ngay ở câu thứ nhất, đã hiện hình. Cửa không mở dần dần, từ từ mà là mở toang cùng một lúc.

Thật ra, hai kiểu cấu trúc này khác nhau chủ yếu ở cách lựa chọn trọng tâm của tứ thơ. Nếu lấy cảm xúc làm trọng tâm của tứ thơ, người ta dễ có khuynh hướng sử dụng kiểu cấu trúc hình tháp. Để tạo được sự đồng cảm cho độc giả, nhà thơ nào cũng cần phải chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng cho họ. Những cảnh trăng trên trời sáng vằng vặc, mặt đất mờ mờ như sương trong bài *Tĩnh dạ tư* của Lý Bạch là những tiền đề cho cái tâm trạng ngẩn ngơ nhớ nhà của người lữ khách:

Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương
(Ngẩng đầu ngắm trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương)

Trái lại, nếu lấy tư tưởng làm trọng tâm cho tứ thơ, người ta dễ có khuynh hướng sử dụng lối kết cấu khối vuông. Khuôn khổ bài thơ có giới hạn, người ta không thể mơ màng mãi với cảnh, với vật bên ngoài. Những câu đầu, do đó, thay vì đẩy đưa, dẫn dắt, phải là một gợi mở tức khắc. Đó

là lý do tại sao những bài thơ thiền và những bài thơ có hơi hướm triết lý phần nhiều đều sử dụng lối kết cấu này.

Sự chọn lựa của Mai Thảo không phải ngẫu nhiên. Cảm hứng thơ của Mai Thảo hiếm khi đến chỉ từ một ngoại cảnh. Mà, thường hơn, chỉ đến khi ngoại cảnh ấy gợi ra cho ông một ý nghĩ nào đó. Những bài thơ xuân của Mai Thảo, chẳng hạn, hầu hết đều là những ý nghĩ về mùa xuân, những suy tưởng nảy sinh từ mùa xuân chứ không bao giờ là một bức tranh vẽ cảnh vật mùa xuân như thường thấy, ở các nhà thơ khác.

Thơ Mai Thảo giàu trí tuệ. Nhưng không khô khốc. Đó là những điều Mai Thảo chiêm nghiệm trong cuộc đời và ấp ủ trong trái tim. Mỗi tư tưởng là một tâm tình, nó lấp lánh hay mơ màng chút ánh sáng từ vầng trăng Nam Hoa Kinh và nó giăng giăng hay lắc rắc những tiếng mưa thầm.

Có lần, trong một cuộc chuyện trò, Mai Thảo bảo ông chỉ làm thơ chơi thôi. Thì đành vậy. Ai mà chẳng làm thơ chơi thôi? Nguyễn Du viết Kiều, làm thơ chữ Hán cũng là làm thơ chơi thôi chứ gì? Thế nhưng, hai câu thơ này là của Nguyễn Du đấy:

Tưởng rằng nói để mà chơi
Song le lại động lòng người lắm thay.

Chú thích

(1) Lời giới thiệu in ở bìa sau tập "Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền"

(2) Do Văn Khoa xuất bản, 1989

TRIỀU HOA ĐẠI

kinh đêm

●

Mưa bay bám nhẹ vai người
Gió ơi ngừng nhé, lá rơi điệp trùng
Người về có nhớ bến sông
Lau thưa lất phất, ngô đồng trổ hoa
Thoảng nghe chuông vẳng chùa xa
Lời kinh quyện gió, theo tà huy bay
Nhớ người từ độ chia tay
Bóng chim xao xác, lạc bầy kêu sương
Nửa mai lòng những chợt buồn
Kiếp thân huyễn ảo, vô thường cõi không

TRẦN SA

dặn bàn tay phải

●

hãy viết như là âu yếm chữ
như đang tình tự với trần gian
hãy chép mối tình người với đất
là duyên kỳ ngộ suốt trăm năm

hãy là tình nhân của ngôn ngữ
đêm nay hãy hẹn với trăng rằm
ta sẽ ân cần trao tặng cả
đời ta - hãy nhận - hỡi hư không

hãy sống như thời gian bất tận
hãy yêu bằng tim óc thủy chung
hãy là ân nhé, không là hận
tạ với thiên thu một tấm lòng

hãy làm những ngón tay gieo hạt
hãy mơ sa mạc nở đầy bông
ai cấm môi cười trong giấc mộng?
ai giận thông cười trong gió đông?

hãy viết như là âu yếm chữ
hãy thương từng nét, quí từng câu
ước mơ, hạnh phúc, và oan khổ
hãy viết như tình thân gửi nhau

TRẦN THỊ KIM LAN

điệp khúc

●

Ta tìm kiếm gì đây
Trên cõi đời này?
Tình yêu?
Danh vọng?
Một đời ngông?
Sống vì mình? Vì người?
Hay không vì ai cả?
Nhìn ngày tháng đi qua
Ta vấn mãi lòng ta
Làm gì cho xứng đáng
Con người trên thế gian
Như điệp khúc tình tang
Người ca sĩ già lại hát
Bằng một giọng thơ ngây
"Ta tìm kiếm gì đây
Trên cõi đời này?"

THƯỜNG QUÁN

cửa tân niên

●

"nhãn để phù vân khan thế sự
yêu gian trường kiếm quải thu phong"
Nguyễn Du
Cast a cold eye
On life, on death
Horseman, pass by!
W.B.Yeats

Thổi trốc đêm vàng rừng phong động
Đồi hoang sắc rạp cỏ đập xô
Những gai tím bén sườn đâm giọng
Hú dài, ồ những sớ cỏ thô
Những sợi tía nổi tròng gân lạnh
Cuộn trào mắt lửa, tuyết, khăn sô
Lạnh miết một rừng đen biển thẫm
Trời mây cuồng nổi là bất ngờ
Hay hẹn trước như ngàn niên vọng
Gió tàn năm một ngọn lửa sơ
Mời tất cả mắt sao trào túa
Ngoài biên cương gục ngã cồn trơ
Về chén rượu còn treo cổ ngựa
Cầm tay một cửa hai bờ
Lùi lại: a không, không thể được,
Nghìn xưa ai đứng chờ cho
Tới: chao con đường vô tận!
Cầm cho chắc sợi dây tơ
Mỏng như linh hồn, thế đứng
Cheo leo những cửa quan giờ
Đá gõ chuông ngân bờm tóc dựng
Đi, từng bước một, tấc sương đo
Lòng au đỏ thẫm rêu cầu lục
Mây chẳng rừng lau suối vỡ bờ
Mải miết những đêm cầu nhơn lạnh.

MAI THẢO

mỳ không ăn liền

●

Buổi sáng. Còn khá sớm. Nắng sáng vừa dấy, trải dài từng đợt vàng tươi trên con đường Bolsa có một vẻ gì trống, rộng hơn bình thường, với dòng xe cộ thưa thớt dưới lòng đường, và trên hai vỉa hè chỉ những người đi bộ lác đác. Vừa toan đẩy cánh cửa lồng kính đỏ chói dẫn vào khu thương xá Phúc Lộc Thọ, Nhị tránh vội sang một bên, nhường lối cho người từ phía bên trong đẩy cửa đi ra. Đó là một thiếu nữ. Rất trẻ, mới chừng mười bảy, mười tám tuổi. Y phục hai mảnh màu vàng, đồng màu với mầu nắng sớm, bó sát lấy một thân hình mảnh mai, sự mảnh mai đặc biệt đầy sức sống và đầy chuyển động của một da thịt thanh xuân đang nẩy nở từng ngày. Thiếu nữ mỉm cười với Nhị. Đi qua chàng mấy bước. Nghĩ sao rồi quay lại:

– Xin lỗi bác.

– Gì thế cô? Nhị hỏi.

– Cháu muốn kiếm một tiệm mỳ ngon mà không biết ở đâu. Bác biết ở đâu không, chỉ dùm cho cháu.

Nhị ở giữa khu Tiểu Sàigòn nhộn nhịp đã nhiều năm. Ngày nào cũng đi trên con đường Bolsa, giữa dòng người đông đúc. Nhưng đây là lần đầu một người lạ mặt giữ chàng lại, yêu cầu chỉ cho một tiệm ăn ngon. Lại là một thiếu nữ. Cũng là ngộ nghĩnh Nhị rất thích ăn ngon. Chàng là một đệ tử đời sau và chân truyền của sư phụ Tản Đà, người một đời đi khắp ba miền đất nước tìm cái ăn ngon. Chàng cũng rất yêu những người thích ăn ngon như chàng. Cái ngon càng thú vị với Nhị khi tìm thấy ở những món ăn dung dị, hàng ngày, như một tô mỳ, tô phở. Bèn thân mật hỏi:

– Cô không biết ở đâu thật sao?

– Thưa không, cháu ở vùng khác tới.

– Được, tôi chỉ.

Đoạn, vừa tay chỉ hướng, vừa đi một đường thuyết trình về mỳ ngon và không ăn liền:

– Mấy tiệm gần và cùng nằm trên đường Bolsa này thôi nhé, cho cô dễ kiếm. Sang bên kia đường, đi ngược lên một quãng ngắn, chỉ chừng trăm thước không hơn là tiệm mỳ X. Nhỏ thôi, xập xệ một chút, nhưng chuyên về mỳ và chỉ một món mỳ nước. Tô mỳ ở đó bình dân, quê mùa, không đúng lắm với tiêu chuẩn phải có của một tô mỳ ở tiệm, nhưng sợi mỳ mềm, nước dùng thanh, nhẹ, mộc mạc, không pha chế, cái ngon là ở sự thanh vị đặc biệt của nó. Vẫn bên kia đường, đi ngược hướng lại, theo hướng tay tôi đang chỉ và trước ngọn đèn đỏ thứ nhất là tiệm Y. Tiệm này lớn, sang trọng, lịch sự và tô mỳ cũng vậy. Phong phú, bổ dưỡng, trong bát giang tây bưng ra nước dùng vàng đậm nghi ngút bốc khói, chỉ nhìn đã thấy muốn ăn. Tiệm thứ ba, cùng dẫy và ngay sau ngọn đèn đỏ thứ hai là tiệm Z. Tiệm này mới mở thôi, nhưng được tiếng liền nhờ anh bếp người Việt gốc Hoa vừa từ Chợ lớn sang là một cao thủ. Nổi tiếng về món cháo cá ăn đêm, nhưng điểm tâm buổi sáng bằng một tô mỳ vịt tiềm béo bổ và đúng vị vịt tiềm thuốc Bắc của người Tàu, cũng được lắm. Nhớ ở tiệm thứ ba này chỉ nên mỳ vịt tiềm, các món mỳ khác trung bình thôi. Muốn biết gì thêm nữa không?

– Thưa không. Bác chỉ cho như thế là quá đầy đủ rồi. Cám ơn bác.

Và cái áo vàng tươi mầu nắng sớm quay gót, rảo bước đi về phía bãi đậu xe.

*

Mấy ngày sau, Nhị gặp lại cái áo vàng tươi mầu nắng, vẫn ở khu Tiểu Sàigòn. Nhưng không phải là buổi sáng mà buổi chiều, trong khu siêu thị 99, đối diện với ba pho tượng Phúc Lộc Thọ. Trời nóng. Bộ âu phục hai mảnh mầu nắng đã được thay thế bằng một cái áo vải mỏng hở vai, hở tay, rất bãi biển, rất mùa hè, và một cái váy rộng, cả hai cùng một mầu trắng toát. Thiếu nữ vừa từ một tiệm làm đầu đi ra và đụng đầu với Nhị ngoài hàng hiên.

Chàng cười với cô gái. Vui vẻ hỏi:

– Cô đã chọn tiệm mỳ nào? Có thấy là ngon không?

Thiếu nữ không cười đáp lại, mà phụng phịu, lộ rõ vẻ hờn giận:

– Đi cả nửa tiếng đồng hồ mà chẳng được ăn một sợi mỳ nào vào bụng hết.

Nhị ngạc nhiên:

– Ủa, sao vậy?

– Mấy tiệm ấy, tiệm nào cũng dán giấy đóng cửa nghỉ ăn Tết. Hôm ấy mới mùng hai Tết. Làm cháu bực mình quá, cho ăn sáng nghỉ luôn. Bộ bác không biết là ngày Tết tiệm Tàu nghỉ hết, mà còn chỉ đường cho cháu đi tìm kiếm mất công?

Nhị đờ người. Hôm ấy, mùng hai Tết? Hôm ấy mùng hai tháng Giêng âm lịch, đầu năm mới và Nguyên đán của Việt nam? Thôi, đúng rồi. Thảo nào mà chàng thấy dòng xe cộ của khu Tiểu Sàigòn lác đác, người đi bộ trong khu Tiểu Sàigòn thưa thớt, con đường Bolsa trống rộng, khác ngày thường. Và ở chính chàng, một sự trống trải khác thường nào đó, không rõ nguyên nhân. Thì ra là Nguyên đán, mọi người còn nghỉ Tết, những tiệm mỳ cũng vậy. Duy chàng là không thấy. Không biết Nguyên đán tới. Không biết Nguyên đán qua. Không biết, không biết.

Ôn tồn:

– Sorry. Chết thật! Thật đấy, tôi không hề nhận ra. Nếu biết là Nguyên đán, hàng quán đều treo bảng closed, mỳ ngon và không ngon đều cùng không được ăn thì cho cô biết chứ, đùa nghịch cô làm chi. Cô nữa, cô cũng không nhớ hôm ấy là đang Nguyên đán sao?

Giọng nói thành thật của Nhị làm thiếu nữ hết hờn giận. Câu hỏi của chàng làm thiếu nữ bật cười:

– Cháu cũng không biết chứ! Cả bác lẫn cháu. Thật chán quá là chán.

Thiếu nữ đi cạnh Nhị, cùng lững thững từ trong khu siêu thị ra hè đường Bolsa. Nắng đầu năm đang tàn dần. Nơi những bảng hiệu, những mặt tiền cửa tiệm Việt nam. Nơi những dẫy xe hơi, những bãi đậu xe Việt nam. Nơi những tiếng nói, tiếng cười Việt nam. Nơi quê người. Quê người ở Tiểu Sàigòn. Nơi đời sống còn là một xóa bỏ. Nơi thế sống còn là một đứt rời. Nơi lãng quên đã thay vì trí nhớ. Nơi ngày tháng chỉ là những con số. Nơi những tiệm mỳ đóng cửa nghỉ Tết. Nơi những cái đã mất. Nơi những cái không có. Nơi những cái chẳng còn. Nơi một Nguyên đán và những Nguyên đán không thấy, không biết, không nhớ. Ở Nhị. Ở cả người thiếu nữ viếng thăm khu Tiểu Sàigòn từ một nơi xa.

Hai người đứng lại trước một ngọn đèn đỏ. Bên này, Việt nam. Bên kia Việt nam. Con đường quê người ở giữa đông lắm xe cộ.

Nhị hỏi, không muốn có sự im lặng riêng giữa một nghìn tiếng động ào ạt:

– Cô từ đâu về đây?

Cái vai trần:

– Tên cháu là Uyên, tên Mỹ Evelyn. Bác gọi cháu là cháu đi. Cháu đang học đại học Stanford, Bắc California. Ăn ở trong nhà trường, một mình, bố mẹ và các em nhỏ còn ở cả Việt nam. Được nghỉ học mấy ngày, theo một con bạn Mỹ cùng lớp về đây, không ngờ là về đúng dịp Nguyên đán. Cháu ở nhà con bạn Mỹ.

Cười khúc khích:

– Con bạn mập ú, tối ngày chỉ hamburger. Nó nói đùa nó là cháu nội ông Big Mac. Cái buổi sáng gặp bác ở khu Phúc Lộc Thọ bên kia là lúc cháu đã ngán hamburger tới cổ, lấy xe hơi nó chạy ra phố kiếm tiệm mỳ ngon ăn.

Nhị cười theo:

– Và Uyên đã đi không về không. Nhưng tại sao là mỳ? Mỳ là Tàu. Phở hay bún mới thuần túy Việt nam chứ.

– Cháu biết vậy. Nhưng bố cháu ở nhà chỉ thích mỳ. Nghiện mỳ. Mỳ nước, mỳ sào, ở khu La cai Chợ lớn. Đi ăn mỳ, bố cháu thường cho cháu đi theo, ăn riết rồi con gái cũng chỉ thích mỳ như bố.

Giọng nói nghiêm trang lại, thoáng một vẻ mơ màng:

– Sang bên này, mỗi lần thèm một tô mỳ, cháu phải tới tận San Francisco. Và ngồi trước tô mỳ lại nhớ đến bố cháu, trên chiếc xe Honda, chở con vào Chợ lớn. Đôi khi nhớ đến tuổi nhỏ của cháu nữa, một cách mơ hồ, vì đi quá lâu rồi, chẳng còn nhớ được gì nhiều lắm nữa.

Cười lại, thân mật, với Nhị:

– Bác ở ngay khu Tiểu Sàigòn này ư? Thảo nào thành thạo ghê. Bác cũng sang từ lâu?

Nhị lắc đầu:

– Mới thôi. Từ ít năm. Tôi phải vượt biển đi.

Cái vai trần mang tên Evelyn đưa cánh tay trần lên nhìn đồng hồ:

– Đến giờ cháu phải trở lại nhà con bạn Mỹ rồi. Để sáng mai hai đứa cùng trở lại trường sớm.

Đèn chuyển mầu vàng báo sắp màu xanh.

Cánh tay trần đặt tay lên cánh tay Nhị:

– Chào bác ở lại. Cám ơn bác đã chỉ dẫn. Mấy cái tiệm mỳ nằm trên con đường này không ăn được ngày mùng hai Tết, hôm qua, sáng nay cháu đã tới gặp chúng đủ cả rồi. Ba tiệm đều ngon, mỗi tiệm một cách, bác tả

thiệt hay. Nhưng thích nhất thì cháu thích cái tiệm mỳ đầu. Tiệm xập xệ, tô mỳ mộc mạc, hơi quê mùa một chút, nhưng thanh vị, ngon tuyệt.

Đèn xanh. Dòng người ào ạt qua. Evelyn cười với Nhị một lần nữa, rồi bằng cái dáng đi vừa thanh thoát vừa mạnh mẽ của một nữ sinh viên đại học Stanford, rảo bước sang hè đường bên kia. Nhị âu yếm nhìn theo thiếu nữ cho đến khi cái vai trần và cánh tay trần rất mùa hè, rất bãi biển mất vào đám đông. Lững thững đi trở vào khu siêu thị đã tới giờ thưa vắng dần, với những chiếc xe hơi nối tiếp nổ máy rời khỏi parking, Nhị nghĩ đến một Nguyên đán không hay biết và đã qua đi. Trên quê người buồn tênh. Đến những hàng quán đóng cửa, ghế chồng trên mặt bàn. Đến người con gái tìm mỳ ngon, ngộ nghĩnh và đường đột giữ chàng lại hỏi, buổi sáng ngày mùng hai Tết. Tô mỳ ngon. Người con gái Việt nam xinh đẹp và tuổi trẻ ở Mỹ tốt đẹp. Trên quê người buồn tênh.

MLP

hỏi trăng

●

Bắt ai đền lại thanh xuân
Hỏi sông sông khước, hỏi rừng rừng căm
Hỏi trăng, trăng hẹn đến rằm
Bây giờ hỏi lại tri âm muộn mà!
Người đà tận phía trời xa
Người về nhịp trúc lạnh tà áo bay
Đong đưa vài sợi tóc mây
Tuổi thanh xuân cũng vơi đầy sao trăng
Chén vàng đây! hỡi tri âm!
Đỉnh chung tìm nẻo hoa râm mà về
Người xưa áo lục đam mê
Giọt Tầm dương chửa xanh bờ Giang châu
Đợi chờ vàng cuộc bể dâu
Lứa đôi chả lẽ vay màu tà huy
Hỏi trăng trăng Tấn trăng Tùy
Hướng dương đã khép trà mi đã vàng!

HUỲNH LIỄU NGẠN

bài thơ xuân

●

gửi tặng một dòng sông
bây giờ đã trôi ra biển
anh ngồi thầm lặng bên sông
nước trôi về chốn cố cùng của đêm
dạ thưa xuân muộn qua thềm
xuân anh ngồi đếm tuổi mềm ngón tay
ra về anh ngó mây bay
rưng rưng se lạnh của ngày tha hương
anh đi cuối phố đầu phường
vẫn không thấy được trầm hương quê nhà
– còn không em bưởi đơm hoa
mai vàng nụ thắm tết nhà có đông
hay chừ em quá long đong
quên nhân gian chút đèo bòng của xuân
nhiêu khê em phận má hồng
mà bao nhiêu dặm tang bồng bủa vây
tiền kiếp

●

thôi còn đâu thôi còn đâu
bước đi lay động nhịp cầu đêm xưa
qua nhà tìm dấu trăng đưa
phương tôi mây xám trời mưa giăng sầu
hương cau ngây dại ban đầu
phải em tiền kiếp nhiệm mầu hóa thân
tôi về bóng nhập phong vân
nghe đêm khép lại vô ngần chiêm bao

CHÂN PHƯƠNG

vài nhận xét về thơ đỗ kh.*

Tập thơ đúng nghĩa nào cũng là cánh cửa đưa vào sáng tạo. Ngược lại, chỉ có sự vô nghĩa của bắt chước hay làm dáng. Đối với một tập thơ đầu tay, điều nói trên còn có ý nghĩa quyết định hơn, sự xuất hiện ấy sẽ khẳng định một tài năng hoặc chỉ tô vẽ thêm một cái bóng nhòa trên chợ chữ. Độc giả tinh nhạy vẫn nhiệt thành chờ đợi một tiếng thơ mới và thường bị thất vọng. Vào thời buổi lạm phát chữ nghĩa với tư tưởng thời trang này, cống hiến một tác phẩm độc đáo cho đời không phải là việc dễ làm. Thông thường, nhà thơ phải trải qua một quá trình làm việc dài hơi mới đủ trưởng thành về mặt kinh nghiệm chuyên môn để khẳng định chân dung độc nhất vô nhị của mình. Bởi lẽ đó, không lấy gì làm lạ khi các thi hào lớn cỡ Rilke hoặc Yeats đã phủ nhận hoặc phải hiệu đính toàn bộ những bài thơ đầu đời của họ khi sự lịch lãm về sau cho phép họ nhận ra sự non kém ban đầu của mình.

Cho nên cầm tập *Thơ Đỗ Kh.*, đọc *Lời Xin Lỗi* ngay đầu, tôi có cảm nghĩ rằng nhà thơ đã có ý thức xác định rạch ròi mảnh đất thơ của anh. Họ Đỗ không nuôi tham vọng làm chấn động thiên hạ bằng thi ca, thơ anh không *thở hồn thiêng sông núi* hoặc gánh vác *thân phận con người* (tr.I). Tập thơ gồm ba mươi sáu bài thơ ngắn dài, trừ vài bài như *Bài Thơ Con Tình* hoặc *Làm Thơ Khó Bỏ Mẹ*, đại bộ phận đều liên quan đến câu chuyện tình cảm, xác thịt, giữa nhà thơ và người khác phái. Đúng như Đỗ Kh. đã nói rõ, thơ anh là *thơ cua đào*. Đề tài này đã cũ, đụng vào nó là múa gậy trước cửa Catullus, Petrarca, Ronsard... Làm thơ tình cảm, nhất là thơ tình, ai lại chẳng biết lời khuyên của Rilke dành cho chàng thi sĩ trẻ! nhưng Đỗ Kh. đã tránh khỏi các mỏ mả vĩ đại với nụ cười trên môi nhờ đã biết khiêm tốn tự phê ngay từ lời dẫn nhập rằng thơ mình *không ích lợi, lại còn kém* (Tr.II).

Hãy nghe anh khôi hài tự trào:

"Thì đúng rồi. Đào tôi nhắm dù trúng hay sai thường khi cũng kém nữa. Chẳng ai Tây Thi Bao Tự, có người vú bự, tự cho là vừa, có người vú nhỏ, tự cho là đủ. Tôi không biết làm thơ to thơ nhỏ, tôi tự cho tôi làm thơ vừa, cho những người vừa người đủ.

Hay tôi làm thơ thừa cho những người chẳng ở đâu thiếu."

Đọc mấy lời xin lỗi này, nếu độc giả là người tinh ý, đã có thể nhận thấy nhà thơ rất tỉnh táo gần như bàng quan đối với cái gọi là tác phẩm. Anh rất décontracté, không võ ngực, không múa võ Sơn Đông xưng hùng xưng bá. Thế giới của anh nửa trào lộng nửa châm biếm, trộn thêm khá nhiều gia vị dâm dục làm tôi nhớ đến tranh cartoon hí họa báo Playboy. Các vị gội đầu xông trầm trước trang phương cảo nên đi chơi chỗ khác. Muốn đọc thơ Đỗ Kh., nên vào quán cà phê bụi đời, loại trên Bleeker St., N.Y. City, vừa nhai chewinggum vừa nghe nhạc Disco. Hoặc nằm dài trên gác xếp ngoại ô kiều dân nghèo với câu hát Birkin – Gainsbourg rên rỉ ỉ ôi... (Không nên nghe Bob Dylan hoặc Beatles vì các bài hát này còn quá nhiều triết lý lẩm cẩm).

Lướt qua lần đầu tập thơ, tôi chợt nhớ Kundera và tiểu thuyết đã được dựng thành phim của ông, *Nhẹ Tênh Nỗi Có Mặt Trên Đời*. Cũng hồn nhiên sự chấp nhận thói đời với chút trào phúng cộng với cảm thông. Cũng nhiều màn cởi bỏ quần áo, chỉ thiếu cảnh đốt xe tăng, nhưng chẳng sao vì tường Bá linh đã sập. Cảm ơn nhà thơ đã nhắc khéo chúng ta rằng đàn bà, dù dung tục, dù Kitsch Giao Chỉ Bolsa, dù đồ lót mỹ phẩm mua sale, dù ăn phở xỉa răng, dù vớ dãn ôm đùi vân vân, rằng đàn bà vẫn đáng yêu, vẫn là dưỡng chất số một dù có ô nhiễm ít nhiều. Cũng tội nghiệp đàn bà con gái Bolsa. Chẳng lẽ họ được đầu thai để làm đề tài cho vè châm biếm? Tại sao cứ yêu cầu sự vật phải khác đi, tài tử Hồng kông với thịt gà Mỹ mỗi loại đều có cái lý riêng của chúng – Cái lý riêng vượt trên mọi thứ hữu thể luận! Tại sao không chịu nhớ em như nhà thơ:

Gì cũng có chỉ có em là không có
Nhưng mà có nhớ
Có nhớ mà
Nhớ ít nhớ nhiều nhớ em rẻ tiền
Nên cũng nhớ qua loa

(Barbès Thứ Bảy Yakuzas. Tr.59)

Tại sao không chịu chiêm ngưỡng em như nhà đạo diễn kiêm phó nhòm kiêm ngòi bút truyện ngắn nhọn đâm rách thịt Đỗ Kh.?

– Another one. *Vai trần em hở*. Say cheese. *Miệng toét toe cười nhí*

nhảnh camera. Kodakcolor. *Cài hờ vạt áo geisha.* Snupshot, snapshor, *hình đám cưới. Áo nhiễu khăn vàng tay cầm bó hoa.* Polaroid. *Công chúa Tàu, cầm micro như ca sĩ.* Video camera, *quần đùi cũn cỡn recess Florida. Vẫy vùng vú động. Đẩy xe chợ ManWah, Kính mát Ray–ban. Bờ vai lẳng Vuitton Taiwan*, một, hai, ba... Thay ống kính, *em nằm co đùi, mắt cá tròn lúc lắc, hô hấp đầu ngực phập phồng,* đổi cự ly ngắm, *quần lót trắng có hoa, mông như hai quả xoài tượng,* một, hai, ba, *cởi váy nàng ra* – (Tôi trích loạn từ mấy bài tiêu biểu của nhà thơ: *Tôi Nhìn Em Trên Hình Tôi Không Nhận Ra* (Tr.46), *Tôi Tìm Em Nơi Người Tôi Không Tìm Ra* (Tr.51), *Tôi Cần Em Bên Mình Tôi Không Cần Xa* (Tr.56), và bài *Em Nhảy Trên Giường* (Tr.82) mà tôi cho là khá nhất trong tập).

Tắt đèn... Bật đèn. Lật trang. Nếu thơ văn có bổn phận trình bày đời sống thực – Đây cũng là một công việc thuyết dị hành nan – nhà thơ họ Đỗ đã không làm người đọc thất vọng. Anh đã bắt tay cuộc đời để giới thiệu một khía cạnh của cái đẹp và cái mới thập niên 80 từ góc độ cuộc sống di dân với nhân vật phụ đầy đường cong khả ái đứng ngoài lịch sử lôi thôi và các biến động bi hài thời đại; mở hé một thế giới tuy riêng tư nhưng đầy hơi hướm quen thuộc của con người, anh, chị, và tôi, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày ăn ngủ, hẹn hò, bon chen đua đòi, lãng mạn nửa mùa và thực tế ba xu...

Điều mạnh khác của Đỗ Kh. là dứt khoát với quá khứ, với bìa báo Văn Nghệ Tiền Phong, với tà áo dài rặng dừa khóm trúc, trăng rằm cành liễu vân vân...

Tôi không có nhớ một dòng sông...
Tôi không có nhớ những cánh vạc...
Tôi không có nhớ những rặng dừa...
Tôi không có nhớ những hàng cau...
Tôi không có nhớ những bờ đê...
Tôi không có nhớ màu hoa phượng...
Tôi không có nhớ mùi bánh phở...
Tôi không có nhớ một màu cờ...
(Tôi Không Cần Nhớ Gì Tr.89)

Anh đã đẩy thơ Việt từ cầu Bình lợi, từ cafétéria Rex, từ Xa lộ Đại hàn vượt qua biển lớn, mặc dù bến đậu tạm thời hiện nay của nó là quận Cam, California. Thơ anh là một sự bắt đầu, là một bước đi mới của hành trình ngôn ngữ, nói tóm, một genesis dù khiêm tốn nhưng hứa hẹn hơn một triệu bài sonnet, bát cú và niêm luật khác...

*

Chất liệu ngôn ngữ nổi bật trong thơ Đỗ Kh. Anh không nỗ lực làm văn chương nên tiếng nói của anh nặng chất sống, chất người. Anh thường dùng thơ phá thể, không cầu kỳ hình thức, thoải mái; viết như nói, không phải nói trước công chúng mà nói từ buồng tắm nói ra, từ phòng ngủ nói vào:

Đây em lò cò từ giường này sang giường kia
Cẳng em gầy có thể mặc mini gần hở mông...
Cổ chân em tiến lui
Cổ chân em mía lùi lát nữa tôi nằm gặm...
(Em Nhảy Trên Giường. Tr.8)

Đó là tiếng nói sống sượng và trần trụi của đời sống tốc độ và hàng tiêu dùng vứt bỏ cùng lượt với ký ức phế thải giữa khoảng không gian vô danh tính của những hoạt động máy móc:

Mỗi ngày tôi nhớ em loáng thoáng
Khách sạn tàu bay đôi ba lần
(Tôi Cần Em Bên mình Tôi Không Cần Xa. Tr.56)
Gì mà đến bảy năm nghĩ nghợi
Thôi
...
(Sáng Trưa Chiều Tối Một Chiều Thôi. Tr.68)

Kim đồng hồ không chờ đợi chúng ta. Nếp sống văn minh đại đô thị không buông tha chúng ta. Đàn ông, đàn bà bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng, cả hai đều phải kiếm ăn độ nhật, góp mấy tấm chi phiếu để trả mortgage, *tình nghĩa seven giờ sáng đến eleven giờ tối*... Bài *Em Nhảy Trên Giường* là một bài thơ độc đáo, đứng hẳn vào truyền thống lớn thơ phê phán xã hội Hoa kỳ, tiếp nối Robinson, Auden, Cummings... Bài thơ làm tôi nhớ Gregory Cors với bài thơ danh tiếng *Marriage*, dù Đỗ Kh. không có và không cần cái kết siêu hình lãng mạn. Câu trả lời của người đàn bà Việt nam sau cuộc hội nhập vào đời sống Mỹ đơn giản chỉ là bổn phận hình thức với gia đình, họ hàng bên chồng và những phút ngoại tình giải trí. Đây cũng là đáp số thống kê của các gia đình Mỹ (Xin chịu khó vào thư viện công cộng tra cứu các sách về xã hội với hôn nhân Hoa kỳ nếu không có thời giờ nghiên cứu thơ văn Mỹ).

Đôi lúc Đỗ Kh. cũng cao hứng cân đẩu vân một cái. Và chúng ta có *Thúy Lịch Buổi Sáng* (Tr.34). Ở đây anh tiếp nhận được xu hướng beat poetry cao nhất, tiêu biểu cho thơ Ginsberg. Có điều anh còn tính ham vui, và thường đùa nghịch với tứ và lời như một chàng sinh viên năm thứ nhất:

Thiên đàng chỉ mở cửa tám giờ sáng tám giờ tối
Jesus Christ đi chơi trễ phải trở lại thập tự giá
Gác dan cười sằng sặc ce n'est qu'un au revoir

Thôi dẹp qua đi em những tư tưởng cũ
Việt nam bốn ngàn năm không đoạt giải Merdeka
(Thúy Lịch Buổi Trưa. Tr.37)

Ngôn ngữ thơ tự do là con dao hai lưỡi. Nếu nhà thơ thiếu khả năng tự chế, có thể rơi vào thói ham nói nhiều, lông bông không hạn chế. Đây là lỗi lầm không ít nhà thơ tiếng tăm đã mắc phải, thí dụ Conrad Aiken và Allen Ginsberg. Cái bệnh garrulous, tật nói theo thói quen sẽ làm nhà thơ xa rời nỗ lực sáng tạo lúc nào không hay. Đỗ Kh. có một giọng điệu thơ có bản sắc nhưng anh đứng trước nguy cơ lạm dụng nó trong khá nhiều bài. Chẳng hạn *Lỗi Tại Vì Đêm* (Tr.15) hoặc *Năm Phút Nữa Em Bay* (Tr.66)...

Một chỗ yếu nữa của tập thơ là sự góp nhặt một số bài quá thường, có vẻ là những bài tập vần điệu hoặc thậm chí đưa đẩy dễ dãi như bài *Để Buộc Gần Chơi* (Tr.33) và một số bài lục bát. Một số điều khác nên tránh là các tứ quá sáo cũ về Phật, Chúa mà các người mới tập viết văn làm thơ nào cũng vô ý thức lạm dụng. Tôi không chủ trương loại hẳn thơ vần điệu, nhưng hình thức này chỉ có thể thuyết phục khi chuyên chở một nội dung hàm súc và nhất quán như bài thơ lục bát dài đăng trên Văn Học gần đây của nhà thơ Đinh Thạch Trung (Suốt Bãi Sông Hằng, Văn Học số 46 tháng 12 năm 1989). Đôi khi sử dụng kỹ thuật chấm, ngắt, như Đỗ Kh. đã làm trong *Bài Cấm Nô Trên Cỏ Vân Ôi*, có thể làm sống lại một cách bất ngờ tuy rằng có hơi máy móc cái xác lục bát hình thức. Dĩ nhiên, trò chơi này khó có thể dùng đến hai lần. Đỗ Kh. tuy nửa thật nửa đùa, đã rất tỉnh táo và hài hước trong bài ars poetica *Làm Thơ Khó Bỏ Mẹ* (Tr.42) của anh. Bài thơ rất Raymond Queneau trong đó anh dùng kỹ thuật happening khá đạt để trình bày quan điểm sáng tác và ý thức về yêu cầu tự phê bình của nhà thơ trong từng giây phút sáng tạo của mình. Ở đây hiện rõ chân dung một nhà thơ không bị chính ngôn ngữ đã thủ đắc được làm mê hoặc, tránh được bệnh lên đồng của các thi nhân tập sự.

Với ý thức như thế cộng thêm kinh nghiệm của một ngòi bút sắc bén, chúng ta có thể chờ đợi ở Đỗ Kh. sau này những bài thơ xuất sắc, đầy chất liệu sống và tìm tòi mới về ngôn ngữ. Tôi tin rằng anh có dư khả năng để vượt qua những thiếu sót và non tay của tập thơ đầu để xác định cho mình một chỗ đứng không thể thiếu trong nền thơ Việt hôm nay. Các bài thơ thành công của Đỗ Kh. trong tập thơ này càng khiến chúng ta có thêm nhiều lý do để tin tưởng vào điều ấy.

(Cambridge, đầu tháng 2, 1990)

* Thơ Đỗ Kh., Tân Thư xuất bản 1990

NGỌC KHÔI

chỗ trọ trong rừng chuối

●

Phải khó khăn lắm tôi mới tìm thuê được một chỗ trọ trong tỉnh ly này. Ngôi nhà tường gạch, lợp ngói của Má Năm nằm ở bìa thị xã, giữa những cánh đồng, những rừng dừa và rừng chuối, không xa một thôn xóm nhỏ. Từ nhà, chúng tôi không nhìn thấy thị xã, nhưng một dòng sông chảy qua trước mặt ngôi nhà, nước lặng lờ, nhắc nhở chúng tôi đến sự hiện diện rất gần của nó. Chỉ cần đạp theo con đường đất nhỏ ven bờ sông, tôi sẽ tới được nơi mình muốn tới; ở đó, dòng sông đâm thẳng vào thị xã, chẻ nó ra làm hai.

Thật ra, khi biết được lý do tại sao Má Năm vui vẻ chấp thuận cho tôi vào thuê nhà Má, tôi đã mất đi sự xúc động ban đầu. Ngoài chuyện kiếm thêm được món thu nhập nho nhỏ hàng tháng phụ cho số lời buôn bán của con gái Má, cái lý do chính, là Má muốn Cần, con trai Má, có người bầu bạn. Má kê thêm một chiếc giường trong gian buồng của anh, bắt anh dọn hết bàn ghế, vật dụng qua một bên, nhường luôn phân nửa kia cho tôi. Cần ngoan ngoãn làm theo, không nói gì. Hình như cái diện tích đột nhiên bị thu hẹp lại, càng chồng chất, bừa bộn thêm bởi những món đồ lỉnh kỉnh, đã lấp đầy được một khoảng trống nào đó của đầu óc anh. Sự xuất hiện của những đồ vật mới lạ – trong đó có tôi – cũng khiến cho anh thích thú.

Tôi đã muốn dựng lên một tấm phên ngăn hẳn gian buồng ra, nhưng rồi cứ ngần ngại mãi, không dám ngỏ lời với Má. Sau đó, với thời gian tôi không còn đủ can đảm mở miệng đề cập trở lại vấn đề cũ.

Nhưng như thế, tôi cũng có một chỗ trọ. Tôi không thể đòi hỏi nhiều hơn. Gia đình Má Năm thật tử tế với tôi, tiền trọ rẻ mạt, tôi có một nơi để ăn ngủ, đi về, trò chuyện. Tôi đang ở một giai đoạn khó khăn cho đời sống. Tôi đã gõ cửa gần hết những căn nhà cho thuê và những sở làm có thể trong

tỉnh lỵ này, nhưng đều thất bại. Cuối cùng, tôi mới xin vào được một chân nhân công trong lò gạch Phát Lợi và ở đó, người ta giới thiệu tôi đến ngôi nhà của Má Năm.

*

Từ lúc ban đầu Má Năm đã bảo đảm với tôi rằng Cần không phải là một người nguy hiểm. Quả thực tính tình anh ta tuy ngây ngô kỳ cục, nhưng có thể nói anh ta hiền lành và trầm lặng. Suốt ngày anh quanh quẩn trong buồng, trong nhà, khi thì giúp Má Năm nấu nướng, giặt giũ, lúc ra săn sóc bầy heo nuôi ở vườn sau; có khi anh chịu khó cầm cuốc gây luống rau xanh bên hàng rào. Những ngày trái trời, anh rút vào trong buồng, không chịu làm gì cả. Anh chưa thể tự túc nổi đời sống, nên đã ba mươi lăm tuổi mà vẫn còn nấn ná ở lại với Má Năm. Anh cao lớn và trắng trẻo, hai hàng lông mày rậm và châu lại với nhau trên cặp mắt sáng.

Tuy nhiên một buổi chiều, trở về nhà sau một ngày làm việc mệt nhọc, khi bước vào phòng thấy Cần nằm bất động trên giường trong bóng tối chập choạng, hai tay khư khư ôm chiếc máy quay băng trống, tôi đoán biết bịnh tình Cần lại bắt đầu trở nặng. Hồi sáng khi tôi ra đi, anh cũng nằm như vậy. Trong máy, một cuốn băng quay chậm chạp, không có tiếng động. Tôi lấy bộ quần áo sạch, mỉm cười thân thiện với anh trước khi bước ra ngoài:

– Anh Cần, nếu không xuống bếp phụ Thảo nấu cơm thì ra ngoài làm một vòng với tôi cho thoáng khí. Nằm hoài, ăn khó tiêu mà chỉ tổ bịnh?

Một tiếng "cách" vang lên, Cần lặng lẽ lật mặt băng, bấm nút cho máy chạy tiếp, xong trở về tư thế cũ. Vẫn không có tiếng động nào phát ra. Ở nhà ngoài, Má Năm rì rầm tụng kinh trước trang thờ, hai ngọn nến lung linh soi sáng những khuôn mặt người đã khuất. Khuôn mặt Má cũng lung linh trong ánh sáng đó, mắt nhắm nghiền, hai vệt lõm đen in dưới gò má. Tôi rón rén bỏ xuống bếp. Bên lò lửa, Thảo ngước nhìn tôi, cặp má đầy đặn và đỏ hồng. "Hôm nay có cá trê vàng kho, món tủ của anh với anh Cần!" Tôi đáp: "Tuyệt". Mùi cá kho xông thơm phức, đặc sệt trong căn bếp sáng. Tôi bỗng thấy khó chịu. Ngoài vườn sau đêm đã xuống hẳn. Buồng tắm dựng nơi cuối vườn, che bởi những tấm phên đan lớn. Tôi trút bỏ áo quần bẩn, xối mạnh một gáo nước. Tôi không phải là Cần. Việc tôi chia chung một gian phòng, làm người bạn thường trực của anh chỉ là việc bất đắc dĩ. Nhưng hình như Má Năm và Thảo vẫn thích nhập chung tôi với anh thành một cặp bài trùng. Hễ nhắc tới Cần là có tôi, nhắc tới tôi là có Cần.

Nước trong veo đọng long lanh trên tóc tôi. rơi xuống mặt, xuống cổ.

Tôi xối thêm một gáo nữa, phồng ngực tận hưởng cái chất ngọt của nước mát tuôn tràn từ đầu xuống chân. Đầu óc tôi dịu lại. Nghĩ cho cùng, sự có mặt của tôi ở căn nhà này sở dĩ có được là nhờ ở Cần. Hơn nữa, Má Năm thiếu thốn một người con trai bình thường để mà yêu thương, nhờ cậy. Tôi không giúp đỡ gì được cho má, cho Thảo, sao còn hằn học vô lối?

Khi bước ra khỏi buồng tắm, còn đang lúi húi cuộn lại mớ quần áo dơ, một linh cảm lạ lùng khiến tôi quay vụt đầu lại. Hai con mắt sáng biến đi sau bụi râm bụt rậm. Tôi bỗng nổi gai lên. Đêm đen quá, tôi không thấy rõ gì hết. Nhưng rõ ràng là hai con mắt sáng vừa biến đi rất nhanh sau bụi cây. Và cái cảm giác bị nhìn chằm, nhìn lâu từ phía sau lưng, tôi không thể lầm... Tại sao hắn theo dõi tôi? Tôi dợm bước, định tiến về phía bụi râm bụt, xong lại thôi. Tôi biết chủ nhân của cặp mắt không còn ở đó nữa. Mọi sự yên tĩnh, chỉ có tiếng gió rì rào thổi ngang khu vườn. Tôi lắc đầu, cất bước vào nhà.

Bữa cơm chiều diễn ra trong sự buồn thảm. Hai ngọn nến trên trang thờ đã tắt, ánh đèn vàng rơi ảm đạm xuống gian nhà, soi sáng một cách trơ trẽn mâm cơm thịnh soạn trên sập. Cần không ra ăn cơm, cũng không còn ở trong buồng. Khuôn mặt Má Năm nặng nề. Tôi tuy đói bụng cũng không dám ăn nhiều. Thảo phải gắp luôn tay cho tôi, nhưng chính nàng cũng chỉ ăn có một chén.

Một lúc, Má Năm nói: "Chắc nó lại ra lang thang ngoài bờ sông". Tôi với Thảo nhìn nhau, không biết nói gì. Không phải lần đầu Cần biến mất khỏi nhà. Có những đêm tôi đã thức giấc, nhìn qua thấy giường Cần bỏ trống; tôi rán tỉnh ngủ, nghe ngóng động tịnh quanh nhà, rình rập tiếng chân trở về của anh, rồi cuối cùng thiếp đi trong một nỗi sợ hãi vu vơ... Nhưng đây là lần đầu Cần bỏ cơm. Nhất là bữa cơm có món cá trê vàng kho, do chính tay Thảo đảm trách. Má Năm nói ở cuối bữa: "Con để má dọn dẹp".

Thảo nấu ấm trà, ra ngồi hóng gió với tôi ngoài bực cửa. Má Năm rút vào sau bếp. Trăng thượng tuần soi yếu ớt lên mặt nước sông lặng lờ. Tiếng dế gáy ran ran từ những lùm cây ven bờ sông. Những chấm đom đóm lập lòe sáng ở một phía xa. Trong sân nổi lên lờ mờ những chiếc bóng bất động của hòn non bộ và các chậu cây cảnh. Không có ai nói đến chuyện đi tìm Cần. Tôi biết những hành vi của anh đã trở nên quá quen thuộc với gia đình này. Tuy vậy khi trao tách trà cho tôi, Thảo cũng nói: "Em lo ngại cho anh Cần...".

– Không biết ảnh đi đâu? Tôi hỏi, mặc dù biết Thảo có ý nói về sự trở bịnh của Cần, hơn là lo ngại về nơi chốn mà anh có mặt.

– Nếu Cần lang thang ngoài bờ sông, ảnh chỉ có thể đi ngược dòng lên phía rừng chuối.

– Sao Thảo biết?

– Hồi trước khi bịnh còn nặng, ảnh thường bỏ nhà đi luôn nhiều ngày, lần nào người ta cũng tìm thấy ảnh ở khu đó. Nàng tiếp: Khỏi rừng chuối vài cây số có cái nghĩa địa cổ, không biết từ đời nào, dân vùng này không bao giờ dám héo lánh tới.

Chúng tôi yên lặng. Rồi Thảo rót thêm trà, bất chợt hỏi tôi như để thay đổi câu chuyện:

– Công việc đẳng hãng gạch cũng thường chứ, anh Quang?

– Mệt, nhưng ngược lại làm việc tay chân nhiều cũng giúp đầu óc bớt căng thẳng.

Nàng nhìn tôi:

– Anh thường bị căng thẳng lắm sao?

– Ồ không...

– Em hy vọng không phải những chuyện xảy ra trong căn nhà này làm anh căng thẳng. Thảo nói buồn bã.

– Không, Thảo đừng nói vậy. Không phải vậy đâu... nhưng Thảo biết, tôi cũng có nhiều vấn đề của đời sống...

– Em biết, nàng thở dài. Trước kia anh ở thành phố, đi dạy học, còn bây giờ... đời sống bây giờ không phải đời sống dành cho anh.

– Cũng không phải như vậy. Tôi rất hài lòng khi tìm được chỗ làm trong lò gạch. Nó giúp cho đời sống của tôi đổi mới, tôi không muốn đi dạy học nữa. Đời sống với tôi bây giờ là một sự khởi đầu lại tất cả.

– Anh nói đúng. Em với má chỉ muốn giúp đỡ anh trong tất cả những gì làm được. Anh biết đó, má coi anh như con...

Tôi suýt nhăn mặt. Câu chuyện đã chuyển sang một hướng mà tôi không thích. Dường như trong câu nói của nàng có cái vẻ thương hại. Nhưng trong đêm, gương mặt nàng vẫn đầy đặn và xinh đẹp. Tôi bỗng thấy một tình cảm êm ả. Có phải nàng vừa mới tỏ tình với tôi đó không? Tôi nhìn nàng chăm bẳm. Mắt Thảo hạ xuống tách trà, có vẻ ngượng ngịu. Tôi muốn nắm lấy bàn tay nàng, nhưng rồi không dám. Chúng tôi lại yên lặng, ngồi với nhau như thế rất lâu.

Trước mặt chúng tôi, vừng trăng thượng tuần vẫn lặng lờ trôi xuôi về thị xã.

*

Cần mò về nhà ngay buổi sáng hôm sau, bỗng nhiên lại ngoan ngoãn, dễ bảo như cũ. Má Năm tươi tỉnh lên một chút, tới mấy ngày sau thì Má an tâm hẳn. Không khí trong nhà lại vui vẻ, những buổi cơm chiều lại là những phút họp mặt đầm ấm. Tôi với Cần càng được chăm sóc kỹ lưỡng hơn bao giờ hết. Suốt ngày, ngoài việc bếp nước, nhà cửa, hay khi có công chuyện cần phải chạy qua hàng xóm, Má Năm lăng xăng nấu xôi chè, làm bánh ngọt, bánh ú, bánh đậu, nấu nước mía lau, làm sữa chua cho chúng tôi ăn. Má luôn miệng hỏi: "Cần, Quang hai con ưa món gì để má làm?" Má còn bắt Thảo mua ở chợ về hai bộ đồ ngủ mới tinh cho chúng tôi. Cần vẫn thản nhiên; hiền lành nhưng thờ ơ. Tôi thấy thương Má. Một hôm tôi đề nghị xây rộng ra cái chuồng heo cho Má, vì tôi nghe Má có lần nói tính nuôi thêm mấy con heo để tăng gia sản xuất. Nghe vậy Má ngạc nhiên, xúc động không thốt nên lời. Rồi Má tươi cười rạng rỡ. Những buổi tôi lúi húi ngoài chuồng heo, Má không ngớt chạy ra chạy vào, xem tôi đo đạc, đóng ráp, nóng ruột chờ đợi cái kết quả của công việc. Chắc chắn là Cần không khi nào chịu cầm cây búa lên làm một việc gì cho Má. Tôi định bụng sau chuồng heo, sẽ sửa chữa lại vài chỗ ngói bể trên mái.

Tôi không nói dối Thảo, tôi thích công việc chân tay. Tôi chứng nghiệm rằng công việc chân tay giúp đầu óc người ta thảnh thơi, và thích hợp cho những cơ năng của con người. Dĩ nhiên đầu óc cũng cần thiết, rất cần thiết là khác, nhưng không nên lạm dụng. Việc làm ở hãng gạch vì vậy dù cực khổ và nặng nhọc, nhưng tôi vẫn mang ơn nó. Những buổi trưa phơi mình dưới trời nắng đổ lửa, khuân, phơi, nung gạch, hòa mình giữa những công nhân bạn, đem mồ hôi đổi lấy đồng lương nhỏ nhoi mỗi tháng, với tôi lại là một sự giải thoát. Nó giúp tôi không còn suy nghĩ. Tôi đã suy nghĩ nhiều rồi, tôi không muốn suy nghĩ nữa. Tôi lao vào công việc một cách nhiệt thành. Ông chủ Phát Lợi có lần đến khen ngợi tôi. Lương tôi tăng lên chút ít. Ông không biết rằng tôi chỉ mang ơn cái công việc nặng nhọc của ông, trong hiện tại; nó không giúp giải quyết gì được cho những điều sâu xa của tâm hồn tôi.

Bởi vì tôi biết, một con người hay suy nghĩ rốt cuộc vẫn còn lại là một con người suy nghĩ. Nhất là khi tôi phải sống kế cận Cần, một con người hay suy nghĩ khác. Cần ít nói, nhưng khi nói, anh lại nói rất nhiều. Một lần anh mò ra chuồng heo, đứng sau lưng xem xét tôi làm việc. Rồi bỗng anh

kêu "nhìn kìa!" Tôi ngơ ngác ngước lên. Tay anh chỉ thẳng về phía những con heo đang nằm trong chuồng. "Những con heo không điên, còn người , thì điên" – anh nói.

Tôi bỗng bị kích thích, ném trả:

– Anh dựa vào điều gì mà nói như vậy?

– Ừ, cũng có thể có những con heo điên lắm. Nhưng nếu điên, heo điên một cách tự nhiên, còn người điên không tự nhiên. Người điên cố ý!

– Chắc đó không phải là trường hợp của anh? – Tôi nói, độc ác.

– Không... Không, tôi cũng không biết. Nhưng đa số chúng ta đã sống một cách điên khùng. Có khi chúng ta cố ý điên, để biện minh cho những tư tưởng và hành động của mình. Dù sao điều đó trái với bản chất con người.

– Chẳng hạn ai?

– Ông chủ hãng Phát Lợi, Cần đáp. Ông ta ăn nên làm ra, ngày càng béo mập trên sức lực và sự nghèo đói của công nhân, nhưng vẫn dựa vào rất nhiều tin tưởng, lý thuyết và giáo điều để biện minh, để có thể tiếp tục vui sống thản nhiên trước một việc làm như vậy. Anh tưởng đó không phải là điên, một cách cố ý sao? Còn những công nhân – và những kẻ cùng mạt sống ở các thôn làng quanh đây nữa, anh nghĩ họ có điên cố ý để có thể kéo dài đời sống bần cùng chua chát đó, bằng cách chấp nhận, tin tưởng ở cái định mạng, cái số phần đã dành riêng cho họ sao?

Tôi chặn lời anh:

– Anh lấy ở đâu ra những tin tức về ông chủ Phát Lợi? Tôi tưởng anh không bao giờ đặt chân tới đó?

– Tôi về đây đã mười năm, bây giờ, tôi không còn muốn đi đâu hết, nhưng hồi trước tôi cũng như anh, tôi đi khắp nơi trong thị xã này và tôi quen biết nhiều người. Anh nhìn tôi soi mói, nói tiếp: Tôi không có ý chia rẽ người giàu kẻ nghèo, tôi không muốn làm cách mạng. Điều đó, tôi bất cần. Đó chỉ là một trong những thí dụ. À, mà còn những kẻ gây chiến tranh này nữa! Họ xua hàng triệu triệu người vào chỗ chết, làm tan nát nhiều triệu gia đình khác, và những người lính, những công dân cúi đầu vâng theo các chính quyền đó như một bầy cừu non, không phải là họ điên, cố ý điên, bởi vì một lý do này hay lý do khác, và bằng một cách này hay một cách khác đó sao?

– Như thế,... anh cho rằng con người điên không tự nhiên vì bản chất con người vốn thiện?

– Hẳn vậy.

– Nhưng anh không nghĩ rằng, nếu chúng ta – con người – chúng ta để cho tất cả bản năng của chúng ta bộc phát, không chịu kềm hãm, thì có lẽ thế giới này sẽ điên đảo, sẽ diễn ra những cảnh cướp phá, tàn hại ghê gớm lẫn nhau, sẽ tan hoang hết tất cả, bởi vì cái lòng tham, lòng dục được dịp phát triển, không có sự chi phối của một hệ thống, một tín tưởng hay giáo điều nào? Như thế, thì con người điên cũng là điên một cách tự nhiên, và từ thượng cổ đến giờ, con người đã tìm mọi cách, đã cố ý để khỏi điên, để đạt đến một sự quân bình chừng mực nào đó như cái thế giới hiện nay của chúng ta.

Cần lắng nghe tôi chăm chú:

– Ừ, anh nói cũng có lý. Như thế bản chất của con người vốn không thiện.

Tôi lắc đầu:

– Không, anh hiểu lầm ý tôi. Nếu bản chất vốn đã không thiện thì làm gì có chuyện tìm cách đạt đến một sự quân bình, một giá trị đạo đức nào đó?

Cần nhìn tôi đầy vẻ chú ý và thích thú:

– Anh nói phải. Đây là một vấn đề trọng đại, mình phải bàn lại mới được. Thiệt rắc rối hơn là tôi tưởng.

Anh dợm bước tính bỏ vào nhà. Tôi nói với:

– Thật ra tôi nghĩ đó chỉ là cái nhị trùng bản ngã.

Cần quay lại, tiến đến gần tôi:

– Bỏ việc đi, vô rừng chuối chơi với tôi.

Tôi lùi lại một bước, mặc dù không cố ý. Tôi vừa nghĩ tới cặp mắt sáng đêm hôm nọ từ bụi râm bông bụt ngó chằm vào gáy tôi. Cần thản nhiên:

– Thường thường tôi chỉ đi tới rừng chuối, Ở đó cây chuối xanh tốt, những buồng chuối mập tròn, đẹp mắt, lũ ve tha hồ ca hát, và những con khướu, con chào mào nữa. Tôi thấy dễ chịu lắm. Đôi khi tôi gặp những nông dân vô chặt chuối, họ nói chuyện với tôi, chỉ dạy tôi nhiều thứ, có khi họ bày thức ăn, xị rượu đế, chúng tôi dùng bữa chung với nhau. Tất cả mọi điều đều đẹp đẽ.

"... Tôi chỉ đi tới rừng chuối, tôi không đi xa hơn. Tôi sợ..."

Anh lùi lại, đôi mắt sáng trở nên ngây dại.

"Tôi sợ".

Anh lập lại rồi dáo dác nhìn quanh, trước khi lủi nhanh vào nhà. Tôi biết từ đây cho tới ít nhất ba ngày nữa, anh sẽ không mở miệng nói ra một tiếng.

*

Mặt sông lấp loáng sáng dưới nắng. Hình như khi trời đẹp, có mất đi cái vẻ lặng lờ cố hữu. Hàng dừa ven bờ rì rào thả hơi mát xuống con đường đất nhỏ. Chúng tôi đi bộ. Tóc Thảo bay lất phất, có lúc chạm vào má tôi, đem theo mùi hương chanh rất nồng nàn. Chiều thứ bảy, chúng tôi rủ nhau ra chơi thị xã. Thảo vận áo dài màu ngà, quần lụa trắng, guốc cao màu ngà, ngoài đôi bông nhỏ và sợi dây chuyền thường khi, nàng đeo thêm nơi cổ tay chiếc vòng vàng tròn trĩnh. Tôi thấy cảm động vì Thảo chịu khó diện với tôi. Tôi cũng mặc sơ mi trắng, quần ga bạt đin đen ủi thẳng nếp, mang giày tây. Nếu tôi đưa tay ôm ngang hông Thảo, chúng tôi sẽ là một cặp tình nhân. Nhưng giữa chúng tôi vẫn có một khoảng cách. Thảo lúc nào cũng vô tư, vui vẻ. Nàng không biết đến những gì đang diễn ra trong đầu óc của tôi.

– Em chợt nghĩ thấy buồn cười, là tại sao mỗi lần đi chơi, chúng ta đều muốn đi về phía thị xã hả anh Quang, ở phía kia chắc cũng có nhiều cái để coi lắm chứ?

Tôi nhìn ra mặt sông, thấy một chiếc đò chở khẩm chuối xanh đang chậm chạp xuôi giòng, đáp lời nàng:

– Tại vì chúng ta sợ.

– Sợ gì kia chứ?

– Sợ những điều không rõ, những điều mà nếu đi về phía trước ngược lại, không chừng chúng ta sẽ rõ, và sẽ thất vọng.

– Vì vậy chúng ta cứ thích đi về phía thị xã?

– Phải, ở đó mọi điều đều bình thường, hay được chấp nhận là bình thường. Chúng ta có khuynh hướng trôi xuôi, chấp nhận những thứ đã có sẵn, và làm theo những điều mà tất cả đám đông đều đang làm... – Tôi nhớ tới Cần. Thảo có nghĩ những người điên thật ra chỉ là những người dám đi ngược lại để tìm ra sự thật?

– Em không sợ rừng chuối, và xa hơn rừng chuối nữa – Thảo quay nhìn tôi.

– Nhưng Thảo không bao giờ đi xa hơn rừng chuối!

– Sao anh biết?

–...

Em không làm theo đám đông. Em cũng dám đi xa, tìm ra sự thật. Sự thật của riêng em, và em không điên.

– Ờ nhỉ... Và chính tôi nữa, sao tôi biết có một ngày kia mình sẽ không vượt xa hơn rừng chuối? Như vậy trong cái đám đông mà chúng ta vẫn thấy ở thị xã, có chúng ta nữa, nhiều kẻ thỉnh thoảng vẫn đi xa khỏi rừng chuối, mà không ai biết ai.

... Nhưng những người điên thì dám làm, và dám nói công khai cho tất cả.

– Nhiều kẻ điên vì trục trặc một cơ quan trong đầu óc, do tai nạn hay do bẩm sinh. Nhiều kẻ khác vì tâm trí bệnh hoạn, khật khùng, kỳ quái. Có những bịnh nhân chỉ thích giết người, cướp của... Không phải người điên nào cũng lý tưởng.

– Thôi tụi mình ngồi đây chơi đi anh Quang, đừng ra thị xã nữa.

Nàng vén áo dài ngồi xuống dưới một gốc dừa. Phần da hông vô tình lộ ra trắng mát "Đừng nói chuyện những người điên nữa Quang à. Biết sao mà nói! Dù sao thế giới này thuộc về những người tỉnh táo, mình cũng phải tỉnh với họ. Có những sự thật rất bình thường và hiển nhiên của người tỉnh, mà người điên không hiểu được hay không chịu hiểu nên họ mới điên". Tôi ghé môi định hôn lên má nàng nhưng Thảo xô tôi ra, ngồi lùi lại một khoảng: "Đừng anh!" Tôi luống cuống, thừa thãi. Thảo chợt cười vui, phá tan bầu không khí "nóng quá, em xuống ngâm chân cho mát". Không biết vô tình hay cố ý, nhưng ngâm chân nàng phải vén vạt áo dài và ống quần lên. Nàng dò dẫm một lúc dưới nước rồi bước lên, hai bắp đùi ướt át, trắng nõn.

– Thôi về Quang ơi. Nàng thản nhiên nói.

*

Chúng tôi đều lầm. Bịnh tình Cần chưa thuyên giảm. Sự vâng phục và dễ bảo của anh chỉ là sự lắng dịu tạm thời của cơn địa chấn đầu tiên. Chuẩn bị cho đợt rung chuyển kế tiếp.

Một ngày chủ nhật Má Năm và Thảo phải ra thị xã để bàn tính một công chuyện làm ăn, bỏ Cần với ngôi nhà lại cho tôi coi sóc. Buổi sáng trôi qua yên tĩnh, đến xế trưa thì mưa đổ xuống.

Tôi vừa đánh một giấc, khi mở mắt thấy trời đất tối sầm, quanh nhà mưa tuôn rào rạt, sấm rền suốt từ nam chí bắc, bao trùm cả một vùng quê. Tôi vội chạy ra sau che lại chuồng heo, rồi đi đóng hết mọi cửa ngõ. Không thấy Cần đâu, tôi ngạc nhiên, lo ngại nghĩ chắc anh lại bỏ nhà chạy đi chơi

đâu đó. Nhưng khi ra tới gian thờ để kéo cửa chính, tôi mới nhận ra chiếc bóng cao lớn của Cần ở ngoài sân, cạnh hòn non bộ. Anh đứng sừng sững bất động trong màn mưa, nhìn vào nhà, tay cầm cán cuốc. Không lẽ anh ra trồng rau giữa lúc trời đất như vầy... tôi chắt lưỡi chạy ra. Tới hàng ba thì tôi lùi lại. Cần lừng lững cầm cuốc tiến vào, nước chảy ròng ròng trên mặt mũi, thân thể. Chúng tôi đứng nhìn nhau, khoảng cách rất gần. Bất thần, Cần hươi cuốc lên. Người tôi cứng ngắc. Trong giây phút đó, chỉ có một ý nghĩ duy nhất vụt qua đầu tôi là sự nhận thức rằng mình chạy không kịp. Nhưng cây cuốc hạ nhẹ xuống, đặt trên vai tôi. Rồi Cần khều tôi tới sát anh, bằng mũi cuốc bấu sau vai, mỉm cười ngọt ngào: "Mày đi khỏi nhà này!" Cặp mắt anh long lên: "Mày chiếm chỗ của tao. Mày giựt Má với Thảo ra khỏi tay tao. Đi khỏi đây! Nếu không tao giết mày". Có tiếng sét vạch ngang bầu trời, một viên ngói tách mái, rơi bể tan tành trên sân, từ chỗ đó nước dội xuống như giòng thác đổ. Cần dí sát mặt tôi lại. "Mày tưởng con Thảo nó yêu mày? Lầm to rồi! Cái đồ ăn nhờ ở đậu, được thuê mướn để canh người bịnh". Tôi xô lưỡi cuốc trên tay Cần, lùi lại. Từ lúc nào mặt tôi cũng đã ướt nhẹp. Hơi mưa bay trắng khắp hàng ba. "Bỏ cuốc xuống đi, anh Cần. Không cần làm dữ như vậy". Cần ngơ ngẩn nhìn tôi. "Bỏ cuốc xuống đi. Tôi sẽ đi liền, ngay bây giờ, cho anh coi. Tôi đã tưởng sự có mặt của tôi ở đây hữu ích. Tôi tưởng gia đình này cần đến tôi. Bây giờ mọi sự đã rõ ràng, anh khỏi lo, tôi đi ngay đây! Mưa gió cũng chẳng sao". Dứt lời tôi quay thẳng về buồng, khuôn mặt tôi vẫn ướt. Hình như một cơn dữ đang cuồn cuộn dâng lên hâm nóng đầu tôi. Nhưng không, chỉ có một sự buồn bã. Chiếc va li của ngày đầu tiên được lôi xuống, hai tay tôi máy móc gấp xếp thu dọn mọi vật dụng, quần áo. Vậy là hết. Sáu tháng ở trong ngôi nhà này, đã bắt đầu nghĩ đến một bến đậu, đã nghĩ đến một vận hội mới nào vừa mở cho cuộc đời tôi. Không một điều gì có thật cả. Tiếng khóc thút thít vang lên như một đứa trẻ. Tiếng khóc run run, kềm chế và tuyệt vọng. Tôi dừng hẳn tay lại, ngạc nhiên. Rồi tôi bỏ va li, vội vã chạy ra nhà ngoài.

Cần đã chui xuống dưới gầm trang thờ, ngồi co quắp, nước mắt chảy ròng ròng trên mặt. Thấy tôi, hình như động lòng những tiếng nấc trong cổ họng anh lớn hơn. Ánh chớp bên ngoài từng chập lại lóe lên, soi sáng gian nhà cùng khuôn mặt tái xanh của anh. Chiếc cuốc vất chỏng trơ ngoài hàng ba. Tôi quỳ xuống trước trang thờ, nắm lấy hai cánh tay anh, làm một hành động an ủi. Thật ra tôi không biết chuyện gì xảy ra. Anh bắt đầu nói, qua tiếng nấc, thân hình run rẩy trong tay tôi "Tôi... tôi nói vậy... chỉ để Quang đi..." – "Tôi hiểu, tôi hiểu" – "Không,... Quang không hiểu đâu...

Tôi không muốn... Quang ở gần tôi... ở trong căn nhà này... Không tốt..." – "Tôi hiểu rồi, tôi sẽ đi" – "Tôi... không yêu Má... không yêu Thảo... tôi không có gì ghen tức với Quang". Anh ngước hai con mắt đờ dẫn lên "Quang đâu có tin... những lời nói ban nãy có thể đến từ tôi phải không?" – "Tôi không tin". Cần dịu lại: "Đi, đi đi, đừng ở đây với tôi". Anh bỗng giằng tay ra, giựt đứt sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ, dúi vào bàn tay tôi: "Cầm cái này, chạy đi. Đi liền đi. Đừng để dưỡng trí viện họ bắt lại". Tôi cầm sợi dây chuyền vàng lá khá nặng đeo trở lại cho Cần: "Làm vậy đâu được, anh Cần. Mà có dưỡng trí viện nào bắt tôi. Chỉ có anh, nếu không nghe tôi bây giờ vô thay quần áo, ngủ một giấc, thì dám dưỡng trí viện đến bắt anh lắm". Anh co rúm người lại, hai mắt trợn trừng "Đừng! Đừng để dưỡng trí viện bắt tôi!" – "Không, không". Anh thả đầu xuống vai tôi "Tôi đã từ chối thị xã. Tôi chỉ muốn rong chơi mãi mãi trong rừng chuối. Nhưng chốn ấy không có thể dừng chân lâu dài được. Nó chỉ là một ngày đẹp trời của đời sống, người ta đến chặt chuối, ăn uống, khui xị rượu đế. Rồi người ta phải trở về, phải trở về,... thị xã hoặc nghĩa địa. Thị xã chẳng có gì tốt đẹp. Nhưng nó là sự quân bình chừng mực mà người ta đã đạt đến, nó là một trận tranh chiến không ngừng giữa rừng chuối và nghĩa địa. Người ta không có sự lựa chọn nào khác. Vậy thì anh hãy về thị xã đi. Rán mà sống với những người tỉnh, chấp nhận luật chơi của họ. Đừng bắt chước tôi rong chơi quá lâu trong rừng chuối. Bởi vì anh có thể góp phần trồng lên những vườn chuối nho nhỏ trong lòng thị xã. Nhưng nhớ. Cho dù không làm được điều đó, cũng đừng bao giờ để người ta dẫn được anh về nghĩa địa...".

*

– Cần! Cần! Con ở đâu? Con ở đâu? Về với má đi con!...

Má Năm xô cửa, đứng sững nhìn tôi, khuôn mặp tàn tạ, héo hắt đi thấy rõ vì phiền não. Đã mười giờ đêm. Tôi buông cuốn sách: "Dạ, con đây má". Má có vẻ an tâm, đến ngồi xuống bên tôi, đưa hai tay rờ rẫm mặt mũi, đầu cổ tôi, rồi Má vuốt tóc tôi, kéo chăn lên tới ngực: "Coi chừng cảm lạnh nghe con. Ở đây với má, đừng đi đâu hết. Tao có một mình mày là trai, mày mà bỏ má đi, chắc má không sống nổi". – "Dạ, con ở đây mà má, con đâu có đi đâu". Má lui ra, khép cửa. Tôi thở dài, quay mình vào vách. Từ hôm Cần chết, Má Năm như quẫn trí, không ngớt gọi tôi bằng tên anh. Nói mấy Má cũng không nghe. Những lúc Má kích thích cực độ, tôi chỉ còn biết dạ nhịp cho Má yên lòng.

Đã nhiều đêm tôi mất ngủ. Có đêm quá trằn trọc, tôi nhìn những lọ thuốc tâm thần còn nằm lăn lóc trên bàn ngủ của Cần, cạnh chiếc máy quay

băng trống, thèm thuồng. Rồi tôi định trí cưỡng lại ý muốn, bước ra nhà ngoài thắp nén hương trên trang thờ, khấn vài lời với anh.

Cần biến mất khỏi nhà ngay đêm chủ nhật, cái hôm mưa gió anh lên cơn làm trận với tôi, nói năng lảm nhảm rồi thiếp đi... Khi tôi tỉnh giấc, giường anh đã trống; nhìn ra cửa sổ thấy trời quang mây tạnh, tôi yên tâm, lòng cầu mong mọi sự yên ổn. Nhưng anh không bao giờ trở lại. Sau đó, chúng tôi đi khắp nơi, không thấy anh ở đâu. Ba ngày sau, người ta vớt được xác anh tấp vào chân cầu thị xã. Tôi thay mặt Má và Thảo đi nhìn xác anh. Cái xác đã trương phình, trần truồng, vầng trán bầm dập, người ta chỉ có một sợi dây chuyền vàng để trao lại cho tôi.

Nhà chức trách đến điều tra, lên tận khu nghĩa địa cổ. Ở đó người ta tìm ra vết tích. Cần đã đập đầu nhiều lần vào một bia đá, rồi nhảy xuống sông tự vận.

Chúng tôi quyết định quàng xác anh tại bịnh viện. Ma chay được tổ chức sơ sài, vội vã ngay ở đó. Thảo sợ không muốn đem anh về, vì kiêng kỵ; hơn nữa không khí trong nhà đã quá buồn bã, u ám, chúng tôi muốn tránh tối đa phải nhìn lại cảnh đau thương.

Ngôi nhà quả thực đã trở nên nặng nề khó thở. Ba chúng tôi không còn nói năng gì với nhau. Má Năm rút vào buồng, không động đậy. Tôi với Thảo đi qua đi lại trong ngôi nhà, không nhìn nhau. Những lúc hiếm hoi Má Năm bước ra, Má lại hấp tấp chạy tìm tôi, rờ rẫm đầu cổ, gọi tôi là Cần. Cái tên Quang hình như đã hoàn toàn bị xóa bỏ khỏi đầu óc Má. Có khi Thảo vì thói quen, cũng lỡ miệng gọi tôi như vậy. Tôi trở mình, mở mắt nhìn lên trần nhà. Trăng sáng vằng vặc, từ cửa sổ tràn vào soi rõ những cột, kèo, những đường cong nét lượn chạm khắc tỉ mỉ trên đó. Không có tiếng dế gáy. Không cả tiếng gió. Mọi vật yên tĩnh đến cùng cực. Tôi bồn chồn xoay trở. Trời quá nóng. Mồ hôi tôi xuất ra ướt đẫm áo, thấm xuống giường, xuống gối. Hình như ở trong tôi, không có sự buồn thương, tiếc nuối nào thực sự cho cái chết của Cần. Hay đúng hơn, trong sự buồn thương tiếc nuối đó, từ mấy hôm nay tôi đã thú nhận, có chen lẫn một cảm giác khoái lạc và nhẹ nhàng của kẻ chiến thắng. Cái chướng ngại duy nhất như đã bị đốn ngã. Dù muốn dù không, tôi còn lại là người đàn ông cuối cùng của căn nhà này. Dù muốn dù không, người ta cần đến tôi. Bây giờ, nếu tôi mở miệng xin từ giã, người ta không khỏi kèo nài, níu kéo... Ban chiều đi ngang căn nhà tắm cuối vườn, nghe tiếng nước dội, rửa ráy kỳ cọ của Thảo, lần đầu tiên tôi đã dám dừng lại, quay đầu nhìn thẳng về phía đó, lắng nghe một lúc lâu trước khi cất bước. Không, tại sao tôi lại nghĩ đến điều đó trong

lúc này! Tôi sắp trở thành loạn trí như Cần rồi. Tôi rán định tâm. Lòng tôi hồi tưởng lại những buổi nói chuyện tương đắc với anh, và những giọt nước mắt sau cùng anh đã đổ ra với tôi.

Thật ra từ sâu kín tôi có gì ghét bỏ Cần. Nếu không nói trong mối giao tình của chúng tôi, chính anh mới luôn luôn là nạn nhân, phải chịu đựng những mỉa mai, xa cách từ phía tôi. Có lẽ chưa bao giờ tôi làm được người bạn thân thiết thực sự của anh. Tôi nào có muốn đối xử với anh như vậy, nhưng những mặc cảm, những ganh ghét nhỏ mọn trong tôi còn quá lớn để tâm hồn có thể tìm về được một cõi yên tịnh. Miệng tôi lẩm nhẩm một câu niệm kinh. Mặt nước đen quanh tôi vẫn đầy mênh mông. Trăng soi rưng rức, tráng lên một lớp vàng mạ. Con đò của tôi có lỗ rò! Nước dâng lên mãi, lên mãi. Tôi chìm dần, hai tay chới với xoay trở khó khăn trong nước. Những con heo đen tôi chở trên đò cũng bị đắm, đang bơi bì bõm. Sao những con heo màu đen? Khi còn ở trong chuồng chúng màu trắng kia mà.

– Cần! Cần!...

Cửa buồng bung ra. Má Năm xuất hiện, đờ đẫn dưới ánh trăng, hai con mắt xa vắng. Tôi dụi mắt, tỉnh hẳn. Má Năm mặc áo bà ba lụa trắng nổi vân bạc, tóc búi đẹp, những chiếc nhẫn, chiếc vòng lấp lánh sáng ở ngón và cổ tay. Dễ đã nửa đêm. "Cần, Cần, tỉnh dậy! Tỉnh dậy đi chơi với má đi con". Vừa lảm nhảm Má vừa quờ quạng tiến về phía giường. Tôi nhổm hẳn dậy. Má nắm cánh tay tôi kéo đi, tha thiết "Cần, ra đi chơi với má, trăng ngoài kia sáng lắm con không thích sao?" Tôi trì lại. Bất ngờ Má gồng sức, lôi tôi một cái ra tới mép giường: "Thằng Cần, cái đồ bất hiếu! Tao nuôi lâu nay tốn bao nhiêu tiền của, mày chỉ chực bỏ nhà chạy trốn. Mày không bao giờ biết thương má, thương em mày. Trời đánh thánh vật mày cho rảnh mắt tao!" Tôi giật tay ra khỏi Má, nhảy xuống giường: "Má lầm rồi. Tôi là Quang. Tôi không phải Cần". Má Năm trợn mắt lên nhìn tôi. "Má lầm to rồi, to lắm. Bây giờ má ra đi cho tôi ngủ, mai tôi còn phải đi làm". – "Cần... vậy là.. con không đi chơi với má?" – Má thều thào qua hơi thở. Tôi gằn giọng: "Cần nó chết rồi. Bộ má điên sao mà không biết?" Má Năm lùi dần, lùi dần ra tới ngưỡng cửa. Tôi hối hận vì những gì đã nói. Chợt Má ngửa đầu, cười hăng hắc, mắt đã điên dại thấy rõ. Tôi chưa kịp động tịnh, Má hú lên một tiếng, thoắt cái biến mất xuống nhà sau.

Tôi đâm bổ theo Má. Không ngờ Má Năm bình thường từ tốn chậm rãi, mà bây giờ có thể chạy nhanh như vậy. Chưa chi, tôi thấy Má như con trâu cái tuôn qua vườn, xô cánh cửa mạch, vụt một cái băng băng giữa cánh đồng, chạy về phía những cánh rừng đen thẫm. Tôi chạy hết lực, không đuổi

kịp má. "Ha ha!... Ha ha ha!...". Tiếng cười của Má chốc chốc vọng lại. Chiếc áo cánh trắng lấp lánh dưới trăng, ẩn hiện qua những thân cây, cành lá, bụi rậm. "Ha ha ha..." Má chạy phía trước, tôi phía sau. Chúng tôi qua khỏi rừng dừa, rồi rừng chuối, những tàu lá thấp phần phật đập ngược lên thân mình tôi. Tôi nghe tiếng thở của mình hào hển, mệt đuối, nhưng Má vẫn lao mình về phía trước... Khu rừng bây giờ hoang dã, khô khan, những thân cây xù xì mọc hỗn độn, những bụi rậm to lớn, gai góc đâm xước trên mặt trên tay tôi đau điếng, cỏ dại cao ngang đầu gối, rạp xuống từng mảng phát lên âm thanh sắc nhọn. Có lúc tôi thấy bóng Má vụt thẳng ngay phía trước, nhào theo, liền bị chặn lại bởi những bụi cây, những chướng ngại không ngờ. Chẳng lẽ Má thuộc lòng con đường, từng chỗ quanh, lối quẹo. Vừa chạy tôi thầm khấn anh Cần nếu có linh thiêng thì làm ơn chặn đường Má giùm tôi chứ tôi không biết phải hành động ra làm sao nữa...

Tôi dừng phắt lại. Trăng tràn trề tắm sáng một vùng quang đãng, những bia mộ bất động nổi lên, loang lở và đen tối từ dòng trăng. Má Năm ngồi sững trên một ngôi mộ đá, nhìn tôi. Hơi thở tôi dồn dập, vang lên giữa không gian im vắng. Mồ hôi tuôn dài, ướt đẫm mình mẩy, như tôi vừa bước lên từ con sông nào đó ngoài kia, con sông bị che lấp bởi chiếc bóng nặng nề của rừng đen, tôi không nhìn thấy. Tôi bước lần về phía Má. Những ngôi mộ đất đã mất gò, không còn lại dấu vết gì ngoài những tấm bia xiêu vẹo, nghiêng đổ, hầu hết chúng cụt đầu, cụt thân, những mảnh đá cổ rơi vỡ gập ghềnh, lạo xạo dưới bước chân tôi; rải rác đây đó một vài ngôi mộ bằng đá, gần như còn nguyên, có lẽ đã được xây lên rất trễ trong những đời sau. Má Năm ngồi bất động trên một trong những ngôi mộ đó... "Cần con, tới đây, tới đây với Má".

Tôi đã đứng trước mặt Má. Tôi nghe tiếng tim mình còn đập mạnh và tiếng những hơi thở đứt quãng cuối cùng vang lên. Má từ từ đứng dậy, tiến tới gần tôi. Hai tay Má giơ ra đặt lên vai tôi. "Phải đó, Cần con, con ngoan ngoãn như vầy má rất hài lòng". Má ôm lấy tôi, khuôm mặt Má rướn lên, hôn vào trán tôi. Phụt! Tôi giật bắn mình. Manh áo ngủ trước ngực tôi phanh ra, mấy hạt nút đứt tung.

Má Năm lùi lại trước ngôi mộ. Má bắt đầu cởi áo. Chiếc áo bà ba trắng phất rơi xuống mặt đất tối, rồi chiếc nịt vú thêu đen, quần dài, quần lót... Má nằm ngửa xuống, sõng soài trên mặt đá. Mồ hôi tôi tiếp tục chảy ra. Lần đầu tiên tôi chú ý đến bộ ngực còn tròn lẳn, và chiếc mông đầy của người đàn bà mới quá năm mươi. Ở dưới khuôn mặt gầy gò có hai vệt lõm tối, thân hình Má duỗi dài, chân dạng ra, tươi tốt ngon lành như một vùng

đất thịt còn trồng trọt được, bất ngờ nhìn thấy trên một sườn núi. "Cần, tới đây, tới đây con... Chỗ này do chính con lựa, vì ít rêu, mặt đá láng, bộ con không nhớ sao?" Tôi tiến tới. Trăng rơi nhễ nhại lên da thịt Má, nhiễu dài từng đường lóng lánh trên mỗi phần nhô, chỗ lõm. "Không, không" – tôi thốt lên. Má nhổm dậy nhìn tôi.

"Anh Cần!" Tôi quay lại. Thảo tiến tới từ trong bóng tối, khỏa thân, lồ lộ đẹp như pho tượng cẩm thạch chạm nổi biết di động dưới trăng. Nàng từ từ ghé xuống bên Má, môi hai người chạm nhau, lưỡi trao quấn quýt. Tôi tê dại trong một giấc mộng. Lẽ nào tôi thấy ảo giác? Tôi biết mình còn bịnh, nhưng đã có bao giờ đến nỗi thấy ảo giác? Thảo chậm rãi rời Má, đến đứng trước mặt tôi. Nàng đưa tay xoa đầu tôi, mơn trớn nhẹ nhàng rồi bất ngờ ghì mạnh. Tôi gập chân, ngã quỳ xuống. "Yêu Má, yêu Thảo đi anh!" Trên đầu mình, tôi nghe tiếng một hơi thở thoát đi, đê mê...

Tôi dừng lại, bỗng thấy lạnh ở gáy. Cái cảm giác nhột nhạt, ngứa ngáy không thể chịu đựng nổi. Tôi quay vụt đầu lại. Má Năm đã quỳ xuống sau lưng tôi, cặp mắt sáng lạnh nổi lên trên nền đen. Khuôn mặt đẹp kỳ bí.

– Má... Má biết tôi không phải là Cần... phải không? Tôi ấp úng.

Má cười dịu, cầm sợi dây chuyền vàng lên, choàng đeo quanh cổ tôi. Tôi ngồi yên cho Má làm. Chất kim loại chạm lạnh lên da trần, nằm lại ở đó.

– Phải. Con không phải là Cần. Con là Quang. Thằng Cần chết rồi. Bây giờ con là con của Má, anh của Thảo. Tất cả những gì của Má, của Thảo và của Cần cũng là của con.

Tôi xô mạnh. Pho tượng cẩm thạch ngã nhào xuống, nhưng hai bàn tay gầy gò có móng sơn đỏ vẫn bấu chặt lấy tôi. Tôi bóp cổ nó. Những chiếc móng lợi lả. Tôi vùng chạy.

*

Quang điên, nhưng thường rất khó chịu khi có ai nhắc nhở tới điều đó. Anh đã làm nhiều cố gắng để trở lại với đời sống bình thường, chịu khó làm việc, suy nghĩ, sinh hoạt như một người tỉnh. Điều đó không ngăn được anh đã là, và đang còn là một người điên. Mặc dù vậy, cái ngày anh gõ cửa xin thuê nhà tôi với hai tấm giấy giới thiệu – một của dưỡng trí viện, tấm kia của ông chủ Phát Lợi – Má tôi đã hết sức mừng rỡ.

Trước đó Má đã nghĩ tới chuyện lên bệnh viện xin nhận nuôi thêm một người co trai. Cần bước vào một giai đoạn khủng hoảng nặng nề, Má nghĩ rằng anh sống quá cô lập, thiếu bạn bè, thiếu giao tế. Phải có một người

đồng cảnh để gần gũi, chia xẻ thường xuyên với anh, và để lỡ về sau... Việc này không có gì khó. Chúng tôi biết văn phòng xã hội của bịnh viện thường gặp nan đề khi phải giải quyết trường hợp những bịnh nhân dài ngày, nay lành bịnh hay đã bớt bịnh – nhưng hoặc không có gia đình, hoặc bị thân nhân từ bỏ – không còn ai để bảo lãnh. Trong khi đó việc theo dõi, chăm sóc họ để dìu dắt họ dần dần trở về một đời sống bình thường, là cách chữa trị hiệu nghiệm nhất.

Điều kiện để người con trai đó về sống với chúng tôi: phải bịnh nhẹ, không nguy hiểm, hiền lành, ngoan ngoãn. Khù khờ ngớ ngẩn một chút càng tốt. Quang hầu như hội đủ mọi điều. Trừ ra anh có tật suy nghĩ quá nhiều. Cái đầu anh xoay vần vần không thôi. Những câu chuyện thường khi kỳ quặc, không đầu đuôi của anh làm tôi ngán ngẩm. Anh cũng bị ám ảnh quá đáng vì những ý tưởng phải tự lập, phải tỉnh táo, không được là một người điên... Tôi ngờ rằng bao nhiêu bịnh tình của anh trước kia chỉ là sự bột phát trầm trọng của chính các triệu chứng đó.

"Bõm!" Cái xác chìm lỉm, mặt sông đen tuyền lấp lại, không còn dấu vết. Chúng tôi đứng nhìn theo, hình như cùng ngẩn ngơ. Một khoảng trống to lớn vừa xuất hiện, đứng sừng sững trước mặt chúng tôi. Chúng tôi không còn biết phải làm gì nữa. Mọi sự đã xong. Một tấn kịch đã hạ màn.

Dù vậy, bao nhiêu lâu nay má con tôi đã sống hết sức hạnh phúc với nhau. Tình thương Má dành cho tôi như trời biển, tôi không biết lấy gì đền đáp. Tôi chỉ nguyện dâng cho Má tất cả cuộc đời tôi, trả ơn những gì đã thụ hưởng và bù đắp lại bao điều mất mát cho đời Má. Hơn hai mươi lăm năm trước Má tuyệt đường sinh sản sau khi cho tôi ra đời với nhiều đau đớn, khó khăn. Khi ba lấy vợ kế, sinh được rất nhiều con trai, Má bị ruồng rẫy, quyết định bỏ nhà chồng, dắt tôi về nương náu bên bìa cái thị xã xa lạ và sầm uất này. Từ đó Má một mình cực khổ buôn bán nuôi tôi ăn học. Tôi lớn lên trong sự bao che của Má, nếm biết được cái khoái lạc tột đỉnh của mối liên hệ vẹn toàn, thỏa mãn và mật thiết nhất trong tình mẫu tử.

Quan hệ giữa chúng tôi chỉ bắt đầu lợt lạt khi bản chất đàn bà tự nhiên trong tôi sống dậy, đồng thời với những ong bướm bắt đầu lượn quanh ve vãn. Chúng tôi căm thù, khinh bỉ đàn ông, nhưng tôi nhận ra rằng từ trong thâm tâm cả tôi lẫn Má vẫn còn khao khát, vẫn phải cần đến họ. Đàn ông, có những bắp thịt mà chúng tôi không có, có cái mùi khác với chúng tôi, có những thứ chúng tôi thiếu. Họ đem lại cho ngôi nhà chúng tôi một sinh động, một kích thích tố mới cực kỳ sung mãn. Cần đến, được lựa ra từ đám bịnh nhân tứ cố vô thân chờ xuất viện.

"Vậy là xong xuôi, hai thằng điên – cặp bài trùng – rủ nhau chết chung, cùng một kiểu, một chỗ, trước sau cách nhau một tuần lễ. Có thánh mới tìm ra!" Má nói, vuốt mồ hôi trán. Chính tôi cũng không ngờ Má còn khỏe vậy. Đêm chủ nhật đó, gần như tôi và Má phải áp giải Cần vào rừng. Ở nghĩa địa, lúc anh trở cơn la hú, gào thét điên loạn, Má nổi giận với cục gạch bể, đập vào đầu anh. Phút đó Má mạnh như đàn ông, ra tay nhanh gọn, bất ngờ. Cần chết ngay ở cái đập thứ hai.

Chúng tôi kéo được xác Quang ra tới bờ sông. Nước lớn, trăng nhuộm vàng mênh mông. Quang nằm sóng sượt, một mảng áo bị rách, phô ra những bắp thịt trắng trẻo săn chắc của người đàn ông trẻ đang tuổi sung sức. Tôi nhìn xuống cái xác, tự dưng hơi tiếc nuối. Quang không đẹp trai, cao lớn bằng Cần, nhưng gương mặt anh có cái vẻ thông minh và thành thật coi rất hay. Thân thể anh cũng tầm thước, dễ nhìn. Lúc anh bóp cổ định giết Má, một lần nữa nhanh như cắt, Má với tay chụp cục gạch sau lưng. Cánh tay Má phóng vun vút, khỏe, chắc, như con hổ cái lâm trận. Quang không chết nhanh như Cần. Anh ngã xuống, rên rỉ đau đớn, hai con mắt còn nhìn lên Má. Má phải đập thêm nhiều lần nữa, anh mới chết hẳn.

Má xốc cổ anh, lôi sền sệt tới tấm bia, dí trán anh vào một cạnh đá. Cạnh bia bên kia đã có vệt máu khô của Cần.

Bõm! Má vừa dang tay, ném luôn cục gạch xuống sông. Bây giờ thì không còn gì nữa, chỉ có một khoảng trống.

"Hứ! Cái đồ ăn nhờ ở đậu, đóng tiền nhà không đủ nấu cơm hai bữa, mà không biết thân. Má con mình làm chuyện công đức, nuôi nấng, cung ứng cho tụi nó hết thảy mọi thứ từ tinh thần tới vật chất không thiếu món gì, rốt cuộc chỉ có chuốc họa".

Nghĩ sao, Má lại nói:

"Kể cũng tội nghiệp... hai đứa nó sinh ra lộn kiếp. Sống không ra sống, chết không ra chết, hồn ở ngoài xác. Đáng lẽ chết từ trong bụng mẹ còn sướng hơn... Tao cũng nóng giận quá, không phải... Thôi Má con mình vậy là cũng phóng sanh cho tụi nó, công đức mình chồng chất mấy lâu nay chắc cũng chuộc lỗi với Trời".

Má thở dài. Chợt Má quay lại, nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi nhột nhạt từ đầu đến chân. Hai mắt Má nheo lại:

– Mày lấy chồng đi.

– Má điên rồi!

Tôi nói như la lên. Hình ảnh một cái xác thứ ba hiện lên trong trí tôi.

Hai người điên ở trong nhà chúng tôi cùng tự vận chết, nhà chức trách cũng còn chấp nhận được đi... Nhưng đó là cái giới hạn cuối cùng.

– Thằng Định ở xóm dưới, nhà nghèo, khôi ngô lực lưỡng. Nó đeo đuổi mày mấy lâu nay...

– Má!...

– Cái thằng trẻ người mà xấu tính! Má cười khúc khúc trong cổ họng. mặt mày tự nhiên thư thái – Mày không biết chớ, cái bữa tao kêu nó tới tráng miếng xi măng bể ngoài sân, hồi nó xong việc, tao đang thay cái áo trong buồng, không đóng cửa... Nó đứng núp sau cây cột, ngó tao chằm chằm, mắt nổi gân. Tao hắng giọng, kêu "Định!" Nó hết hồn thò ra, sụp xuống lạy tao như tế tao, nói Má tha tội con lỡ dại một lần...

Tôi nhắm mắt. Thân hình thằng đàn ông trần truồng cong rướn, dãy dãy, vâng phục ngoan ngoãn hoàn toàn dưới sự sai bảo điều khiển như ý của hai Má con bỗng hiện lên thành một dòng điện chạy suốt qua từng lỗ chân lông, làm nở lên mọi tế bào ngất ngây của thân thể. Tôi đang thèm thuồng. Phải, tôi quá thèm thuồng. Một tuần lễ nay Cần chết, tôi với Má chưa gần gũi. Tôi nhìn chiếc áo bà ba mặc vội, chưa kịp gài hết cúc rơi trễ trên vai Má. Tôi liếm môi, đưa tay bóp vú Má.

Má đẩy tay tôi ra, gài lại cúc áo, lắc đầu:

– Khoan, bây giờ tao phải về nhà. Chuyện trước mắt là tao phải tụng kinh, cầu nguyện cho vong hồn hai đứa nó siêu thoát.

Đón đọc:

LY THÂN

truyện dài Trần Mạnh Hảo

● Một tác phẩm đã làm náo động cả chế độ, đã bị tịch toàn bộ thu ngay sau khi phát hành chưa đầy một tuần lễ. Tác giả là một đảng viên, ông đã phơi bày tất cả những nham hiểm, dối trá của con người và của đảng Cộng sản đối với quần chúng nhân dân và đối với lẫn nhau.

● Một tác phẩm cho thấy mức độ phản kháng, cho thấy những người cầm bút được đảng uốn nắn và dậy dỗ đã can đảm nói lên những sự thật trần truồng của chế độ (dĩ nhiên đây mới chỉ ở mặt công khai).

● Một bản tự phê, một lời thú tội của một đảng viên với nhân dân.

Thời Văn xuất bản

CAO XUÂN HUY

LUẬT BÁO CHÍ 1990

Theo quyết định của Hội nghị lần thứ 20 của đảng Cộng sản Liên sô về chủ trương "xét lại", khẩu hiệu *Bách Hoa Tề Phóng, Bách Gia Tranh Minh* ra đời bên Trung quốc do Mao Trạch Đông phát động để xoa dịu lòng dân qua vụ án Hồ Phong, mà rồi cuối cùng chỉ có một loại hoa được nở là *Hoa Mác Xít*, thì ở miền Bắc Việt nam, một trò chơi dập khuôn là *Trăm Hoa Đua Nở* thành hình và theo như lời của Phan Khôi thì cũng chỉ có một loài hoa nở được là *Hoa Cúc Vạn Thọ.*

Những người cầm bút ở miền Bắc nhân cơ hội Trăm Hoa Đua Nở, họp thành một nhóm đòi hỏi một số những thay đổi về cách điều hành và đối xử của giới lãnh đạo văn nghệ đối với "quần chúng văn nghệ". Nhóm này ra một số những giai phẩm mà sau đó, người ta gọi chung là nhóm Nhân văn Giai phẩm.

Chỉ đòi hỏi một vài thay đổi của giới lãnh đạo về những sai sót của nhà cầm quyền được gọi chung là đảng, chỉ sai sót về đường lối lãnh đạo thôi chứ hoàn toàn không dám đụng đến chế độ hoặc chủ nghĩa Cộng sản, vậy mà nhóm Nhân văn Giai phẩm đã bị đàn áp tàn tệ, như cúp khẩu phần, đày đi cải tạo lao động, chỉ định cư trú...

Xét cho cùng thì nhóm Nhân văn Giai phẩm hầu hết đều là thành phần trí thức tiểu tư sản, những người được tham gia vào sinh hoạt với đảng như vậy đã là quá lắm rồi, một đám *con ghẻ* mà dám chống đối thì đảng và nhà nước làm sao mà tha được. Luật báo chí 1957 ra đời để bóp cổ Nhân văn Gia phẩm và những mầm mống chống đối khác.

Còn luật báo chí 1990 để bóp cổ Văn Nghệ, Lang Bian, Sông Hương, Ấp Bắc... khi đảng bị hớ một lần nữa với giới cầm bút vì *Glasnost* của Gorbachev.

Thời 1957 đảng đàn áp tương đối dễ dàng vì những Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán... đều là *"lũ trí thức tiểu tư sản"*, không phải là giai cấp nòng cốt của đảng như nông dân hay công nhân, há mồm cũng dễ mắc quai. Thời 1990, đảng không gặp được thuận lợi cũ. Đạo luật 1990 trước khi ra đời đã phải chuẩn bị thật kỹ lưỡng là thay thế những tổng biên tập của một loạt các tờ Văn Nghệ, Sàigòn Giải Phóng, Sông Hương, Ấp Bắc... để đảng nắm quyền kiểm soát. Người ta thấy những tờ báo kể trên sau khi bị thay tổng biên tập đã không còn đăng những bài được "cởi trói" như trước nữa. Nhưng, những tổng biên tập thay thế và những tổng biên tập bị thay thế tựu chung cũng vẫn là những đảng viên. Đảng có thể tin được những người thay thế trong bao nhiêu lâu? (Một kinh nghiệm là tờ Văn của đảng thời Nhân văn Giai phẩm cuối cùng cũng lại quay ra chống đảng). Kiểm soát được báo chí nhưng đâu có nghĩa là đảng bóp cổ được những người cầm bút, vì những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Phạm thị Hoài, Nguyễn Duy... đều là những người nòng cốt của chế độ, đều sống và lớn lên trong lòng đảng, được đảng nuôi nấng, giáo dục, những "công thần của chế độ" thì chính đảng mới mắc quai. Không được đăng trên báo thì in thành sách, không in được thành sách thì phổ biến... chui. Nền văn chương chui rất phổ biến ở trong nước hiện giờ. (Hoàn toàn chưa kể đến những sáng tác phẩm chui của những người cầm bút của miền Nam trước 1975). Không lẽ những người do đảng nhào nặn lên cũng là do CIA gài lại hay là nhân viên cũ của Phòng Nhì Pháp.

1990 không phải là 1957. Cục diện bây giờ cũng không phải là cục diện của những ngày xa xưa nữa. Nhiều người miền Bắc mãi đến sau năm 1975 mới biết thời 1956 có vụ án Nhân văn Giai phẩm, nhưng bây giờ, đảng có bưng bít đến đâu cũng chỉ một thời gian ngắn sau, mọi người đã biết, đã nghe và đã được đọc những bài báo, tác phẩm chống đối.

Bởi vậy,

Vào ngày 2 tháng Một năm 1990, ông Võ Chí công, chủ tịch nước Việt nam đã ký một đạo luật mới gồm ba mươi điều quy định quyền tự do báo chí.

Đạo luật mới này thay thế cho đạo luật năm 1957 đã ban hành dưới thời Hồ Chí Minh. Đạo luật báo chí 1957 được thành hình sau khi nhà cầm quyền thẳng tay đàn áp nhóm Nhân văn Giai phẩm. Không cần phải dông dài, ai cũng đã biết tính chất độc tài và đàn áp của đạo luật 1957 này.

Đảng Cộng sản Việt nam đã tuyên bố cởi mở vào năm 1986. Tổng bí thư đảng Nguyễn văn Linh đã tuyên bố: "Cởi trói cho văn nghệ".

Bốn năm sau, 1990, một đạo luật mới về quyền tự do báo chí được ban hành. Ai cũng nghĩ rằng đạo luật mới này sẽ đem đến tự do thực sự cho đệ tứ quyền trong tinh thần được cởi trói.

Nhưng mọi người đã lầm to. Chẳng những không thổi một luồng gió mới, tự do cho sinh hoạt báo chí, đạo luật mới lại còn biểu lộ tính chất độc tài và đàn áp hơn xa đạo luật cũ.

Hãy xem vai trò của báo chí do luật 1990 xác định:

"*Phải hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa về mặt tư tưởng*".

và hãy xem sự "*phát huy đúng đắn*" quyền "*tự do báo chí*":

"*Không được kích động nhân dân chống nhà nước*".

Luật báo chí mới còn quy định cấm chỉ các báo tư nhân, và tổng biên tập (chủ bút) của các báo phải được quốc hội biểu quyết chấp thuận.

Nếu cho rằng những kỳ quan trên thế giới còn chưa đủ, thì luật báo chí 1990 vừa ban hành tại Việt nam quả là một kỳ quan vừa được sáng tạo. Hay cũng có thể nói văn kiện mang tính chất luật pháp này là một quái thai của thời đại.

Tưởng cũng nên biết thêm, sau khi quốc hội kỳ 6 khóa 8 họp xong ngày 28 tháng Mười Hai năm 1989, nhà cầm quyền đã ra lệnh đóng cửa tất cả các nhật báo địa phương. Lý do đưa ra để giải thích sự "dọn dẹp" này là các báo địa phương chỉ chủ trọng tới nguồn tài chánh do việc bán báo đem lại, "*có chiều hướng xuyên tạc nhà nước xã hội chủ nghĩa*" để quyến rũ độc giả.

Tiếp theo màn "dọn dẹp" đó, đạo luật báo chí 1990 ra đời.

Nếu quan niệm rằng báo chí là tiếng nói của nhân dân, thì, qua luật báo chí 1990, nhà cầm quyền đang tiếp tục ra tay bóp nghẹt tiếng nói của nhân dân Việt nam.

Trong khi ấy, trào lưu mới của thế giới hiện nay, đặc biệt là tại các nước Cộng sản Âu châu, tiếng nói của nhân dân đã được thừa nhận như là tiếng nói chính thức của quốc gia.

Lạc hậu hay ngoan cố?

TRẦN THIỆN HIỆP

thèm gió

●

Nhìn lên cành lá đầy hoa nắng
Ta bỗng dưng thèm cánh gió bay
Để lá trở mình, hoa nắng rụng
Soi ta khờ dại vỗng đưa ngày

rừng trăng

●

Vũng nước đóng băng. Trăng chết lạnh
Vũng hồn, trăng lạnh cũng thành băng
Chợt đâu tiếng sói gào trăng muộn
Vang dội rừng sâu. Động cánh bằng

lời với núi

●

Núi kia đầu bạc, ta bạc đầu
Núi ta, ta núi ai nặng sầu?
Nghìn năm núi đứng nhìn dâu bể
Ta nửa trăm năm trong bể dâu

KHẾ IÊM

rừng sâu

●

Chàng nhăn mặt nhìn bầu trời một mùa thu mênh mông. Một nhánh cây uốn cong, trơ trụi, lơ thơ vài chiếc lá khô rời cành mãi không rơi. Trời không nắng, không mây, chỉ toàn một màu trắng mờ.

Chàng phác tay vẽ một cánh chim bay rồi thở dài, quay lại. Nàng ngồi thu mình trên chiếc ghế dựa, mắt đen trong, cầm một bông hoa mới nở.

Và chiều đang vơi dần.

Chàng nghe ngóng, chậm chạp tới bên nàng, vuốt nhẹ mái tóc chảy xuôi trên đôi má phớt màu hoa đào. Bóng tối đọng trên những hang hóc của núi đồi, đậm nhạt trên những dải rừng xanh đen. Ngày chập choạng vỡ tan ra trên những bãi bến mơ màng, những dòng sông, dòng sông, những biển khơi, biển khơi.

Nàng nói khẽ:

"Đã bắt đầu chưa? Cái câu chuyện rừng sâu!"

"Những nhân vật không hóa trang, không quần áo?"

"Phải, trần truồng".

"Giống như...".

"Như khi ta vẫn thường khỏa thân trong đêm tối".

"Hừ!"

Mây dồn lại thành mảng màu hơi xám. Mùi nước loãng của sương bay, những cánh đồng xa vời dợn sóng đang chập lại thành những đốm di động, nhỏ nhoi trên bãi cát vàng nhạt, rộng lớn hình vòng cung. Biển nhấp nhô, xẩm lại. Cảnh vật chập chờn khi mờ, khi rõ. Đám người trẻ trung, nhởn nhơ, không một mảnh vải che thân, hòa nhập với thiên nhiên mung lung. Người thiếu nữ ngồi trên phiến đá, tóc xõa tung, hai tay chống ngả ra phía

sau, để lộ bộ ngực no tròn, trắng phau, như một bức tượng sống in trên nền của màu trời. Không gian êm như một dòng suối rót. Và đôi chân khua mơn man, động gió, làm rung rinh cả một buổi chiều mộng.

Chàng khom người làm thành những đường gấy nét của hình thể dần dần biến dạng bởi một thứ ánh sáng không thực.

Rừng chuyển thành biển xanh và biển xanh như là bãi dâu.

Nàng cười nói:

"Nắng không phải là nắng thật".

"Ngày và đêm chẳng thể nào phân biệt được".

"Em tới đây lúc mặt trời mới mọc".

"Khi trời sập tối, anh vẫn còn loanh quanh ở dưới phố".

"Mặt trời mọc và mặt trời lặn. Thôi, ta bắt đầu chứ. Nhân vật là những ai nhỉ? Anh thay cái phông của mùa đông đi".

Nắng nhẹ, tan mất trong màu sáng mỏng. Khoảng đất xạm đen, phẳng lì trải ra vô tận, tiếp giáp với một dải xanh mù mù, làm như những mảng mây xám là mặt đất uốn cong lên. Chàng khoác tay nàng, cùng với những cặp tình nhân, trẩy thành một dòng người phía sau, không có dấu vết nào của nhà cửa, làng mạc, thành phố, chỉ còn rải rác theo dấu những bước chân, những miếng vải đủ màu bỏ rơi lấm tấm, làm thành con đường dài ngoằn ngoèo, lấp loáng những điểm sáng. Chàng nghiêng đầu nói chuyện lại:

"Chúng ta không cần cả những vệt nắng".

Những người đi sau lần lượt lập lại: "...Những vệt nắng". Và khi những âm thanh cuối cùng tản mạn trong thinh không, thì người thiếu nữ cũng muốn tung mình thành một cánh chim non. Chàng là một người khổng lồ của đất nước chan hòa nhạc hoa và muông thú.

Đoàn người bước chậm lại, từ từ xoay mình về bên phải, làm thành một đường gãy góc. Chàng thanh niên ở gần cuối, chụm tay vào miệng huýt thành chuỗi thanh âm lảnh lót, xoáy trong thinh không mù mịt. Một áng mây nặng nề rơi xuống, tan nhanh. Đoàn người khựng lại bất ngờ, quay mình về phía sau. Trong ánh mắt ngây dại thoáng thấy có bão tố và cuồng phong, có chiến trường lẫn cái êm ả của chuông thu không. Chàng thanh niên ngỡ ngàng, tưởng mới lộ ra từ một hầm tối, sa tới một miền trời đầy hoa. Mặt đất đột nhiên dợn lên thành sóng. Gió dạt bay những mái tóc, những vạt áo, lan man trên má, trên môi, trên da thịt. Ở rất xa, thấp thoáng có một vệt loang hắt lên ánh bạc. Đoàn người không còn cảm xúc, đổi sắc, nương theo những chuyển động tưởng là đều đặn nhưng thật ra bất động.

Mây thay đổi in những dạng đồi chập chùng, những dã thú, những hình tượng bất thường. Ánh sáng ở đúng lúc giao hòa giữa ngày và đêm, khoảnh khắc của một tíc tắc được kéo dài ra đến vô tận. Không khí êm đềm, hơi mơ hồ... Đoàn người lặng thinh, quay về hướng cũ, những động tác chậm rãi và cùng lúc.

"Ồ, một hồ nước".

"Có mây phủ".

"Không, rong xanh đấy".

"Rong xanh đâu".

Đoàn người đứng mãi theo bờ nước, ngó mung về phía con đường vòng mờ sáng. Mặt nước phẳng, im vắng. Chàng nói:

"Chúng ta đã lạc tới một nơi không có ở trần gian".

Câu nói lần lượt được lập lại:

"...Không có ở trần gian".

Những âm thanh chìm nổi, cùng lúc mặt hồ nhăn lại bởi một cơn gió nhẹ thổi là đà trên sóng nước. Đoàn người men tới một bờ cát xoãi, nước ánh lên đều đều từng nhịp một. Con đường dẫn tới, lấm tấm những đốm nhỏ, ở mút mắt, không thấy được đầu mối. Chàng đưa tay vẽ một cánh chim, một cánh chim, rồi lại một cánh chim bay về phía chân trời. Nàng khỏa một chân trên mặt nước làm thành những quầng sáng lan dần trên một góc hồ rộng.

"Nước mát quá".

Các cô gái đưa mắt nhìn nhau.

"Ta tắm chứ".

Họ đi tới mấy bước, ngần ngại một chút rồi lần tay cởi áo để rơi dưới chân. Cho đến khi những mảnh vải cuối cùng được gỡ ra thì những đường cong của vú, ngực bụng là những nét chạm khắc mông lung và kỳ diệu. Gió xôn xao trên những mái tóc, những bờ vai, tới những gót chân, làm rung động một khoảng trời, mây, nước. Chàng ngó phớt qua những thân thể phơi trần, trắng ngát những mộng như đang muốn mê hoặc đến cả vô cùng.

"Ta tắm đi".

Quần áo đủ màu được ném vãi thành những đống nhỏ. Mỗi chàng trai nắm tay một cô gái, quay một vũ điệu nhẹ và ngắn, đi dần xuống bờ nước. Nước ấm mát từ từ ngập đến cổ chân, tới mông, tới bụng, rồi bất chợt tất cả vươn mình ào xuống, đẩy nước thành dợn, đuổi bắt dồn dập về phía

trước. Những tiếng vỗ đập ầm ĩ, tung những bọt nước trắng xóa như chỉ là những âm thanh nhỏ nhoi chìm mất trong cái bao la, vắng lặng không cùng.

Mỗi chàng trai xoãi tay bơi, dìu một cô gái nằm gối đầu trên sóng bỏ dần ra xa bờ. Nước tha hồ đùa bỡn trên những khuôn mặt, những gò ngực căng tròn, những làn da trắng mướt, nhấp nhô theo những nhịp chân co duỗi nhẹ và đều. Mỗi người như muốn đem hết cả sinh lực cho tan vào khoảng không mênh mông. Đến lúc bờ cát chỉ còn là một nét đậm nhạt, và những mớ quần áo chỉ là những vết xám mờ, thì đoàn người mới cảm thấy hết cái bé bỏng giữa cảnh mây nước.

Đoàn người hoàn toàn khỏa thân, đi cách nhau, kéo dài ngoằn ngoèo như một dòng sữa trắng chảy lan từ từ trên nền da xạm nâu. Hồ nước nhỏ dần chỉ còn thấy loáng thoáng một mảng màu trắng mờ, không phân biệt được là mây hay nước. Đoàn người men theo những gò đất, những khe suối làm thành con đường nhỏ quanh co, khúc khuỷu, những chuyển động đôi khi bị che khuất nhưng đều đặn. Mặt đất nghiêng dốc bất thường dẫn tới khu rừng hoang xanh đen. Đoàn người thản nhiên nhập vào cái bình lặng của cảnh vật. Chàng nói lớn:

"Bây giờ đã là hoàng hôn".

"Không, hừng đông đấy".

"Cô không thấy rừng cây?"

"Rừng cây ư".

Tiếng nói cất lên, dội lại không ngớt, ngưng mãi trong không trung. Đoàn người bị giao động trong giây lát, rồi mỗi chàng trai làm một động tác ngắn và chậm, ôm lấy một cô gái, những thân thể sát nhau, chỉ phân biệt được bởi hai màu da hơi khác. Trong mỗi ánh mắt mở ra lờ mờ những đời sống không rõ rệt, thoảng qua và mất hút. Mặt đất muốn bay lên giữa cảnh hoang dã. Gió bỗng thốc tới, rì rào cùng lúc những tiếng gầm gừ, lóc chóc ở xa vọng lại bắt đầu cho một nhịp điệu vô tận của rừng xanh.

Đoàn người bước tới con đường mòn nhỏ gập gềnh đầy gai góc và lùm bụi chằng chịt. Nắng vàng dịu bắt đầu tấp xuống như mưa bụi. Bầu trời bất ngờ co rúm, hoen ố và nhàu nát. Rừng xẫm màu biến dạng thành một khối đá dựng đứng. Khung cảnh lệch lạc, không gian rút lại chỉ là một mặt phẳng được căng ra bởi những tảng màu mờ nhạt. Trong cái cõi mịt mùng đó. Đoàn người dần dần biến mất, không để lại một dấu tích, kể cả những chuyển động.

NGUYỄN KỲ ANH

như câu hát ru em

●

Anh em tôi thuộc nhóm người tỵ nạn đầu tiên đến xứ này định cư. Xứ lạnh vắng nhưng hiền hòa và trù phú. Chúng tôi đến vào giữa mùa hè, rời khỏi cái nóng hầm người của xứ Thái mà bước vào xứ mới dịu mát, đẹp đẽ. Tâm trạng chẳng khác nào Lưu Nguyễn nhập thiên thai, khắp chốn cây lá xanh mơn, hoa đua nở tưng bừng, trên rừng dưới biển người người nghỉ ngơi, thoải mái. Ngày kéo dài ra đến mười tám, hai mươi giờ, chỉ tối lờ mờ độ bốn, năm tiếng đồng hồ rồi trời lại sáng. Cảnh đẹp, người thanh. Trước cảnh yên bình, thịnh vượng của quê hương mới, một ông già trong nhóm tỵ nạn ca ngợi: "Đất này đây thanh lịch, đất có hữu tình...", không nói ra ai ai trong nhóm cũng đồng ý với ông già. Cái thuở ban đầu êm đẹp đó sau này giúp chúng tôi chịu đựng qua nhiều trở ngại của cuộc sống xa quê, tạm ngụ xứ người.

Rồi mỗi năm mỗi thêm những đợt người tỵ nạn được nhận vào xứ. Nhờ có làm việc cho sở tỵ nạn, tôi có dịp thấy rõ những cuộc sơ ngộ khác. Có những người đến vào mùa thu, gió lộng ào ào, lá vàng bay đầy trời, rồi mưa dầm cả tuần lễ, cả tháng. Suốt ngày ngồi trong nhà mà sầu nhớ. Những người đến trong mùa đông càng thê thảm hơn. Trời lúc nào cũng tối mờ mịt, đi đâu cũng phải mặc áo sùm sụp, đường sá băng đóng dày, đi té lên té xuống. Suốt ngày co ro run rẩy, phải vật lộn với thiên nhiên để sống còn. Thất nghiệp cả dám – khó tìm việc, mà có việc thì lạnh quá đi làm không đúng giờ được – nằm nhà hút thuốc lá, ca vọng cổ, nghe nhạc hay tụ họp nấu nướng, ăn nhậu với nhau, kể chuyện tiếu lâm, chuyện tục, bàn chuyện đời, đánh cờ tướng...

Khi tất cả phải sống cảnh bó rọ trong nhà suốt ngày, khu tạm cư thường đầy tiếng ồn ào. Lẫn trong cái cảnh hỗn độn đó tôi nghe được những câu

hát ru em. Cái cô bé nhút nhát tôi gặp hồi chiều thường được chị ru ngủ bằng những câu hát êm đềm:

Ầu ơ! Vạc kia bán đất cho cò
Ngày thì nhịn đói, tối mò ăn đêm...

Câu hát làm tôi thấy vui vui. Mấy tiếng cò, vạc, nhịn đói sao mà gợi nhớ quá. Nhất là mấy tiếng "tối mò ăn đêm" như có ý cười cợt, hăm he. Giữa chốn phố phường chật hẹp, ồn ào xe cộ, lại thêm trời đông lạnh lẽo, thật khó mà thả hồn theo câu hát để nghe được gió lùa qua cây lá, tiếng võng kẽo kẹt đưa, thấy được nắng xế dọi bên hiên soi bóng giàn đậu, giàn mướp xuống mặt sân lổ chổ bóng nắng, thấy được bướm vàng ngoài dậu, nghe cu gáy từ đồng xa... Nhưng câu hát cũng gợi lại cho tôi những câu hát cũ thường được nghe ở quê nhà, hồi nhỏ:

Phải rồi,

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

để phải cầu cứu

Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

chưa hết

Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con!

Tiếng ca nghe nhè nhẹ êm êm, nhưng càng thấm vào hồn, càng làm rắm rối, làm người nghe ngẩn ngơ.

Tôi lại nhớ đến ông ngoại. Nhớ những lần ông hát ru các em con nhà cậu:

Cái cò, cái vạc, cái nông
Sao mày dẫm lúa nhà ông hỡi cò?...
...Con cò mày đậu ngọn tre,
Chú xã bắn súng nên què một chân...

Tôi thấy lại những cái thắc mắc của thời thơ ấu. Sao con cò lại có thể lộn cổ xuống ao được? Cặp cánh nó để đâu? Sao cò con lại đau lòng, vì người thân mình bị xáo nước đục?... Năm tháng trôi qua, rồi thêm không gian xa cách, những người thân quen ly tán, ông ngoại giờ đã mất, các đứa con nhà cậu đã lớn, ra đời tự lập, mà trong tôi vẫn còn đọng lại con cò với cây tre, cây tre với con cò.

Xứ tôi còn có nhiều dừa, những rừng dừa xanh ngút mắt, dừa soi bóng người, che mát sân hè, tăng tình tứ cho những con đường đêm trăng. Còn có nhiều khúc sông, vịnh biển đẹp, nhiều vùng ruộng mía xanh mát, phì

nhiêu, còn có ruộng đậu phọng, ruộng dưa, ruộng lúa, còn vườn thơm, rẫy chuối, rẫy xoài, sao tôi không thấy bị lôi cuốn, bị rúng động như khi nghe con cò, bụi tre? Thì ra còn tại vì người. Tôi lớn lên giữa những người thân yêu, khắc sâu những hình ảnh sống của họ vào hồn. Những chuyện họ làm dính dáng đến con cò, bụi tre không ít.

Cứ đến mùa nước lụt, mà ở miền Trung lụt nhiều lắm, tôi được nghỉ học, được ngồi sõng câu theo cha tôi đến mấy bụi tre thăm bẫy chim quốc. Mỗi lần thấy có chim sụp bẫy mà được thả ra, không bị nhốt đem về nhà vặt lông tôi biết đó là con cò. "Thịt cò khét, ăn không ngon, còn con quốc thịt ngon hơn mà lại hay kêu buồn bã làm người ta khó ngủ nên phải ăn thịt". Cha tôi có lần nói vậy.

Còn nữa, còn chuyện cậu Chín tôi khoe tài bắn súng, kêu mấy anh em tụ lại xem, rồi chỉ vào con cò đậu trên đọt tre làm mục tiêu bắn. Ý hắn cậu nghĩ nó đậu không xa mà thân trắng nổi bật lên trên đám lá tre xanh thì làm gì một phát đạn mà chẳng rơi. Thế mà bắn đã ba phát con cò chẳng buồn rục rịch. Mãi đến khi đám đông cười nói ầm ỹ quá nó mới giật mình bay đi. Rồi một lần đi ăn đám giỗ nghe tranh luận về "văn cò phú hộ trâu". Ban đầu còn tranh luận có tuần tự, một người nói mấy người ngồi im nghe. Phe phú hộ nói trâu không ăn không ngồi rồi, biết làm việc ích cho mình và cho người, sống có nơi có chỗ, không phải cù bơ cù bất sáng bờ ao, tối bụi sậy. Lời qua tiếng lại riết rồi có người đỏ mặt tía tai, có người dằn ly, khịt mũi đến độ ông trưởng tộc phải dàn hòa. Tôi còn nhớ một câu "Ối! phải coi cho rõ lại. Có con cò nào đậu lưng trâu cày để chực ăn... cào cào, trùn bọ? Tui thấy mười con hết chín là sáo, là quạ, chèo bẻo. Mà xứ mình toàn dùng bò, mấy ai có trâu!!... Thôi ta bàn chuyện khác đi!"

Chuyện có dính líu đến cò còn nhiều lắm, nhưng thôi, tôi muốn dành chỗ để kể một chuyện tình, chuyện gần đây hơn, một đoạn đời của người bạn, Trường.

Trường và tôi chơi thân với nhau nên hiểu nhau khá nhiều. Nếu đem góp những mẩu chuyện nhỏ được biết qua nhiều lần khác nhau lại, tôi có thể sắp xếp cho câu chuyện kể một thứ lớp, để tiện theo dõi.

Trường và tôi quen nhau từ những ngày mới được tàu vớt, chờ đi định cư. Hắn đi vượt biên một mình lúc đang trọ học ở Sàigòn. Gia đình hắn gồm cha mẹ và mấy anh chị em sống ở tỉnh. Chiến cuộc làm cho gia đình không còn khá giả, nhưng hắn cần học lên để được hoãn dịch, để may ra đến phiên mình vào lính thì đất nước đã thanh bình. Hắn không sợ chiến đấu vì đã có nhiều người trong dòng họ đã và đang chiến đấu, cho cả hai

bên Nam Bắc, nhưng hắn muốn làm vui lòng cha mẹ. Đi học xa nhà, lại phải tự túc lấy mọi thứ nên hắn không có những kỷ niệm đẹp đẽ, êm đềm như mấy người con nhà khá giả khác. Hắn phải ăn nhờ, ở đậu, học nhờ sách bạn bè, không có thời giờ đến trường sớm dành chỗ ngồi nên phải đứng ngoài hành lang, bài giảng chỗ nghe được chỗ không, lại còn phải dạy kèm hai ba nơi, có khi túng phải liều đi thi mướn cho mấy đứa con nhà giàu mà học dốt. Hắn vượt lên là để muốn yên thân học hành cho thỏa chí. Mỗi lần nhận thư nhà có chuyện vui buồn gì hắn cũng kể tôi nghe, nhất là về chuyện học hành của các em. Sang xứ người hắn vừa học vừa đi làm thêm. Nhưng được vài năm thì hắn bỏ ngang quay ra đi làm luôn. Bẵng đi một dạo chúng tôi lại gặp nhau. Lần ấy Trường tìm đến thăm tôi có dẫn theo một cô bạn gái. Hai người làm việc chung nhau, sáng gặp, chiều gặp nên cảm thông nhau chẳng có gì là lạ. Nhưng vì cô bạn gái là người bản xứ có văn hóa, tập tục, tín ngưỡng khác hẳn nên cả hai gặp phảikhá nhiều trở ngại, chống đối. Rốt cuộc rồi họ vẫn làm được đám cưới. Hai năm sau sinh được một cháu gái. Hai năm sau nữa tôi hay tin họ ly dị. Bạn bè quen biết ai ai cũng ngạc nhiên vì vẫn tưởng họ sống hạnh phúc bên nhau lâu dài. Tôi tìm hỏi thì hắn chỉ nói "đoạn trường ai có qua cầu mới hay" ... "cứ cho là cả hai bên đều có lỗi hết đi, năm mươi, năm mươi cho đồng...". Nhà cửa, đồ đạc hắn để cho vợ giữ, đứa con thì ở với mẹ để cho nó còn có ngoại, có cậu. Mỗi cuối tuần hắn chở con về chỗ trọ một lần, nuôi nấng chơi đùa với con. Ban đầu hắn còn chở con đi thăm bạn bè, người quen, còn tập con nói tiếng Việt, còn ca hát tiếng Việt cho con nghe, riết dần về sau chỉ có hai cha con vui chơi riêng với nhau mà thôi. Từ dạo đứa con biết thắc mắc "chớ má đâu biết tiếng Việt cũng nói chuyện được với ba... ba sang được xứ này thì ông bà nội, mấy cô mấy chú sao lại không sang được? ... con một mình đâu dám đi qua Việt nam". Con gái hắn còn mời rủ hắn về nhà ở chung cho tiện việc chơi đùa "Nhà má rộng, con có phòng riêng, ba là khách của con, sẽ chỉ ở chung với con thì làm sao má có thể từ chối được?... chỉ phải một điều là không có chỗ đậu xe trong ga ra thôi" ... Hắn thôi không ép con học tiếng Việt nữa. Bù lại hắn kể rất nhiều chuyện cổ tích Việt cho con nghe. Trường còn đem những trò chơi hồi nhỏ ra bày cho con chơi, và chơi đùa với con một cách nhiệt tình. Con hắn cũng dạy lại ba chơi mấy trò chơi học được ở vườn trẻ, đấm lưng cho ba ngủ trưa, chải tóc cho ba, tập ba thói quen đi dạo rừng.

Có lần đến thăm hắn, tôi thấy hai cha con đang chơi trò câu sấu. Con gái làm thợ câu ngồi trên, trùm mền lại chỉ ló đầu và tay ra thôi. Trong tay cầm một sợi dây dài, đầu dây có buộc xâu chìa khóa. Ông sấu bò dài

dưới nền nhà, đập nước tưởng tượng nghe ùm ùm, vừa ca hát vui vẻ vừa đớp mồi câu. Khi sấu mắc câu phải nhảy lên đùng đùng, nhưng không được sẩy đi mà phải theo dây câu bò lên thuyền và không được làm thợ câu sợ. Rồi sấu bị trói lại để chờ đem vô sở thú cho con nít xem. Rồi thợ câu ngủ quên, sấu thoát được lại vui ca dưới nước chờ ăn câu nữa. Tôi thấy ông sấu đóng hay quá, nhộn quá, đến độ thợ câu năn nỉ xin được làm sấu vài phen.

Một lần khác lúc trời ấm hơn, tôi gặp Trường ngồi ở chân tam cấp vào nhà. Hai cha con đang chơi trò "mấy con dê đi qua cầu đá". Con gái hắn làm dê nhỏ đi qua cầu. Hắn làm ông chằng nằm ngủ dưới cầu. Lần đầu dê nhỏ qua cầu ông chằng hỏi giọng ồm ồm:

– Đứa nào đi trên cầu của ta đó, hả hả?

– Dạ dạ, thưa ông chằng là dê nhỏ đi ăn cỏ cho mập ạ.

– Vậy ta phải bắt để ăn thịt.

– Đừng đừng, lạy ông, đừng bắt tui, tui còn ốm lắm, hãy chờ bắt mấy dê lớn đi sau tui kìa.

– Ừ thôi, đi đi.

Lần thứ hai đến phiên dê khác hơi bự hơn, nhưng đối đáp cũng tương tự như lần thứ nhất.

Đến lần thứ ba là con dê đầu đàn qua cầu, không đi nhẹ nhàng như hai dê trước. Ông chằng quen miệng cũ hỏi đòi ăn thịt thì dê đầu đàn thách thức:

– Ừ! Ta là dê mập nhất đây! Hãy lên bắt mà ăn!

Ông chằng nhào lên cầu đánh nhau với dê bự rồi bị húc lọt xuống cầu chết ngỏm.

Rồi mấy con dê đi trên cầu, vừa đi vừa múa hát. Rồi trò chơi lại bắt đầu với dê nhỏ qua cầu. Có khi thấy ông chằng té chết tội nghiệp quá, chết sao mà lâu quá, dê con mới động lòng đến lôi dậy và thưởng cho một cái hôn. Có khi ông chằng sinh đãng trí ngủ quên dưới chân cầu, dê con đi qua đi lại mấy lượt mà chẳng thấy lên tiếng làm dê con lại phải thúc nhắc.

À, Trường còn nhảy dây rất khá nữa. Hắn nhảy xuôi, nhảy ngược, khi thì co chân lên, khi thì ngồi xổm xuống, chỉ vướng dây thua con gái khi số đếm gần bằng con thôi!

Vào mùa hè nắng ấm, nhiều rảnh rỗi, Trường thường chở con lên rừng dạo cảnh, hái hoa, hái dâu rừng ăn. Cha con thơ thẩn cả ngày đến chiều tối mới về. Rừng tùng không có gai góc rất đẹp. Trường kể tôi nghe có khi đi bộ trong rừng xa hằng năm bảy cây số. Cứ cõng con trên lưng, trên

vai mà đi. Vừa đi vừa ca hát, trò chuyện với nhau. Hắn chụp rất nhiều hình của con và dạy con chụp hình cây cỏ trong rừng. Hình chụp được đem dán vào mấy tập album chung với những bức vẽ, bức viết của con. Kế bên hình thường có chú thêm những câu thơ, câu hát, những mẩu đối thoại của hai cha con. Có bài thơ tôi thấy thích nên chép lại và thử dịch ra tiếng Việt. Trường bảo là chắp nối lại từ những lời, ý của con nhân lần hái tặng ba một bó hoa rừng.

Con tặng ba
Bó hoa đồng nội
Chút hương màu của xứ mẹ
Hoa tím cho những ngày đẹp êm đềm đã qua
Hoa vàng cho những ngày sắp tới.
Những bông hoa này mọc ven suối
Trong đám cỏ tranh
Giữa những vùng dâu rừng
Và dưới bóng tùng xanh mát
Mấy con ong bay đến đều khen hoa đẹp
Cũng như ba và con
thường dừng ngắm chúng mỗi khi mình dạo rừng
Mà ba ơi
Trong rừng tùng cao xanh rợp mát
Có hoa nào lại chẳng đẹp hở ba?
Con cắm hoa nơi bờ suối
Cho hoa không khát
Ừ, mà má cũng thích hoa này lắm
Ở nhà má có chiếc bình không hoa...
Rồi chiều tàn, rồi đêm xuống
Bó hoa nằm lại một mình
Nơi bờ suối nghe nước hát
Nghe những cơn gió nhẹ lan đến rừng tùng trò chuyện
Rằng dưới thung lũng xa đầy bụi khói
Có cô bé xinh trở mình giữa giấc ngủ êm đềm
Trong túi ngủ
Ở nhà ba ngồ ngộ
Hé miệng cười rồi siết chặt con gấu bông vào lòng
"Papa của con
Papa... con gái cưng!"

*

Trên trời
Một vì sao lẻ
Nháy gọi bóng mình trong lòng suối

"Con gái cưng" là nhóm tiếng Việt cô bé còn nhớ được. Cứ lầm nó có nghĩa là "cưng". Trường thấy ngồ ngộ nên không chịu sửa cho con...

Trường giờ đã lại lấy vợ. Hắn dời đến thành phố khác sinh sống và cắt đứt mọi liên lạc với con gái. Hồi chiều gặp lại nhau, chúng tôi nói chuyện riêng khá lâu. Hắn thở dài "con gái chắc vẫn mạnh khỏe, giờ lớn rồi, đi học rồi... Nó có thế giới riêng của nó, mình đừng làm xáo trộn... với lại mình không còn sống độc thân...".

Anh đi ghe anh đội nón be
Anh "dìa" làm rể anh phải che cây dù!
... Lẽ sống do mình đặt ra mà!...

Tôi giờ này bớt thắc mắc vụ "sao cò đậu cành mềm lại lộn cổ xuống ao". Phải nhận thấy có khi cò có hai cánh mà không dùng được. Đã đi ăn đêm mà còn đậu cành mềm nữa thì rõ là họa vô đơn chí, là tương lai mờ mịt... Còn cái vụ "xáo nước đục, xáo nước trong" cái đó thuộc tâm sự của cò con. Tôi chưa tiện tìm gặp cháu bé.

*

Trong đầu óc tôi luôn lởn vởn câu hát cũ:

Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm...

Những hình bóng thân quen thoáng qua trong trí. Đêm lạnh làm tôi rùng mình.

Lậy trời cứu giúp mấy con cò phải đi ăn đêm.

Garden Grove 89

Tìm đọc:

NGÔI NHÀ SAU LƯNG VĂN MIẾU

tập truyện Trần Vũ

Thời Văn xuất bản

PHẠM VIỆT CƯỜNG

phép lạ

●

thế mà ta xa nhau đã mười năm nay
đã mười năm không còn được hôn bàn tay em nữa
tôi sống sót với điều đáng sợ đó
ngày ngày tháng tháng. Mười năm dài.
đâu có dễ dàng gì. Ngần ấy buổi chiều
ngần ấy bình minh. Ngần ấy đêm. Ray rứt.
sức nặng của mùi hương em. Nỗi dịu dàng. Sự vắng mặt.
tôi với cuộc đời cách biệt biết bao nhiêu
có lẽ không bao giờ tôi hiểu tại sao
em lặng lẽ hiện ra. Em âm thầm biến mất
khi chúng ta nhìn thấy nhau lần thứ nhất
tôi đâu ngờ đó là một sự khởi đầu
nên đã không bao giờ chuẩn bị cho lần cuối
cho thảm kịch mãi mãi xa lạ này: mất nhau.
nước mắt em vẫn từ đôi môi tôi, tuôn chảy
mỗi đêm dài, nghìn câu hỏi ngu ngơ
chỉ một nỗi đau này là nỗi đau xưa
một cách bệnh hoạn, tôi hôn vết thương mình mê mải.
em truy nã tôi nơi trú ẩn sau cùng: giấc mộng
không cách gì trốn chạy. Không thể nào chống đỡ
và một ngày không còn nghe tiếng em cười nữa
chỉ có đôi mắt buồn từ cuối những đêm mơ
ngó theo tôi lủi thủi một mình. Trượt ngã.
tôi sống làm sao đây sớm nắng với chiều mưa.
giữa mong manh đêm tôi khép kín đời mình
ngọn lửa thanh xuân lụi tàn mười năm trước
mới đó mà tóc tôi đã ít nhiều sợi bạc
không biết có nếp nhăn nào ở đuôi mắt em chưa
trót cầm cố tuổi trẻ cho em ngày đó
nên suốt mười năm tôi lãng dãng già nua
tôi chẳng còn giấc mộng nào to tát nữa

hết lưu linh lại tới lưu vong
xa em rồi đâu có gì kềm giữ
tự-do-tôi đắm rượu mười năm
nghĩ cũng lạ, sao chỉ một cơn gió thoảng
mà đổ vỡ đời như địa chấn kinh hoàng.
đã mười năm trọng thương. Mười năm hấp hối
tôi lập lại với mình khi ngó chiều rơi
ngày xưa tôi tin phép lạ xui mình hạnh ngộ
và sự cách xa chỉ có nghĩa là cái chết
và hôm nay tôi nhận ra trong nỗi ngậm ngùi:
tôi được ban phát thêm một điều kỳ diệu khác
là dù không-có-em tôi vẫn còn sống thở
sao có nhiều phép lạ đến thế trên đời?
những phép lạ buồn rầu và đáng ghét, em ơi...

LUÂN HOÁN

sáu tám vu vơ

●

Chèo xuồng đi hái trái bần
gặp em trố mắt tần ngần ngó ta
nắng vàng rớt áo bà ba
cho nên sông nước nở hoa giữa dòng
Băng vườn tìm hái rau răm
gặp con rắn lục khoan đòng gốc sung
em ngồi sững giữa nhớ nhung
run như thuở mới ngại ngùng biết nhau
Với tay níu nhánh sầu đâu
treo con chất quạch giữa màu nắng trong
say sưa chim hót trong lồng
y như ta trổ giọng trầm trong em

CHÂN PHƯƠNG

bài thơ tân gia

●

ngôi nhà mới
sẽ đẩy tâm hồn và hình hài anh
đi xa thêm vài mâu thuẫn
ôm cái phòng tắm thơm tho trong tay
anh sẽ trợt dài trên cục xà bông
rồi kết thúc điệu vũ thiên nga
bên mép tờ chi phiếu sau cùng
dù sao hệ thống điện thoại
cũng sẽ bủa rộng chung quanh
mạng lưới an toàn
với tiếng chuông reo từng hồi
nhắc anh giữ vững niềm tin
nếu thỉnh thoảng vấp phải
vài quan điểm kinh tế
hoặc triết học chưa đồng nhất
sẽ còn không ít bất ngờ
nhưng anh có thể an tâm
vốn liếng ngoại ngữ cùng bằng cấp các thứ
sẽ giúp anh điều chỉnh vận tốc
những khi anh bị đe dọa mất thăng bằng
tốt nhất là phải luôn luôn
mở to cặp mắt và thường xuyên
vận dụng bài học nhập môn khí công
cuối cùng
để cho anh đỡ cô đơn
vào các giờ phút buồn cười và căng thẳng ấy
người đẹp vô hình lúc nào cũng hiện diện
đằng sau tấm màn ni lông
ngâm mình trong bồn nước nóng
để bí mật tư duy
về đường kính cặp ngực
với lớp bì
quanh bụng và mông.

TRẦN VĂN TÍCH

một số vấn đề văn học trong việt sử khảo luận

Bài viết nầy sẽ không là một bài khen áo phò mã. Và sở dĩ như vậy không phải vì bộ sách do Luật sư Hoàng Cơ Thụy trước tác đã nhận được nhiều lời ngợi khen nồng nhiệt rồi, theo như phần trích thơ độc giả ở cuối các tập. Thực ra thì còn có thể biểu lộ lòng ngưỡng mộ của một người đọc đối với một người viết trên nhiều khía cạnh khác. Nhưng như thế không lợi cho độc giả. Cho nên người viết, một kẻ hậu sinh hậu học, xin kính cẩn tuân lời chỉ dạy (khá quen thuộc) ở trang 17 của Hoàng tiên sinh: *"mong độc giả (...) vui lòng bổ túc hoặc cải chính"*. Chúng tôi sẽ tập trung vào việc cải chính và trong việc cải chính, sẽ chú trọng các vấn đề văn học. Trên nguyên tắc, bài viết sẽ cố gắng trình bầy các nhận xét theo thứ tự số trang trong bộ *Việt Sử Khảo Luận* (sau đây sẽ viết tắt VSKL).

*

VSKL, theo dự kiến, sẽ gồm mười tập, nhưng chỉ mới ấn hành năm tập, từ thời thượng cổ đến hết nhà Nguyễn.

Tập 1

* **Các trang đầu tiên,** không đánh số, ghi trống đồng Ngọc Lũ. Theo các tài liệu chúng tôi hiện có thì là trống đồng Ngọc Lũ.

* **tr.32,** sách tham khảo số 27: *LĨNH NAM DẬT SỬ (Nguyên thủy chữ Mường (của Ma Văn Cao); Trần Nhật Duật dịch ra chữ nho 1279 (...)". Chúng tôi xin được phép trình Hoàng tiền bối là tư liệu do tiền bối đan cử rất có thể là một tư liệu giả mạo. Trong thư viện trường Viễn Đông Bác Cổ cũ, sách nầy mang ký hiệu A.856. Truyện gồm 28 hồi viết về cuộc chu du của*

một hiệp sĩ và đã được Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch đăng trên Nam Phong tạp chí từ năm 1921. Nhưng thực ra đây chính là quyển *Hội Đồ Lĩnh Nam Dật Sử* của một tác giả Trung hoa có biệt hiệu là Tây Viên lão nhân, với bài tựa đề năm 1794 (nghĩa là 464 năm sau khi Trần Nhật Duật chết). Một người nào đó đã táo bạo thay đổi chút ít nội dung cùng bài tựa để bán sách cổ cho đắt. Sự kiện mạo hóa nầy không phải là họa hoằn trong lịch sử văn học nước nhà, nhưng nó đặc biệt trầm trọng vào thời Pháp thuộc, khi trường Viễn Đông Bác Cổ thời bấy giờ chủ trương thu mua sách cổ trong dân chúng. Một số các nhà nghiên cứu của cơ sở khảo cổ nầy đã lên tiếng báo động khi họ phát hiện những sự giả mạo mà chúng ta sẽ thấy là chẳng phải chỉ liên quan đến một mình bộ tiểu thuyết lịch sử được gán cho Ma Văn Cao; và chỉ riêng đối với những tài liệu văn học được VSKL trích dẫn, chúng ta cũng sẽ còn gặp một vài món hàng giả khác.

* **tr.32,** *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ được *"viết chữ nho hồi 1500"*. Không rõ căn cứ vào đâu mà tác giả VSKL xác định niên đại nầy, vì căn bản gốc tác phẩm của Nguyễn Dữ hiện không còn, chỉ còn các bản *Truyền Kỳ Mạn Lục* in mộc bản ở thế kỷ thứ XVIII.

* **tr.58.** Tác giả dịch *Homo* là *ngợm*. Chúng tôi thấy có phần không ổn. Loài người hiện đại – nghĩa là kể cả (điều nầy thừa, nhưng cũng xin cứ nói cho rõ) tác giả VSKL, độc giả *Văn Học*, kẻ viết bài nầy – được khoa học phân loại thuộc loài *Homo sapiens*. Chữ La tinh *Homo* được tất cả các tự điển ngoại văn dịch là người. Nay nếu dịch *Homo* là *ngợm*, chả hóa ra biến tờ *Văn Học* thành báo dành cho ngợm đọc hay sao? Cụ Tam nguyên Yên Đổ mà biết được chuyện nầy chắc sẽ phiền lòng:

Homo dịch ngợm lão nầy không ưa!

Đương nhiên đây không phải chỉ là chuyện duy danh định nghĩa có tính chất hình thức. Việc đề ra một thuật ngữ làm ranh giới để qui tụ trong đó tất cả những đối tượng cùng loại, bao giờ cũng là một tiền đề căn bản không thể thiếu được trong việc phân loại khoa học. Không để ý đến khía cạnh nầy nên Luật sư họ Hoàng đã gây lúng túng cho chính tác giả VSKL: nơi tr.55 ông chú thích Ngợm đúng là *Homo Erectus* (tiếng La tinh, *erectus* không nên viết hoa) nhưng lại chú thích Người là *Homme* (tiếng Pháp, không phải danh xưng khoa học). Sở dĩ có tình trạng tiền hậu bất nhất nầy là vì người cũng là *Homo, homo sapiens*. Tại tr.77, nơi phần chót của đoạn 1, cũng xẩy ra tình huống tương tự.

* **tr.65,** *"ông nghè Lê Quí Đôn"*. Lê Quí Đôn nhiều lần được VSKL gọi là *ông nghè* (ví dụ các tr.520, 583, 622). Nhưng *ông nghè* là tiếng nôm na

gọi chung các người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, tức là tam giáp tiến sĩ. Nhà danh sĩ đất Duyên hà đỗ cao hơn: ông đỗ bảng nhãn, tức đệ nhất giáp đệ nhị danh, nghĩa là "xém" trạng nguyên. Và nếu muốn gọi cho gọn thì có lẽ nên gọi ông là *ông bảng*. Tương tự như vậy, Vũ Quỳnh cũng không phải chỉ là *ông nghè*, vì đồng tác giả *Lĩnh Nam Chích Quái* đỗ hoàng giáp, tức nhị giáp tiến sĩ (tr.682).

* **tr.77 và các tr.78, 81, 82.** Tác giả VSKL nhiều lần hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp gán cho các "đỉnh cao trí tuệ" Bắc Việt là theo thuyết ngẫu sinh. Chúng tôi hoàn toàn không thấy có lý do gì để phải biện hộ cho các sử gia, các nhà khảo cổ miền Bắc, nhưng để cho công bình, phải nhận là nhận xét nầy của VSKL có gây hàm oan cho họ. Hoàng tiền bối, trong khi trình bầy sử Việt nam, đã đi từ thuở trời đất khai tịch, từ những sinh vật đơn bào nguyên thủy. Đó là quyền của Ông. Nhưng người viết sử cũng có thể chỉ viết về sử của một dân tộc từ một thời điểm trễ hơn nhiều, ví dụ từ lúc người vượn dần dà chuyển biến thành người. Đó là điều các nhà khảo cổ học, các nhà nghiên cứu Bắc Việt đã làm. Nhưng nếu do vậy mà suy diễn hay kết luận rằng họ theo thuyết ngẫu sinh thì thật là oan Thị Kính. Luật sư Hoàng Cơ Thụy rời nước trước ngày 30.04.75, cho nên có thể Ông không rõ rằng sách giáo khoa của Việt cộng ngay từ bậc trung học đã nhắc đến Oparin tới thuyết bát cháo nguyên thủy, với khái niệm coaxecva của ông nầy trong giải thích nguồn gốc sự sống và nguồn gốc các sinh vật. Cho nên những nhà khảo cổ, những nhà tiền sử học của họ chẳng thể nào theo thuyết ngẫu sinh.

* **tr.84.** VSKL trình bầy khá dài dòng về giống *"Mông Cổ Nam"*, nhưng đáng tiếc là tác phẩm chỉ nhắc đến *"con Ngợm Đứng vùng Choukoutien"*, mà có vẻ không biết đến những khám phá khảo cổ điền dã với những dữ kiện thuộc nhiều lĩnh vực: nhân loại học, cổ sinh vật học, địa tầng học, cổ địa lý học... của những thập niên gần đây, với sự cộng tác của một số nhà khoa học quốc tế, đưa đến sự phát hiện người vượn Lam điền Trung quốc *(Sinanthropus lantianensis Woo)* ở Thiểm tây, và nhất là người khổng lồ *Gigantanthropus* ở vùng Liêu thành tỉnh Quảng tây, bên cạnh người vượn Bắc kinh *Sinanthropus pekinensis* do Dương Chung Kiện phát giác tại Chu khẩu điếm (VSKL ghi là *Choukoutien*) từ những năm thuộc thập kỷ 20.

* **tr.98.** Hùng vương chia nước làm mười lăm bộ. Luật sư Hoàng Cơ Thụy lần lượt kể các bộ theo bản dịch *Lĩnh Nam Chích Quái* của Lê Hữu Mục, nhưng *"tổng cộng chỉ có 14 bộ, phải chăng còn bộ Văn Lang ở Phong Châu?"*. Bộ bị thiếu tên không phải bộ Văn Lang mà là bộ Chân Định.

* **tr.108.** Trong câu đối của bà Đoàn Thị Điểm *Đình tiền thiếu nữ kiến*

tân lang, không những chỉ chữ *tân lang* có nhiều nghĩa (trầu cau, chàng rể mới, hai anh em họ Cao) mà chữ *thiếu nữ* cũng có ít nhất một nghĩa khác ngoài nghĩa người con gái, đó là làn gió. Và câu đối cũng có một dị bản là:

Đình tiền thiếu nữ khuyến tân lang

do đó càng thập phần *đối đối nan.*

*** tr.108.** Truyện *Trầu cau*. Ba lần tác giả VSKL nêu câu hỏi *sao biết:*

1) sao biết em là cây cau (khi người anh đi tìm em và gặp cây cau bên dòng suối);

2) sao biết chồng là tảng đá (khi người vợ đi tìm chồng và gặp tảng đá hậu thân của chồng);

3) sao biết cha mẹ Lưu thị lại biết con gái chết khi đi tìm chỉ thấy cây trầu không.

Truyện cổ tích là một thể loại văn học dân gian dành cho tuổi thơ. Tuổi thơ không đặt những câu hỏi như Hoàng tiền bối đặt. Tuổi thơ chỉ biết tròn xoe mắt nai ngồi nghe và mê mẩn. Nếu cứ hỏi vặn theo kiểu VSKL thì làm sao cái thảm lại có thể bay, con quạ lại có thể nói?

*** tr.147.** VSKL ghi *"Thuyết của cuốn "Thiên Nam Ngữ Lục: "Tô Định ngờ Thi Sách làm phản, lại ghét Thi Sách lấy cả hai chị em họ Trưng..."*. Phần nầy tác giả cho biết đã trích dẫn theo Bùi Quang Tung. Như vậy lầm lỗi không phải do Ông mà do vị đồng nghiệp của Ông. Bởi vì *Thiên Nam Ngữ Lục* không phải là một tài liệu viết bằng văn xuôi mà là một tập diễn ca lịch sử gồm đến tám nghìn một trăm ba mươi sáu câu thơ chữ nôm viết theo thể lục bát, ba mươi mốt bài thơ chữ Hán và hai bài thơ chữ nôm đều viết theo thể thất ngôn bát cú. Đây là tác phẩm thơ nôm dài nhất trong kho tàng văn học cổ nước nhà (dài gần gấp hai lần rưỡi *Truyện Kiều*). Vì đoạn mô tả cuộc hôn nhân Thi Sách – Trưng Trắc gồm những sáu mươi hai câu (từ câu 1435 đến câu 1496) nên chúng tôi chỉ xin trích dẫn một số câu mà thôi:

Tên là Thi Sách có tài,
Dòng dõi nhà đời con cháu Hùng Vương. (...)
Đồn rằng trên quận Mê Linh,
Họ Trưng dòng dõi trổ sinh đôi nàng.
Phong thư khác thói tầm thường,
Tóc mây, lưng tuyết, hơi sương, da ngà. (...)
Sách cho môi chước đến trình,
Dẫn dòng Hùng tướng, bày tình ông cha.
Rắp mong gây dựng nghiệp nhà,

Hiềm trong chủ quỹ chưa hòa có ai. (...)
Tư thông hòa hiếu bắc, nam,
Một nhà phu phụ, ngàn năm kết nguyền.
Vợ chồng mừng thấm nhân duyên,
Toan đương mở nước, dựng nên nghiệp nhà. (...)

*** tr.191.** *"Nhưng người Việt chưa biết cách bón ruộng bằng phân hóa học, chỉ biết dùng... phân người"*. Thực ra thì đồng bào chúng ta sử dụng rất phổ biến phân súc vật như phân trâu, bò, heo và riêng ở miền Trung thì phân người gần như không đắc dụng.

Tập 2

*** tr.241.** Chuyện ứng đối giữa sứ Tống là Lý Giác và sư Đỗ Thuận (chứ không phải sư *Thuận Giả*) năm 987 được *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên ghi lại chi tiết như sau trong phần *Bản kỷ, Kỷ nhà Lý: "Nhà Tống lại sai Lý Giác sang. Khi đến chùa Sách, vua sai pháp sư tên là Thuận giả làm giang lệnh ra đón. Giác tính thích nói chuyện văn thơ. Lúc ấy nhân có hai con ngỗng lội trên mặt nước, Giác ngâm đùa rằng:*

Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.
(Ngỗng ngỗng hai con ngỗng,
Ngửa mặt nhìn chân trời).

Pháp sư đương cầm chèo theo vần làm nối đưa cho Giác xem:

Bạch mao phô lục thủy,
Hồng chạo bãi thanh ba.
(Nước lục phô lông trắng,
Chèo hồng sóng xanh bơi).

Giác lấy làm lạ (...)". Sử sách tuy có ghi, nhưng chuyện ứng đối không phải là không đáng ngờ. Vì theo sách *Toàn Đường* thì đây là bài thơ *Vịnh nga* của Lạc Tân Vương (640? – 648?) đời Đường, tác giả bài thơ *Dịch thủy tống biệt* nổi tiếng, làm từ lúc bảy tuổi. Nguyên văn bài *Vịnh nga* như sau:

Nga nga nga
Khúc hạng hướng thiên ca
Bạch mao phù lục thủy,
Hồng chưởng bát thanh ba.

Cho nên giai thoại nầy thiết tưởng cần được tiếp thu với ít nhiều dè dặt, vì có nhiều phần chắc đây chỉ là chuyện người xưa phóng tác. Cũng như bài thơ *Xuân nhật tức sự* tương truyền là của Đại sư Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254 – 1334) đã được Đại đức Thích Trí Siêu chứng minh với tính thuyết

phục cao là thơ Thiền đời Tống. Thật ra, theo nhãn quan khảo chứng học thì những dật sự, những chuyện kể về tài ứng đối linh hoạt, mẫn tiệp của người xưa, nhất là trong các sứ trình, đều chỉ là truyền thuyết. Và chúng ta ngày nay có thể hình dung là giới nho sĩ, qua dòng thời gian, qua nhiều thế hệ, do hâm mộ các bậc tiền bối, đã dựa vào một cái cốt ban đầu, một cái nhân nguyên thủy nào đó để gán ghép thêm thơ văn người này người khác vào, biến thành những câu chuyện có hệ thống, có sắp đặt, có lớp lang. Và lối hành văn biên chép các giai thoại đó theo kiểu *"Ta thường nghe, Đời truyền rằng..."* như Phạm Đình Hổ hay viết trong *Vũ Trung Tùy Bút* không phải là không đáng để ý.

*** tr.254.** Không phải tất cả quan thị (hoạn quan) ngày xưa đều *"đã chặt bỏ dương vật"*. Giới nghiên cứu lịch sử y khoa phương đông phân biệt ba loại hoạn quan:

1) Hạng hoạn thiến trọn vẹn *(cung hoạn);*

2) Hạng cắt bỏ hai tinh hoàn từ bé, khiến dương vật không phát triển được *(tàm);*

3) Hạng mang một thiết bị nắp hơi *(yếm hoạn)*. Đây là trường hợp của Lê văn Duyệt, được chính VSKL ghi nhận ở tr.945. *Sử ký* Tư Mã Thiên, truyện *Lã Bất Vi*, phần mô tả Lao Ái, cung cấp một bằng chứng y học lý thú: để giả làm hoạn quan, Lao Ái chỉ cần *"nhổ râu mày"*: đó là bệnh cảnh của chứng thiểu năng kích tố sinh dục nam trong khoa nội tiết học, do hủy bỏ hai tinh hoàn (chứ không phải do *"chặt bỏ dương vật"*).

*** tr.305.** *"Vậy nói chung thì mọi người trong nước, bất cứ sang hèn, đều có quyền đi thi"* cũng như tr.653: *"Và toàn dân đều có quyền đi thi"* và tr.958: *"Ai cũng được đi thi"*. Sự thực lịch sử không phải vậy. Trước hết, một thành phần dân chúng rất đông đảo đã không được phép dự các kỳ thi dưới chế độ phong kiến, đó là nữ giới. Thứ nữa, về phía nam giới cũng có những đối tượng không được dự thi. Câu chuyện Đào Duy Từ không được dự thi là một bằng chứng được nhiều tài liệu đề cập, tuy rằng có sách ghi Lộc Khê Hầu có được đi thi nhưng bị đánh hỏng, kể cả VSKL, tr.726. Trong thực tế, nhiều người bị cấm thi vì vi phạm luật lệ (kể cả luật lệ thi cử), hoặc vì đã theo binh nghiệp. Có người đã đỗ đại khoa còn bị tước bỏ học vị tiến sĩ và bị trừng phạt vì xuất thân là võ quan mà lại đi thi hương, thi hội, thi đình. Biện pháp cấm thi lắm khi chỉ do phong hóa, luân thường. Ví dụ *Đại Nam Điển Lệ* ghi: *"Lệ năm Minh Mệnh thứ hai định rằng hễ ai có tang cha mẹ và cháu nội thừa trọng tang ông bà* (thì) *không được giấu tang mà ứng thí"*.

*** tr.305.** Chữ nôm được cấu tạo bằng cách *"ghép hai chữ nho vào nhau"*. Thực ra có những chữ nôm chỉ gồm một chữ nho duy nhất ví dụ chữ *qua* (qua lại) được ghi bằng chữ *qua* (vũ khí) của Hán tự; chữ *một* (số 1) được ghi bằng chữ *một* là mất trong chữ nho. Hoặc có khi chỉ là chữ nho nhưng chữ nôm thêm vào *dấu nháy, dấu cá* để tỏ ý rằng khi đọc thì phải lái âm thanh chệch đi một chút, tỷ như *ba vi* nếu thêm *dấu nháy* thì đọc là *bơ vơ*. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên, phần *Bản kỷ, Kỷ nhà Lý* trình bầy câu *"Điện tiền là Vũ Cứt chứ không phải là Vũ Đái"* của Nguyễn Dương với chữ nôm *đái* được ghi bằng chữ *đái* (bộ *qua*) của Hán văn và chữ nôm *cứt* được ghi bằng chữ *cát* (bộ *khẩu*) của Hán văn. Tất nhiên trong khi chế tác chữ nôm thì cung cách *"ghép hai chữ nho vào nhau"* là một cung cách rất phổ biến. Nơi tr.869 Tập 5 VSKL, phát hành tháng 08.89, Luật sư Hoàng Cơ Thụy đã nhận ra điểm thiếu sót nầy, tuy rằng Ông vẫn ghi chưa đầy đủ.

*** tr.324.** Bình phẩm câu của Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* liên quan đến chuyện nhà vua ban yến cho các bô lão rồi hỏi kế chống giặc nhân hội nghị Diên Hồng: *"thế là còn giữ ý nghĩa người xưa nuôi người già mà xin lời hay vậy"*, tác giả VSKL phát biểu: *"Ông Ngô Sĩ Liên nói "nuôi người già mà xin lời hay vậy". Thiết nghĩ không phải thế. Không phải tại được vua ban yến mà hô "đánh"!"*. Đến lượt kẻ hậu học nầy cũng thiết nghĩ không phải thế. Câu nói của Ngô Sĩ Liên e chẳng nên được hiểu một cách đơn giản theo nguyên văn. (Xin được phép bắt chước Hoàng tiền bối ghi chú một chữ Pháp vào đây: *textuellement*). Theo văn cảnh của đoạn sách và nhất là theo sử bút của người xưa, có rất nhiều phần chắc rằng *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* đã đề cập một điển cố văn học, một lời *tử viết* nào đó. Chỉ tiếc rằng kẻ viết bài nầy, tư chất tầm thường, học hành nông cạn, nên chưa thể tìm ra nguồn gốc – tất nhiên là Hán văn – của lời nhận xét của vị sử thần tiền bối.

*** tr.331.** Bài thơ nổi tiếng của Trần Quang Khải bắt đầu bằng câu

Đoạt sáo Chương Dương độ

Được ghi lại trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Ngô Sĩ Liên, *Việt Âm Thi Tập* của Phan Phu Tiên và Chu Xa, *Toàn Việt Thi Lục* của Lê Quý Đôn, *Hoàng Việt Thi Tuyển* của Bùi Huy Bích và *Trần Triều Thế Phả Hành Trạng*, tác giả khuyết danh; với những đầu đề như sau:

Thuật hoài (VÂTT)

Chương Dương độ (TTTPHT)

Tụng giá hoàn kinh sư (một số tài liệu).

Như vậy, có thể nếu ghi vắn bài thơ đã được sáng tác trong khi Trần Quang Khải đi theo phò giá *(tụng giá)* hai vua nhà Trần trở lại kinh đô ngày

sáu tháng Sáu năm Ất dậu (09. 07. 1285), sau khi đã đuổi Thoát Hoan và tàn quân chạy dài, chứ không phải *"trong bữa tiệc ở Thăng Long"* như VSKL ghi. Tuy nhiên chúng ta chẳng nên quên rằng người xưa làm thơ thường không đặt đầu đề, mà đầu đề các bài thơ cũ phần lớn là do hậu thế đặt. Do đó phần góp ý của chúng tôi với bậc trưởng thượng họ Hoàng chỉ có giá trị rất tương đối.

* **tr.342.** Hai câu thơ tức sự:

Xã tắc lưởng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu

là của vua Trần Nhân Tông (vua con) chứ không phải của vua Trần Thánh Tông (vua cha) và ngày sáng tác bài thơ là ngày 17 tháng Ba năm Mậu tý tức 18. 04. 1288, theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.(*)

* **tr.368.** *Lân phù e* không phải là thẻ bài, cũng như *hổ phù* ở tr.574. Chỉ có Quân lực Việt nam Cộng hòa và quân đội đồng minh mới có thẻ bài đeo ở ngực. Lân phù, hổ phù là con dấu của quan võ khắc hình lân hay hình hổ. Ngoài ra ấn tín võ quan ngày trước còn có khi khắc hình cá *(ngư phù)*, hình rùa *(qui phù)*. *Hán Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh định nghĩa *hổ phù* là *"phù hiệu ấn tín trong quân"*. *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức thích nghĩa rõ ràng hơn: *hổ phù* là *"cái dấu của quan võ, cái núm làm hình đầu hổ"*. *Từ Điển Tiếng Việt* của nhóm Văn Tân cho biết *hổ phù* là *"dấu hiệu, ấn tín các quan võ xưa, có vẽ hình đầu hổ"*. Cho nên trong biểu cầu phong của Trần Cảo (tr. 588) mới ghi *"các ấn tín"* trong mục liệt kê nhân sự, vật dụng được trao trả lại cho nhà Minh.

* **tr.370.** Bài *Văn tế cá sấu* của Nguyễn Thuyên năm 1282 được trích dẫn nguyên văn theo Thái văn Kiểm trong *Đất Việt Trời Nam*. Để khỏi chiếm quá nhiều chỗ, chúng tôi chỉ xin ghi lại bốn câu đầu:

Ngạc ngư kia hỡi! mày có hay
Biển Đông rộng rãi là nơi mày,
Phú lương đây thuộc về thánh vực,
Lạc lối đâu mà lại đến đây? (...)

Toàn văn bài thơ cũng được ghi trong *Văn Đàn Bảo Giám* của Trần Trung Viên, do Hư Chu hiệu đính năm 1968–69. Đây là một bài thơ mạo hóa. Trước hết, văn phong của nó quá mới nếu so với văn phong *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi chẳng hạn, chứ đừng nói đến văn phong đời Trần. Thứ nữa, từ pháp, từ vựng của bài thơ không thể là từ pháp, từ vựng của thế kỷ XIII! Cả một bài thơ mười sáu câu, một trăm mười hai chữ mà tuyệt không hề có một chữ tiếng Việt cổ! Sau đây chỉ xin đan cử vài ví dụ:

– Chữ *chẳng* trong câu *Dân quen chài lưới chẳng tay vừa* thì đời Trần viết là *chăng*, tỷ như *Địch chăng có lỗ* trong *Cư trần lạc đạo phú* của vua Trần Nhân Tông;

– Tính từ *rộng rãi* trong *Biển Đông rộng rãi là nơi mày* sẽ là *khoáng cả*, như cũng chính *Cư trần lạc đạo phú* ghi: *ơn Nghiêu khoáng cả;*

– Từ kép *lạc lối* trong câu *lạc lối đâu mà lại đến đây* được Ức Trai trong *Quốc Âm Thi Tập* nói là *lạc lài: Thư nhạn lạc lài khi gió.*

Xin miễn kể thêm. Thủ phạm vụ đùa giai nầy, theo tài liệu chúng tôi được đọc, là Nguyễn Can Mộng (1889–1954), đỗ phó bảng năm Khải Định thứ nhất (1916). Cụ sáng tác và cho đăng trên *Tứ Dân Văn Uyển* khoảng những năm đầu thập kỷ 30. Người mắc lỡm đầu tiên là Kiều Thanh Quế khi ông cho in bài thơ Hàn Thuyên (!) nầy vào cuốn sách *Cuộc tiến hóa văn học Việt nam*, Đời Mới xuất bản. Rồi kế tiếp, nhiều người lầm theo, chứ chẳng phải riêng học giả Thái văn Kiểm và Luật sư Hoàng Cơ Thụy!

Sự thực, bài văn tế cá sấu của Hàn Thuyên bị mất từ lâu, nhưng một vài cuốn sách chữ nôm như *Việt cổ văn* còn ghi lại một bài văn chữ Hán nhan đề *Tế Lô giang ngạc ngư văn* (Văn tế cá sấu ở sông Lô).

Nếu theo cổ sử thì *"Bây giờ* (năm 1282) *có cá sấu đến sông Lô, vua sai Thượng thư Hình bộ là Nguyễn Thuyên làm văn ném xuống sông, con cá sấu tự đi mất". (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Bản kỷ, Kỷ nhà Trần)*

Nếu theo sử hiện đại thì thái độ của nhà nghiên cứu văn học Dương Quảng Hàm rất đáng để ý:

a) Trong cả bốn bộ sách *Quốc Văn Trích Diễm* soạn năm 1925, *Văn Học Việt Nam* soạn năm 1939, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển* và *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* soạn năm 1941, tac giả họ Dương đều không hề đan cử bài văn tế cá sấu, mặc dầu ông có trích dẫn thơ được cho là của Trần Đế Quý Khoách và Nguyễn Biểu. Riêng *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* tuy dành hẳn một chương nhan đề *"Hàn Thuyên và các nhà mô phỏng ông"*, nhưng, như đã nói, cũng không có bóng dáng bài thơ nhắn ngạc ngư! Trái lại, Dương Quảng Hàm viết: *"Theo lời sử chép (Cm, 9.7 tr. 26a) mùa thu tháng Tám năm 1282 (Trần Nhân Tôn, Thiệu bảo thứ 4), ông (tức Hàn Thuyên) đương làm hình bộ Thượng thư, có con ngạc ngư (cá sấu) đến sông Phú Lương (tức sông Nhị hà). Vua sai ông làm bài văn và vất xuống sông. Cá sấu tự đi. Vua cho việc ấy giống việc Hàn Dũ bên Tàu nên cho ông đổi họ là Hàn. Về bài văn ném xuống sông để đuổi cá sấu nầy, sử không chép rõ là viết theo thể văn nào và làm bằng Hán văn hay Việt văn; vậy ta cũng không nên vội cho – như ý kiến thông thường – rằng bài ấy là một bài VĂN TẾ và viết bằng*

TIẾNG NÔM. Chỉ khi nào tìm thấy nguyên văn bài ấy mới giải quyết được vấn đề ấy, mà hiện nay (tức năm 1941) *thì bài ấy không thấy chép ở sách nào cả".*

b) *Việt Nam Văn học Sử Yếu* được biên soạn năm 1941. Bài *Văn tế cá sấu* được đăng trên *Tử Dân Văn Uyển* những năm đầu thập kỷ 30. Hoạt động văn học thời Pháp thuộc trong thực tế có trung tâm ở Hà nội. Là một nhà biên khảo hết sức cẩn trọng và nhiệt tình, vị tiền bối họ Dương không thể không biết đến bài *Văn tế cá sấu* đương làm xôn xao dư luận, đương làm rúng động văn đàn! Vậy mà Ông đã không hề đề cập!

Riêng bộ *Văn Đàn Bảo Giám* của Trần Trung Viên thì theo đề tựa, được soạn năm 1926. Vậy sao lại có bài *Văn tế cá sấu* của Nguyễn Can Mộng, chỉ xuất hiện vào những năm đầu thập kỷ 30? Có lẽ chúng ta có thể tìm được lời giải đáp cho thắc mắc nầy ở phần cuối của sách, qua *"Đôi lời hiệu đính"* của Hư Chu viết năm 1969, chẳng hạn: *"Tập sách V.Đ.B.G. lần nầy (...) đã được bổ túc một số văn thơ giá trị không thấy in trong kỳ xuất bản lần thứ ba".* Một bài thơ nôm trong số những bài thơ nôm được coi là đầu tiên của văn học sử nước nhà nhất định phải là một bài *giá trị!*

*** tr.382.** *"Các cách xử dụng gia nô".* Chuyện góp ý với Hoàng tiên sinh, trong mục nầy, không thuộc lĩnh vực văn học mà chuyển sang phạm vi chính tả. Chữ *sử* trong động từ *sử dụng* phải viết với *"ét–sì"* mới đúng. VSKL luôn luôn viết *xử dụng*. Cách đọc – và viết – các tiếng Hán Việt nói chung là căn cứ theo qui tắc *phiên thiết* (được trình bầy trong các từ điển chữ Hán), tức là chắp phụ âm của tiếng thứ nhất với nguyên âm (hoặc khuôn) của tiếng thứ hai để chỉ cách phát âm của một tiếng. Thí dụ: tiếng *xuất* trong *xuất bản* phiên thiết là *xứ duật*, trong khi tiếng *suất* trong *năng suất* thì phiên thiết là *sơ duật;* tiếng *châm* trong *phương châm* phiên thiết là *chi âm* còn tiếng *trâm* trong *trâm anh* thì phiên thiết là *truy lâm*. Cho nên:

sung (trong *bổ sung*) phải viết với *s*
xán (trong *xán lạn*) phải viết với *x*
chá (trong *khoái chá*) phải viết với *ch*
trí (trong *tâm trí*) phải viết với *tr*

và cố nhiên *sử* (trong *sử dụng*) phải viết với *s*.

Phép *phiên thiết* không có gì là mới. Trong *Vân Đài Loại Ngữ*, chương *Âm tự loại* nói về các cách gọi tên, Lê Quí Đôn đã ứng dụng: *"Sách Thử phác chép: "Người Chiết giang gọi phụ là cha (chắc da phiên:* ch + a = cha); *người Bắc phương gọi bố là đà (đồ hà phiên:* đ + a = đa); *người đất Ngô gọi bố là cha (chính xác phiên:* ch + a = cha).

*** tr. 387.** Thủ thuật y khoa được Nguyễn Đại Năng vận dụng bị VSKL mô tả sai lạc. Trong y học phương đông, không có thao tác *"dùng một mẩu gỗ nung đỏ mà ấn vào da thịt"* mà chỉ có phép *cứu* tức là dùng một viên thuốc cứu hay một thanh thuốc cứu (do chế tạo bằng lá *ngải cứu* nên thành tên), đốt lên và hơ nóng những huyệt cần hơ nóng. Cho nên khi nói *châm cứu* tức là đã đề cập cả hai phép trị liệu bằng kim châm và bằng cứu nóng. Còn nếu muốn dùng một từ kép để chỉ riêng phép trị liệu bằng kim thì có thể gọi là *châm khoa, châm thuật*. Lại xin phép theo gương Hoàng tiên sinh để ghi chú bằng chữ Pháp: *acupuncture et moxibustion* là *châm* và *cứu*.

tr.387. Năm 1396 Hồ Quí Ly làm sách *Thi Nghĩa* bằng chữ nôm. Tác giả VSKL thắc mắc tại sao họ Hồ *"không viết nhan đề bằng chữ nôm là "Nghĩa của Kinh Thi"*. Kính thưa lão tiền bối, tại vì hai lý do:

a) Lý do chính yếu, lý do lịch sử. Khi viết đề sách *"Nghĩa của Kinh Thi"* là viết đề đó dưới dạng cấu tạo ngữ pháp của tiếng Việt, nói đúng hơn, của tiếng Việt hiện đại, mà từ pháp nầy thì đối với Hồ Quí Ly còn xa lạ lắm. Cách bày câu bố chữ như tiền bối đề nghị, mà chúng ta ngày nay coi là rất tự nhiên, thì phải chờ hằng bao thế kỷ, để cho chữ nôm, để cho tiếng ta được bổ sung, chỉnh lý, nâng cao... rồi mới xuất hiện được. Điều đó lịch sử, văn học sử chưa cho phép Hồ Quí Ly làm, dẫu rằng họ Hồ có là một nhà cải cách đi nữa.

b) Lý do thứ yếu, lý do truyền thống. Đầu đề các tác phẩm bằng văn nôm của cha ông chúng ta hầu hết đều được trình bày theo ngữ pháp tiếng Hán. Ngay tuyệt phẩm bằng chữ nôm của Nguyễn Du (mà VSKL nêu ra nơi tr.593 để chê Nguyễn Trãi) cũng đã được khai sinh với họ *Đoạn*, chữ lót *Trường* và tên *Tân Thanh*. Còn bài phú nôm của vua Trần Nhân Tông thì có tên *Cư trần lạc đạo phú* (thay vì *Phú ở cõi trần vui đạo*, nếu muốn theo đề nghị của Hoàng tiên sinh). Lý văn Phức viết một truyện nôm với nhan đề *Bất phong lưu truyện*. Tập thơ chữ nôm của Nguyễn Trãi có tên là *Quốc âm thi tập*. Một bài văn vần của thế kỷ XV mang đầu đề *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn* mặc dù, như tên gọi chỉ rõ, nó được viết bằng quốc ngữ. Bộ sử vận văn bằng tiếng mẹ đẻ của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái có tên *Đại Nam quốc sử diễn ca;* còn tập trường thiên lịch sử tám nghìn một trăm ba mươi sáu câu chưa rõ tên tác giả đã được đề cập trên kia lại mang đầu đề *Thiên Nam ngữ lục*. Ngay các tài liệu chuyển dịch, "giải âm" những tác phẩm chữ Hán sang tiếng nôm cũng được đặt tên ròng Hán, ví dụ *Truyền kỳ mạn lục trùng san*. Đến như Nguyễn Đình Chiểu, tuy chỉ sáng tác bằng chữ nôm, cũng đặt tên cho các đứa con tinh thần theo văn phạm Hán tự:

Tứ thư ngũ kinh gia huấn ca, Ngư tiều y thuật vấn đáp... Và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc* của nhà nho đất Bình dương, dẫu lấy đối tượng là những *"linh" côi cút làm ăn, riêng lo nghèo khó, dân ấp, dân lân* và viết bằng chữ nôm, cũng vẫn có đầu đề là *Tế Cần giuộc sĩ dân trận vong văn* hay *Điếu nghĩa dân trận tử quốc ngữ văn*, tùy theo tài liệu biên chép. Với lại các dịch phẩm của Đoàn thị Điểm, của Phan Huy Vịnh chẳng vẫn mang đầu đề gốc gác chữ Hán cho đến tận ngày nay đấy ư?

c) Hiện có một số bài thơ, bài văn tế nguyên viết bằng chữ nôm và có đầu đề quốc ngữ, ví dụ các bài thơ khẩu khí của vua Lê Thánh Tông, bài *Văn tế chị* của Nguyễn Hữu Chỉnh. Sự kiện cá biệt nầy có nguyên nhân của nó:

– Những đầu đề bằng quốc âm phần lớn là do người đời sau (hay đời nay) đặt;

– Các bài thơ tương truyền là do vua Lê Thánh Tông làm để vịnh cái chổi, vịnh con cóc... là những sáng tác hậu kỳ, không phải của thời đại Hồng Đức. Sau đây là bài thơ chữ nôm *Thiềm thừ* (lại đầu đề bằng chữ Hán!) trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* mà chúng ta có thể dùng để so sánh với bài thơ giả bắt đầu bằng câu

Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi

và chỉ có bốn câu, vịnh con cóc:

Chừ thuở nên thân sắm áo sồi
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi
Nương tay mấy phút oai hùm khiếp
Tấc lưỡi đôi lần chúng kiến lui
Mừng thấy đàn con ra triệu ấm
Dễ còn ả Tố kết làm đôi
Miếu đường có thuở vang lừng tiếng
Trợ được dân lành kẻo nắng nôi.

Các bài khác như *Thằng mõ, Cái chổi* không thấy ở *Hồng Đức quốc âm thi tập.*

Tập 3

*** tr.593.** Cũng vì lý do lịch sử văn học nên Nguyễn Trãi đã viết bài cáo thị bình Ngô bằng chữ Hán và do đó, e rằng chẳng nên trách cứ Ức Trai. Chỉ để tuyên truyền bằng tám chữ viết với mỡ trên lá cây mà nhà nho đất Nhị Khê đã phải vận dụng chữ Hán!

*** tr.423.** *"Ông tiến sĩ Phan Huy Chú"*. Phan Huy Chú không hề đỗ tiến

sĩ. Ông chỉ đỗ hai lần tú tài, một lần năm 1807, một lần năm 1819. Ông được đặc cách làm quan mặc dầu không có cử nhân – cũng như Nguyễn Nhu, Phạm Đình Hổ – là do chủ trương cầu hiền của các vị vua đầu triều Nguyễn.

*** tr.461.** *"Nhưng tại sao ông* (Lê Cảnh Tuân) *không ở nhà mà "câu cá cày ruộng cho hết tuổi thừa mà thôi", lại chịu ra làm giáo thụ (...) của người Minh, để đến nỗi bị bắt?". Thơ Văn Lý Trần, III,* Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội cho là *"Lê Cảnh Tuân cải trang làm một người đến chơi kinh đô, rồi nhận chức dạy học ở đấy để tiện dò xét tình hình và dự định sẽ tham gia vào một tổ chức đánh đuổi quân Minh (...)".*

*** tr.541.** *Tháp* Báo Thiên chứ không phải *chùa* Báo Thiên (phần ghi chú bản đồ thành Đông Kinh thời nhà Lê). Tháp Báo Thiên ngày xưa cao mười hai tầng, nằm ở khoảng đất nhà thờ lớn Hà nội hiện nay và là một trong *An Nam tứ đại khí*, bên cạnh phật Quỳnh lâm, đỉnh Phổ minh và chuông Qui điền.

*** tr.559.** Khóa thi Minh kinh năm 1427 với đầu bài thi *"Hiểu dụ thành Đông quan"* không phải do Nguyễn Trãi làm chủ khảo (lúc bấy giờ gọi là *Đề điệu*), mà chức chủ khảo do Lê văn Linh là văn thần số một đương thời đảm trách. Ngay đến kỳ thi Tiến sĩ đầu tiên năm 1442, lấy Nguyễn Trực đỗ trạng nguyên, thì Nguyễn Trãi cũng chỉ có chân trong ban giám khảo. Do đó lời trách cứ Ức Trai ghi ở tr.654 cho rằng vị thạc nho có trách nhiệm trong chương trình học vấn và thi cử đời Lê chỉ e có phần quá đáng. Nhân đây xin ghi thêm là trong đợt phong công thần sau khi bình Ngô, Nguyễn Trãi chỉ được tước Quan phục hầu là bậc thứ mười một trên mười hai bậc dành cho các công thần, trong khi Lê văn Linh được phong Hương thượng hầu, đứng hàng thứ tư. Đợt nầy có tất cả chín mươi ba công thần được phong và tiến hành ngày 3 tháng Năm năm Kỷ Dậu (1429).

Tập 4

*** tr.668.** Câu chuyện Trạng Quỳnh được VSKL trích dẫn theo Hoàng Trúc Ly với những chi tiết như *"chúa Trịnh phải một đường quan vào nhà tù gặp Quỳnh"; "Chúa phải hạ mình (vào ngục cầu cứu Trạng)"* v.v.. tạo cho người đọc ấn tượng là tác giả họ Hoàng tin rằng có một ông Trạng Quỳnh bằng xương bằng thịt, có cả năm sinh năm mất (*1703 – 1729,* VSKL tr.737), làm quan dưới triều Lê Trịnh, từng dám *"xỏ xiên cả vua Lê chúa Trịnh và mấy vị đại thần"*. Nhưng nếu Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án trong *Tang Thương Ngẫu Lục* có tường thuật về hành trạng của một nhân vật tên

Nguyễn Quỳnh, đỗ cống sinh đời Lê, thì chính sử không hề ghi chép danh tính một ông quan nào dám to gan vuốt râu hùm cả vua lẫn chúa, cũng như tỏ ra có *"khiếu khoa học"* trong những dịp ứng phó với các sứ bộ nước ngoài. Trái lại, văn học sử xem loạt truyện *Trạng Quỳnh* là một tập hợp những sáng tác của giới nho sĩ xoay quanh một nhân vật trung tâm và cung cách sáng tác thì cũng vẫn là cung cách quen thuộc, tức là góp nhặt, chắp vá các mẩu chuyện, các giai thoại của sử sách liên quan đến nhiều người khác nhau rồi đem gán cho nhân vật vai chính hư cấu. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà lối cân voi được Trạng Quỳnh vận dụng *"mường tượng như phương pháp của Tào Phi, con trai Tào Tháo bên Tàu"*. Nó không *mường tượng*, nó chính là phương pháp cân voi của Tào Phi, được một nhà nho nào đó mượn đỡ để gán cho nhân vật tưởng tượng Trạng Quỳnh. Và nếu do một phép lạ của lịch sử, đêm dài Pháp thuộc đến sớm hơn một thế kỷ thì Trạng Quỳnh dám cũng biết la to *Eurêka, Eurêka* như Archimède độ nào! Tóm lại, hệ thống *truyện Trạng Quỳnh* chỉ là huyền thoại.

Tập 5

*** tr.857.** Chứng bệnh đưa đến cái chết của vua Quang Trung được Phạm Ngọc Huyền trong *Việt Sử Đại cương* ghi là *bệnh thương hàn*. Theo VSKL, *"hai chữ* (nho) *thương hàn chỉ có nghĩa là sốt rét"*. Thực ra chữ nho *thương hàn* không hề có nghĩa là sốt rét. Vấn đề này có thể dành cả một chương sách để bàn thảo, vì liên hệ đến lịch sử y học Trung hoa. Cho nên chúng tôi chỉ xin kính trình Hoàng tiền bối là giới Đông y sĩ có một quyển sách gối đầu giường mang tên *Thương hàn luận* của Trương Trọng Cảnh, một danh y Trung hoa (ca.142 – 220), trong đó đề cập rất nhiều bệnh, kể cả những bệnh nhiễm trùng, bệnh tiêu khát (tức bệnh đái đường) bên cạnh các trường hợp ngất xỉu, tự tử vì treo cổ... Còn tổ tiên chúng ta khi muốn chỉ bệnh sốt rét bằng chữ Hán thì gọi là *ngược bệnh, ngược tật,* chứ không gọi là *thương hàn.*

*** tr.986.** "(Nguyễn Đình Chiểu) *đậu tú tài năm 1843 (...) ra Huế thi Hội"*. Tác giả *Lục Vân Tiên* (sinh năm 1822) đậu tú tài ở trường thi hương Gia định. Theo qui chế thi cử ngày trước thì đậu tú tài không được dự thi hội, mà phải đậu cử nhân. Vậy Nguyễn Đình Chiểu ra Huế với học vị tú tài để chờ thi gì, đó là một "khâu" nằm trong tiểu sử của nhà nho đất Bình dương từng khiến kẻ viết bài nầy rất thắc mắc. Quả là có nhiều tài liệu nói rằng Nguyễn Đình Chiểu ra Huế chờ thi hội, nhưng không giải thích tại sao lại có sự phá lệ trường thi như thế. Một số tài liệu khác có ý trình bầy như là

một đặc ân của triều đình đối với một số nho sĩ miền Nam. Nhưng cũng có tài liệu nói rõ Nguyễn Đình Chiểu ra Huế năm 1846 là để chờ dự thi hương thí. Chuyện nhà Nguyễn ban đặc ân cho một số nho sĩ đất Lục tỉnh được dự thi hội với học vị tú tài là điều rất khó hiểu vì trước và sau Nguyễn Đình Chiểu không thấy có chuyện đó. Trái lại:

– Phan Thanh Giản, sinh năm 1796, đỗ cử nhân năm 1825, năm sau đậu tiến sĩ; đó là ông *tấn sĩ thứ nhứt* của đất Lục tỉnh;

– Bùi Hữu Nghĩa, sinh năm 1807, đậu giải nguyên (thủ khoa kỳ thi hương) khóa Ất vị 1835;

– Huỳnh Mẫn Đạt, cũng sinh năm 1807, đậu cử nhân khoa Tân mão 1831;

– Nguyễn Thông, sinh năm 1827, đậu cử nhân năm 1849, năm sau thi hội bị đánh hỏng vì quyển thi lấm mực;

– Phan văn Trị, sinh năm 1830, đậu cử nhân khoa Kỷ dậu 1849;

– Nguyên Hữu Huân, sinh năm 1841, đậu giải nguyên (Thủ khoa Huân) dưới triều vua Tự Đức.

Tất cả đều là sĩ phu đất Lục tỉnh, hoặc sinh trước xa, hoặc suýt soát tuổi, hoặc sinh sau Nguyễn Đình Chiểu và đều đậu cử nhân trường thi hương Gia định. Trong số họ không thấy nói có người nào được đặc ân dự thi hội với học vị tú tài. Vì vậy có lẽ không nên "đặc cách" cho Nguyễn Đình Chiểu ra Huế năm 1846 để chờ dự hội thí.

*

Đối với tổ tiên chúng ta thì *văn sử bất phân, văn triết bất phân.* Nhưng ngày nay khi viết sử vẫn có nhiều vấn đề văn học phải được đề cập. Cho nên trường hợp *Việt Sử Khảo Luận* không phải là cá biệt. Và những sai sót, những lầm lẫn cũng chỉ là chuyện tự nhiên.

Nhưng cũng tự nhiên không kém là trong khi nghiên cứu nền văn học cũ, việc tìm lại đầy đủ khối lượng tác phẩm cũng như khôi phục lại bộ mặt nguyên vẹn của nền văn học đó là việc cần kíp đầu tiên, rất khó khăn, nhưng cũng không kém phần hấp dẫn.

Trong thực tế, có những trường hợp mà sự sai lầm cơ hồ như không còn mối manh nào để sửa chữa, nhưng may thay cũng có những trường hợp, nếu chúng ta kiên nhẫn vận dụng nhiều phương pháp trong khoa khảo chứng: so sánh các cứ liệu, suy luận theo khoa học, lần ngược lại quá trình để phát hiện ra bản gốc... thì vẫn có cơ duyên thanh toán được lầm lẫn, và trả các tác phẩm văn học về cho tác giả, cho thời đại của chúng ta một cách phân

minh. Nhưng phải nhận rằng tình trạng sai dị khá phổ biến của các bản chép tay những tác phẩm cũ có gây nên rất nhiều rắc rối, không phải một sớm một chiều có thể giải quyết dứt khoát. Và ngay cả sách in cũng chưa phải đã ổn định. Do quan niệm khá linh động, khá tùy tiện của một số nhà sưu tập, do hiện tượng rách nát hoặc mất mát thường xuyên xảy ra sau mỗi lần in, nên chúng ta cũng thấy không ít có những quyển sách, có những bài thơ, mặc dầu đã có tựa đề, có tên gọi, có mục lục, có lời tựa, có lời bạt hẳn hoi, vậy mà sau mỗi lần *trùng san*, chúng ta lại có ít nhiều thay đổi. Có khi quyển nọ được ghép với quyển kia một cách tùy nghi, mà người biên soạn cũng lơ đãng quên không ghi cho một lời chú thích nào! Diện mạo ban sơ của nhiều đứa con tinh thần do cổ nhân thai nghén lắm khi không còn biết căn cứ vào đâu để mà phác họa lại nữa!

Và con đường phục chế lại vốn cũ văn học thế tất phải là một con đường dài. Bài viết nầy chỉ mong góp được một bước trên con đường thiên lý đó. Và riêng đối với tác giả VSKL thì là để tạ tấc lòng Hoàng tiên sinh đã hạ cố ký tên *"lưu niệm"*.

Bad Meinberg, Bubtag 1989.

(*) Trong Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim ghi là hai câu thơ này của Thượng hoàng Trần Thánh Tông, nhưng Thơ Văn Lý Trần lại ghi là của vua Trần Nhân Tông. Chúng tôi theo tài liệu này.

Về phần ghi chú tài liệu tham khảo, xin hỏi tác giả qua tòa soạn.

Tìm đọc:

GIÓ ĐÊM

tập truyện Trần thị Kim Lan

Văn Nghệ xuất bản

TRẦN VẤN LỆ

tìm một chỗ ngồi

●

tới đây tìm một chỗ ngồi
khó như lên núi kiếm người trong mơ
hỡi tiên sinh tự bao giờ
mà y lụa với đai tơ quyện lòng
phật từ lúc nói có không
tôi bây giờ vẫn trong vòng tỉnh mê
quê nào mà chẳng là quê
khác nhau hai chữ nằm kề bên nhau
quê hương mình áo mơ nhàu
quê người xe cộ bắc cầu nối đuôi
tới đây chân rã tay rời
phủi bay lá úa ngậm ngùi lá bay
người từ nam cực về tây
nhìn trời nhìn đất nhìn ngày nhìn đêm
cõi đời đâu phải cõi tiên
có ai đi hứng cái duyên bọt bèo

*

tới đây một sớm một chiều
vén mây đầu ngõ nhìn theo cuối đường
lệ người đọng giọt mù sương
chùi tay mấy bận nghe còn buốt tê!

Cali 1.1990

HOÀNG ĐỖ

tuổi trẻ việt nam và tiểu thyết hiện đại

Sau hơn mười bốn năm làn sóng người tỵ nạn tuôn tràn trên thế giới, có một điều vẫn làm nhiều người Việt tự hỏi: Liệu văn chương Việt nam hải ngoại tồn tại? câu trả lời – đúng hơn để chứng minh cho câu hỏi này – *Văn Học* đã liên tiếp đăng nhiều truyện ngắn của một số cây bút trẻ rất đáng chú ý. Họ ở tản mác khắp nơi trên thế giới: người ở châu Âu, người ở châu Úc, người ở châu Mỹ. Nhưng nhìn chung, văn chương của họ là một nỗ lực tiếp nối nền văn chương của các bậc đàn anh trước và sau 75. Tiếng nói, tâm tình và niềm tin của họ phản ảnh lại một thời đại họ đã đi qua hoặc đang sống. Cây bút của họ nói lên sự mong ước, khát khao và hoài bão của một thế hệ sống lưu vong. Thế hệ mà đã có thời Hemingway, Pound, Fitzgerald phiêu bạc khắp châu Âu gọi là thế hệ lạc lõng (lost generation). Ở một khía cạnh nào đó, văn chương của họ đang tách rời khuynh hướng và truyền thống của lối văn chương cũ. Nếu có thể được gọi là văn chương hiện đại, nền văn chương này đào sâu vào những uẩn khúc của con người. Những thao thức, những trăn trở, những hoài nghi đang tồn tại trong cuộc sống cũng được họ khai thác kỹ càng hơn. Trong sự suy nghĩ như vậy, bài viết này đề cập đến mười cây bút trẻ được coi khá quan trọng hiện nay.

*

Với bốn truyện ngắn đăng trên *Văn Học*, Trần Vũ đã chứng tỏ là một nhà văn có tầm vóc lớn. Theo lời nhận định của *Văn Học*, Trần Vũ đã "thử bút bằng con đường khó: đào sâu những ẩn ức nội tâm trong khi vẫn giữ một lối viết nhẹ nhàng giàu tính tượng trưng". Lời nhận định trên rất xác

đáng. Sử dụng lối viết của Kafka, Trần Vũ đã thành công rất xa trong cách giới thiệu nhân vật, xây dựng cốt truyện, và tìm kiếm mục đích tối hậu của nghệ thuật. Tiểu thuyết của Trần Vũ đi sâu vào nhiều khía cạnh phức tạp nhất của con người như thương yêu và thù hận, hiện tại và quá khứ, thực tế và mơ mộng, đớn đau và hoan lạc, thiện và ác cũng như những dằn vặt triền miên của con người. Đây có thể được coi như một loại tiểu thuyết phân tâm học, bắt đầu từ Freud, và rất thịnh hành trong văn chương hiện đại thế giới.

Nếu Trần Vũ là một trong những nhà văn lớn nhất hiện nay thì "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu" là một trong những truyện ngắn hay nhất của văn chương Việt nam hiện đại. Sau "Vợ Chồng" của Mai Kim Ngọc, có lẽ chưa truyện nào sâu sắc và trừu tượng như "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu". Trong truyện này, Trần Vũ khai thác một bóng mờ của dĩ vãng và một thực tại mà ngôi nhà sau lưng văn miếu là một chứng tích cụ thể nhất của thời gian. Đến đây, câu hỏi về thời gian cũng như sự tàn phá kinh hoàng của nó được đặt ra. Ngôi nhà vẫn còn đó, nhưng Nụ, nhân vật xưng "tôi" trong truyện, trở về với tâm trạng hư hao, tâm thần rã rời, và ý chí hụt hẫng sau khi thoát ly theo Việt Minh. Nụ là một ảo ảnh luôn luôn theo đuổi Nhài, cô con nuôi, và kinh nghiệm của Nhài cũng là kinh nghiệm của Nụ. Hai bóng mờ này luôn luôn chéo chặt nhau, chia chung một số phận, và hưởng chung một người tình. Xa hơn nữa, Trần Vũ đưa ra hình ảnh tàn bạo của con người, đại diện là cụ Cố và ông thân sinh. Nếu diễn dịch theo Freud, hai người đàn ông này đều khao khát thân xác của Nhài, một thân xác mà "ngực vú đầy căng so với lứa tuổi dậy thì... ánh mắt sắc lẻm đưa tình và thân hình đầy dặn". Cũng vì không thỏa mãn, hai người đã hành hạ Nhài không nương tay. Hậu quả là chuyến thoát ly của Nhài, và sau đó về trả thù lại. Tuy nhiên, điểm độc đáo nhất trong "Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu" vẫn là mấu chốt giữa thời gian mà con người không sao gột bỏ được. Mất thời gian, con người mất luôn cả quá khứ lẫn đam mê, mặc dù đam mê trong tội lỗi. Và ký ức của Nụ là sợi dây chuyền, kết nối tất cả những đớn đau của thời gian, và hận thù là nguyên nhân gây ra những bất hạnh liên tiếp cho loài người.

Với "Bên Trong Pháo Đài", Trần Vũ viết lại một thế giới dưới lòng đất, một thứ "under– ground" nơi mà mọi chuyện đều có thể xảy ra được. Khó có thể xác định – khi viết "Bên Trong Pháo Đài" – Trần vũ có đang nghĩ đến *Notes from Under ground* của Dostoyevsky không. Tuy nhiên, hai tác phẩm này có nhiều điểm giống nhau, có chung một chủ đề; đó là, thế giới dưới lòng đất hiện thân cho một nơi đầy bất an, tàn bạo, nguy khốn,

và mâu thuẫn giữa một nơi mà mọi người vẫn ăn, ngủ, và làm tình. Nhân vật "tôi", Nhật, kể lại những diễn biến của bốn người con gái dưới lòng đất, cùng chung một lý tưởng chống Mỹ cứu nước. Nhưng đó là bề mặt, trong tận thâm tâm, ngọn lửa tị hiềm cá nhân vẫn âm ỉ cháy và bùng phát lên lúc Phấn ăn cắp chai dầu thơm của Huệ. Người ta có thể giết nhau vì những thứ nhỏ nhoi tầm thường nhất trên đời, đâu cần phải mang ra một chủ nghĩa to lớn mới làm được chuyện đó. Và bất hạnh của người này là niềm vui của người khác. Sự chà đạp lên nhân phẩm của Nhu cũng như những mảnh chai cán nhỏ rắc vô bi đông nước uống của Phấn nói lên cái dã man chất chứa trong một người vẫn coi như đồng đội. Có một điểm xuất sắc khác trong "Bên Trong Pháo Đài" ở đoạn Trần Vũ sử dụng *metaphor* nói về ý nghĩa của cơn mưa. Nếu mưa của Hemingway trong *A Farewell to Arms* báo trước những gì chết chóc kinh hoàng thì mưa của Trần Vũ tiên đoán một ngày không bị ăn bom, một ngày mà bốn đứa con gái cười vui, đùa giỡn dưới cơn mưa. Nói chung mưa giao kết giữa trời và đất, đưa bốn đứa con gái lại gần nhau hơn, thương yêu nhau hơn. Nhưng, giống như số phận hẩm hiu của bốn nhân vật, mưa không nhiều. Niềm vui đến chậm hơn tấm lưng rắn chắc của Trọng, "vết thẹo giặc chém sâu hoắm trên lưng Lực;... đôi chân khẳng khiu của Vượng" khi những người này cưỡng hiếp Nhu.

"Hành Lang Tâm Thần" bao gồm ba chuyện độc lập. Chuyện thứ nhất kể về một người đàn ông bị dồn nén sinh lý và những thắc mắc về cuộc đời của y. Chuyện thứ hai nói về thành công cũng như thất bại và các ám ảnh về tội ác, tình dục của bác sĩ Charles. Chuyện thứ ba, trung tâm của chuyện, đi sâu vào cuộc đời và mặc cảm của một người đàn ông tên Khiêm. Chuyện thứ nhất và thứ hai chỉ là đoạn tiếp nối để đưa đến kết luận cho chuyện thứ ba. Hai chuyện trước không thành công cho lắm. Nhân vật chưa được khai thác toàn diện. Cốt chuyện phụ (subplots) bị rời rạc ở những đoạn chuyển tiếp và không giữ nhiệm vụ quan trọng trong chuyện. Chỉ còn câu chuyện người tên Khiêm nổi bật hơn hết. Trong chuyện này, tác giả đưa ra hai nhân vật, Khiêm và Tiến, khác nhau tất cả về nhân cách, trí thông minh, lòng tha thứ, và thái độ chấp nhận cuộc đời. Tiến tốt bao nhiêu thì Khiêm tồi tệ bấy nhiêu. Tuy nhiên, trong con người Khiêm vẫn giằng co giữa thiện và ác. Ý chí cuối cùng Khiêm muốn đến là khám phá bí mật trong căn phòng ở cuối hành lang. Bí mật trong căn phòng ở cuối hành lang có gì? Trong đó chứa đựng tất cả quá khứ về quãng đời mà Khiêm muốn quên đi. Hành động giết người của Khiêm phơi bày nỗi thất vọng của một người không chống đỡ nổi với quá khứ và với mặc cảm lấy điếm làm vợ. "Không ai lấy điếm làm

vợ", Khiêm nói với Tiến khi biết Tiến có ý định lấy Diễm, một cô gái bán bar mà có thời hai người đã từng ngủ chung. Đây cũng là đoạn phán quyết cuộc đời của Khiêm, sợi dây hy vọng cuối cùng Khiêm muốn bám víu ở trong căn phòng cuối hành lang bị đứt tung và đưa Khiêm đến hành động tuyệt vọng. Một người điên, có thể gọi Khiêm như vậy, một người luôn luôn sợ hãi cuộc đời vì mặc cảm thua kém. Đối với Khiêm, sống và chết có ý nghĩa giống nhau, chỉ khác một người nằm xuống còn người kia vật vờ chấp nhận chua chát nỗi trống trải mênh mông của cuộc đời. Hành động giết người của Khiêm cũng dễ hiểu, ở chỗ, số phận bi đát của một người bị dằn vặt không ngừng; khi niềm tin không còn và hy vọng đã mất, hắn còn chần chờ gì mà không nhúng tay vào tội ác. Nếu đi xa hơn, chắc chắn Khiêm sẽ tự tử vì cho đến lúc chết, Khiêm sẽ không bao giờ tìm ra ý nghĩa của cuộc đời, như Tiến, và cứ sống đi rồi cuộc đời sẽ tự đưa đến những câu trả lời.

*

Đỗ Kh. là một hiện tượng rất lạ. Đọc Đỗ Kh. giống như đọc một cuốn tự điển bách khoa. Bao nhiêu dữ kiện trên đời và bao nhiêu cuốn sách đã xuất bản trên thế giới hình như khó qua được đôi mắt tinh đời của Đỗ Kh. Trên địa hạt tiểu thuyết, Đỗ Kh. sẽ không thành công mấy. Nhưng với các thể văn như phóng sự, phỏng vấn, phê bình, hồi ký – nói chung *nonfiction* – cây bút này sẽ bỏ xa tất cả những cây bút cùng thời. Kiến thức rộng lớn với ngôn ngữ sắc bén, Đỗ Kh. đưa người đọc đến những nơi thật xa lạ, những nơi rất ít người Việt nam biết đến. Tác giả thổi vào văn chương Việt nam một luồng gió mới, một thứ gió tạo cho người đọc một ấn tượng mới mẻ về cuộc đời. Tự điển bách khoa chỉ có *tịnh* chứ không có *động*. Đỗ Kh. làm văn mình *động* qua các nhân vật sống hết mình trên những vùng đất mà tác giả đã đi qua.

Trong những truyện ngắn đăng trên *Văn Học*, "Gaston (Ahmad) Nhi" nổi bật hơn hết. Tựa đề cũng là tên nhân vật chính trong truyện. Một gã đàn ông mang hai dòng máu trong mình, cha Bắc Phi và mẹ Việt nam. Theo luật tự nhiên, bên nội nặng hơn bên ngoại. Nhưng đó là trường hợp của người khác; còn đối với Gaston, gã cố tình quên đi bên nội và hãnh diện coi mình như người Việt nam. Đâu đâu người ta cũng gặp gã; nếu ai "ra ngoài đường đi chơi, là phải gặp Gaston". Cái tên của gã trở thành quen thuộc với tất cả mọi người "quận 5, 6 dọc ngang khu La tinh, từ công trường Maubert đến Montparnasse, từ vườn Lục xâm bảo đến vòi nước Saint Michel". Đó là phần giới thiệu về gã. Còn chính gã, gã hoàn toàn không quan trọng đối với xã hội cũng như với người đồng hương. Có gã cũng được, không có gã người ta càng mừng. Nhưng có điều chua chát và

khôi hài hơn nữa là cũng chính một mình gã đương đầu với một tên da đen, "khổ người thước tám", khi tên này dám gọi Gaston là Việt cộng. Một người hoàn toàn không cần thiết ở đời và cũng chính người này lộ chất quân tử khi bị gán ghép một danh từ không có tầm quan trọng lắm đối với gã. Gaston là ai? Chắc chắn nhiều người sẽ tự hỏi. Gaston có phải là một hình ảnh phất phơ bên cuộc sống mà mất nó chúng ta mất luôn niềm tự tin về chính con người chúng ta? Giữa một xã hội vàng thau lẫn lộn, Gaston xuất hiện không có gì đặc biệt. Gã không phải thứ người hét ra lửa, hoặc đội đá vá trời gì, nhưng chỉ một hành động nhỏ thôi, gã đã làm nhiều người thán phục gã mặc đầu gã không hề để ý đến những gì người khác nói về gã. Gaston là một anh hùng? Hành động ngay lúc đó có tự nhiên hay tác giả cố tình nhét vào tay chân miệng gã những việc làm mà đối với bản chất thật sự của gã không cho phép? Nếu nhìn kỹ hơn, một nhân vật làm một chuyện gì đó không hề ý thức về kết quả như người đọc mong đợi sẽ có giá trị nhiều hơn một kết quả đã có qui luật hẳn hoi. Xét từ con người của gã, thái độ phản kháng của Gaston có thể được coi rất bình thường. Gã có thể được coi như anh hùng lắm chứ. Tóm lại, với một nhân vật khá lạ lùng, Đỗ Kh. đưa ra một quan niệm về anh hùng khác hơn những quan niệm đã có sẵn.

*

Mặc dầu chưa đạt được tầm vóc lớn, văn Nguyễn Hiền Thảo có nhiều điểm đáng chú ý. Nguyễn Hiền Thảo viết về nỗi bơ vơ, xa lạ của con người trong cuộc sống văn minh. Tác giả đặt ra những câu hỏi về hiện hữu và hư vô, về cái "được" đối chọi với cái "mất" nếu cái "được" không còn. Chung quanh tiểu thuyết của Nguyễn Hiền Thảo bao phủ màu sắc triết lý, cùng những định luật tồn tại, biến đổi, và vô hạn. Trong "Giữa Trưa, Những Bông Hoa", tác giả lộ vẻ thương tiếc những đặc chất sâu thẳm của một bản thể đánh mất khả năng sinh tồn. Một con chó bị thiến. Một tiềm lực bị hủy hoại vì tính chất độc ác của kẻ duy trì nó. Trong "Dọn Sang Nhà Bên Cạnh", Nguyễn Hiền Thảo nói lên sự trống trải, cô quạnh, và những vết nhơ bám chặt số phận con người. Nói đúng ra, vết nhơ không tự nó có mà tại con người gây ra, cũng như gián trong khu chung cư chỉ xuất hiện khi có người ở. Bên cạnh đó "*American Dream*", một giấc mơ tác giả đã tìm thấy, nhưng hụt hẫng, chới với vì "mặt trời đã khuất sau tấm billboard". Tuy chưa khai triển hết những khía cạnh có thể khai triển được, "Ánh Sáng Trong Căn Phòng Mù" và "Ở Một Nơi Toàn Là Đàn Ông" là hai truyện ngắn khá nhất của Nguyễn Hiền Thảo.

Có một điều là lạ, trong "Ở Một Nơi Toàn Là Đàn Ông", người đọc thấy tác giả sử dụng bút pháp của Virginia Woolf và Doris Lessing, hai nữ

sĩ người Anh. Câu chuyện kể về một người đàn bà có chồng, nhưng y bị lệch lạc về sinh lý. Nàng không thỏa mãn với y cũng như với cuộc sống hiện tại, và trong đầu có ý nghĩ ngoại tình hoặc đã ngoại tình rồi. Từ những người đàn ông vai u thịt bắp, nàng muốn đi xa hơn, đi tìm giá trị đích thực của cuộc đời và ý nghĩa về sự hiện hữu của nàng. Nàng tìm thấy gì? Chỉ thấy chồng nàng đang quỳ gối, man dại rờ vuốt một bức tượng đàn bà lõa thể vô tri vô giác. Nàng chợt hiểu ý nghĩa cuộc đời, một cuộc đời "không dài mà cũng không ngắn". Tuy câu chuyện kết thúc hơi vội, Nguyễn Hiền Thảo cũng nêu lên một ý nghĩ khá trừu tượng về nỗi trống rỗng mênh mông của cuộc đời. Hơn nữa, những tạm bợ và phi lý vẫn tiếp diễn, và con người sinh ra để dễ dàng chấp nhận, hoặc để tranh đấu một cách tuyệt vọng. "Ánh Sáng Trong Căn Phòng Mù" viết về mặc cảm của một anh sinh viên Việt nam, quen với một cô bạn người Mỹ có "thân hình màu mỡ phì nhiêu". Nàng không đẹp, dĩ nhiên, và ý tưởng phải làm tình với nàng tạo cho hắn một cảm giác buồn mửa. Nhưng cũng chính thái độ từ chối tàn nhẫn của hắn đã thay đổi hẳn cuộc đời nàng. Xấu, tốt không ai biết! Người đọc chỉ biết nàng bỏ học và chấp nhận một thực tế chua chát nhất: nàng không bao giờ lấy nổi cái bằng đại học. Những dằn vặt và suy tư của nhân vật chính trong truyện này tựa tựa như những ý nghĩ của Hofmiller trong *Beware of Pity* của Stefan Zweig. Cả hai nhân vật đều làm một việc ngu xuẩn nhất là từ chối một cách phũ phàng tình yêu của hai người con gái bất hạnh, nhưng thương họ hết lòng. Đấy có lẽ là thứ bi kịch hiện đại, trong đó, con người muốn với tới chân lý tuyệt đối, nhưng càng với, hắn càng chao đao, hụt hẫng.

*

Cho đến truyện ngắn "Những Gặp Gỡ Bất Ngờ", Nguyễn thị Thanh Bình có chiều hướng tiến xa trong lãnh vực tiểu thuyết. Cũng như Nguyễn Hiền Thảo, Nguyễn thị Thanh Bình nói về nỗi bâng khuâng, mất mát trong cuộc sống hiện tại. Gặp một người đàn ông trong một công viên lạ, nhân vật "tôi" tưởng là gặp lại một quá khứ đã đánh mất. Hai người nói với nhau những lời vô thưởng vô phạt. Nàng hy vọng gã sẽ chia xẻ, hoặc ít nhất, có một người Việt nam để nàng nghe và được nghe, hiểu và được hiểu. Nhưng cuối cùng gã làm nàng ghê tởm vì hành động thác loạn sinh lý của gã. Câu chuyện kết thúc hơi bất ngờ; nhưng dầu sao, trong truyện này, Nguyễn thị Thanh Bình tạo một nhân vật xa cách hẳn lối nhân vật lý tưởng. Người đàn ông chỉ là nạn nhân của kiếp sống cô đơn và dồn nén. Tựu chung, gã đáng thương hơn đáng trách. Gã mất tất cả, chỉ còn lại niềm vui mỗi chiều ra công viên liệng bánh mì cho chim bồ câu ăn, và buổi tối đứng thủ dâm

trước tấm hình người đàn bà lõa thể. Hai người xa lạ gặp nhau nơi công viên, nơi mọi người đến rồi đi. Công viên tượng trưng cho những gì gãy đổ, chia cách và ly biệt. Giống như chim bồ câu, chúng chỉ đến khi có người lạ muốn cho chúng ăn, và rồi chúng sẽ bay đi khi đã no đủ. Nếu cuộc đời giống như điểm hẹn nơi công viên, có lẽ văn Nguyễn thị Thanh Bình thuộc khuynh hướng bi quan (pessimism). Không còn hy vọng gì cả, phía trước núi, phía sau sông, và đi là chấp nhận số phận cay nghiệt mà cuộc đời đã dành sẵn cho mọi người.

Trong nhóm nhà văn *Văn Học* giới thiệu trên số 41, "Bà Lão" của Cao Huy xuất sắc hơn cả. Nếu cứ tiếp tục viết, Cao Huy rất có thể đạt được tầm vóc của Kafka, Dostoyevsky, Sartre hoặc Camus. Chỉ trong một truyện ngắn, Cao Huy đưa ra biết bao nhiêu câu hỏi triết lý về sống và chết, ý thức và vô thức, lương tâm và cuồng bạo, hữu hình và vô hình, hữu lý và phi lý, tội ác và sự xâu xé, Thượng đế và nỗi bất lực của Ngài. Tóm lại, Cao Huy đào sâu vào những ám ảnh làm tê liệt trí tưởng tượng của con người. Tác giả đặt lại những câu hỏi rất khó trả lời. Hơn nữa, những phi lý như chiếc đồng hồ không có kim, một người tự nhiên chết, xác chết không cánh mà bay, nhà pháp thuật không bao giờ làm phép mặc dù có thể làm được, cũng đáng ngờ như câu hỏi: Thượng đế có hay không? Trong "Bà Lão", nhân vật "tôi" chạy trốn một tội ác mà y không bao giờ phạm. Y không giết bà lão, và cũng không hề có ý định giết bà, tuy sau đó có ý hành hạ bà vì không chịu được sự hiện diện của thi thể bà. Hành động hợp lý, theo y, là liệng xác bà lão xuống một đầm lầy nào đó và tiếp tục sống. Trong khi chờ đợi, y cố gắng tìm kiếm giá trị của cuộc sống cũng như những phi lý của cuộc đời. Y gặp một người con gái mua bánh mì giúp y, tin có Thượng đế, và chịu lên phòng riêng của y. Y cũng gặp Châu, bạn y, người từ chối trả lời câu hỏi, "Ông có tin vào thượng đế không?" vì câu hỏi như vậy là "một hành động bất lịch sự và không đẹp". Cốt truyện khá phức tạp, nhưng chung quy vẫn là cái xác bà lão mà nhân vật chính cần giải quyết. Câu chuyện nêu lên cái trống rỗng gần như tàn bạo về một người không thỏa mãn với tất cả những gì trên đời. Y bào chữa một cách tuyệt vọng vào bất cứ cái gì có thể bào chữa được. Y quay cuồng trong nỗi xót xa, thù hận mọi người, ngay cả chính y. Y cố gắng đạp đổ quy luật tự nhiên (law of nature) và trật tự của mọi vật (order of things). Ở một góc độ nào đó, ý muốn trở thành siêu nhân, nói như Nietzche, vượt qua tất cả thiện, ác và tiến tới một chân lý vĩnh cửu. Không ai biết y thành công hay thất bại, nhưng y xuất hiện như một nhân vật khá độc đáo trong văn chương hiện đại.

Cũng trong nhóm ở Úc, Cheo Reo viết "Một Vài Mẩu Đời Với Phần

Phụ Chú" rất hiền hòa và nhẹ nhàng. Giữa làn sóng văn chương triết lý, văn chương chính trị, văn chương phân tâm học, ít khi người đọc tìm được một bài viết mang nặng tính chất *"one day in the life of..."*. Viết về đời sống hàng ngày cũng như những công việc vụn vặt từ sáng đến tối, nếu không khó, cũng rất dễ thất bại. Khó khi đưa chủ đề vào, khi dùng động tác của nhân vật nói lên sự suy nghĩ trong đầu họ, khi muốn *symbolize* thứ này cho thứ khác, và khi câu chuyện hoàn toàn vô nghĩa vì không nói được điều gì. Cũng có người thành công với lối viết như vậy, chẳng hạn James Joyce đã viết *Ulysses,* hoặc Solzhenitsyn cuốn *One Day in the Life of Ivan Denisovich*. Cheo Reo không nói gì nhiều. Đúng ra, tác giả chỉ vẽ lại khung cảnh cùng con người chung quanh, và những suy nghĩ của tác giả về đời sống đó. Tác giả mong muốn có một nền văn chương hiện thực (realism), mà theo ý tác giả, "HÃY SỐNG CHÂN THẬT, VIẾT CHÂN THẬT và MỞ LÒNG RA". Không hổ thẹn khi nhìn một người đàn bà "nhan sắc cỡ trung bình", hoặc mải mê ngắm cuốn *"cẩm nang tình dục"*, và trên hết, đừng phán đoán người nào khi chưa biết rõ họ vì họ cũng là "những con người, bạn ơi, họ là những con người". Nói chung, cũng như William Saroyan (một nhà văn tác giả tự nhận chịu nhiều ảnh hưởng), Cheo Reo chỉ lập lại tất cả những gì mà mọi người đã biết. Nhưng qua tác giả, người đọc cảm thấy yêu cuộc đời hơn, dễ tha thứ hơn, dễ chấp nhận hơn, ít mặc cảm hơn và bớt đi hận thù.

*

Tuy không nổi bật lắm, truyện của Hoàng Mai Đạt có một số nét độc đáo về những xung đột nội tâm trong các nhân vật. Văn Hoàng Mai Đạt đìu dịu, như một lối nói tâm tình giữa tác giả và thiên nhiên, mà trong đó, cây cỏ hoa lá chiếm phần quan trọng. "Khu Vườn Của Ông" kể lại câu chuyện đứa cháu, Đoàn, về thăm bà ngoại và dì sau nhiều năm xa cách. Mặc dù được tiếp đón nồng hậu, Đoàn vẫn bị ám ảnh về cái chết hoặc hình ảnh của ông ngoại, người đã "không bao giờ nhớ tới đứa con đứa cháu, như ông đã từng không nhớ tới lúc còn ở quê nhà". Đoàn không nói rõ nguyên nhân nào bị ông từ chối, chỉ phảng phất đâu đó, một người ông thích bỏ tiền chăm lo vườn tược hơn bỏ tiền cho con cháu. Trong truyện này, Hoàng Mai Đạt cố gắng gói ghém một tình cảm tha thiết mà vô tình bị đánh mất vì những xung đột tầm thường. Có lẽ Đoàn đi tìm chính mình, đi tìm một cội nguồn lạc loài đâu đó trong đời, nhưng tìm gần đến, nó càng đi xa. Đoạn cuối, tác giả cố tình vẽ ra một thứ *happy ending*, nhưng theo diễn biến của câu chuyện, những đoạn kết như vậy hoàn toàn vô giá trị. Đoàn không thể tìm thấy hạnh phúc dễ dàng như thế. "Một Mối Tình Đẹp Tuyệt

Vời" viết về sự xung đột giữa hai anh em, Đạo và Minh, và một bà mẹ phải đứng chứng kiến cảnh hai thằng con tàn sát lẫn nhau. Hình như đây là điểm tác giả thành công nhất, nhưng Hoàng Mai Đạt lại không đi sâu vào. Chỉ có Đạo và Minh nổi bật, còn những nhân vật khác như Nhi Nhi và Kathy không được sống động cho lắm.

Tuy nhiên, những suy tư của Đạo cho thấy Hoàng Mai Đạt rất khá về kỹ thuật khai thác tâm lý; hơn nữa, Hoàng Mai Đạt nắm vững từng chi tiết của cốt truyện, từng câu đối thoại của nhân vật, và từng cảm xúc bất chợt đến với nhân vật. Hoàng Mai Đạt sẽ còn tiến xa.

*

Nếu Nguyễn thị Thanh Bình thuộc khuynh hướng bi quan, Trân Sa có lẽ còn bi quan gấp bội. Trân Sa nhìn vào mặt trái của con người, những khía cạnh đen tối mà con người chính là nạn nhân của định mệnh, của xã hội, của ngu dốt, ích kỷ và hèn nhát. Văn Trân Sa có giá trị và sẽ trường tồn rất lâu cũng vì lý do đó. Tác giả từ chối vẽ ra một nơi lý tưởng trên hạ giới. Bất cứ kết quả (effect) nào đều có nguyên nhân (cause) của nó. Trân Sa phá vỡ thành kiến của con người giữa xấu và tốt, giữa bản năng tự nhiên và đời sống siêu thoát. Chỉ riêng ở khía cạnh này, có lẽ chưa nhà văn trẻ nào đuổi kịp Trân Sa.

"Người Làm Nở Hoa Quỳnh" nói về một người con gái tên Quỳnh, vượt biên, nhưng không may trở thành tàn phế. Theo lời Quỳnh, nguyên nhân đem đến sự tàn phế của nàng gồm ba thứ, "Tình Yêu, Tự Do và Định Mệnh. Quỳnh đi tìm hai điều đầu tiên và bắt gặp cái cuối cùng". Quỳnh than trách Thượng đế. Ngài có quyền uy nhưng không hề ban phát quyền uy của Ngài. Quỳnh đã đi, đã hiểu và đã thấm thía nỗi mất mát sâu thẳm một phần thân xác bỏ quên trên đại dương. Quỳnh tượng trưng cho sự kỳ diệu, cho một tiềm lực muốn vươn lên tất cả, nhưng ngã gục vì định mệnh đã gắn sẵn cho nàng hai chữ bất hạnh. Qua Quỳnh, người đọc thấy trước mắt vời vợi một hố thẳm đen tối mà con người bất lực, không thể vượt qua nổi.

"Giữa Những Hàng Ghế Trống", truyện khá nhất của Trân Sa, viết về một người đàn bà ba mươi tuổi, rất kiêu hãnh và có người yêu tên N. cũng không kém kiêu hãnh như nàng. Ngay từ nhỏ, nàng có thói quen chơi một trò chơi được gọi "phát huy lòng trắc ẩn". Qua trò chơi này, nàng làm bao gã đàn ông điêu đứng vì nàng chỉ giả bộ yêu họ, nhưng không bao giờ chịu đầu hàng trước họ. Sau này, chính nàng là nạn nhân của trò chơi nguy hiểm nàng đã đặt ra. Nàng ích kỷ và gã N. còn ích kỷ hơn nàng nữa. Nàng gián tiếp chịu trách nhiệm về cái chết của P., một người đàn ông rất thương

nàng nhưng không được đẹp trai và hào hoa cho lắm. Mặc dù tác giả tả P. không được như những chàng trai anh hùng nào đó, hoặc không được như N., người đọc mến P. rất nhiều. Bỏ qua sắc diện bề ngoài, P. có tấm lòng quảng đại, và trên hết, yêu nàng thành thật. Trò – chơi – tình – yêu, nếu được gọi như vậy, nàng đem ra *praticed* với P. là một lỗi lầm tai hại nhất mà nàng phạm phải trong đời. P. có trái tim, biết yêu, biết đau khổ, biết tuyệt vọng, và biết tìm cái chết khi hy vọng lấy nàng không thành. Gã N. chỉ biết chạy trốn vì thái độ ghen tương ngu xuẩn của gã. P. không vậy. Hắn đối diện với một sự thật thê thảm mà hậu quả hắn đã lường trước được. Hắn chỉ làm một việc mà rất nhiều người sẽ làm nếu rơi vào tình trạng tương tự. Ý chí và nghị lực là gì nếu không đạt được kết quả ý chí và nghị lực mong muốn? *Tragedy in life*, nếu thật sự như thế, cái chết của P. đáng được coi như anh hùng.

Trong "Bão Tuyết" Trân Sa kể câu chuyện một người đàn bà Việt nam bị một tên bản xứ da trắng hãm hiếp trong một hôm bão tuyết. Nàng nghĩ mình có thai sau lần ngộ nạn, nhưng không chắc chắn. Xuyên qua câu chuyện, nàng hoài nghi giá trị nền văn hóa nàng đang chung đụng. Như đã nói ở trên, *cause and effect* là hai chủ đề lớn Trân Sa muốn đi sâu vào. Người đàn bà trong truyện có phải là nạn nhân của một xã hội mà con trẻ đã không có được tình thương ngay từ thời thơ ấu? Nguyên nhân nào đưa hắn đến hành động xâm phạm người khác? Hay một phần thú tính đàn ông vẫn nằm đâu đó và chờ cơ hội bùng phát? Trân Sa không nói rõ câu trả lời, nhưng tác giả ám chỉ bằng cách này hay cách khác về một nền giá trị luân lý và đạo đức đang bị sụp đổ trong xã hội văn minh. Bên cạnh những vấn đề này, Trân Sa nói bóng gió ý nghĩa cơn bão tuyết, những lúc tai họa có thể xảy ra, và tác giả cũng đề cập đến những thú vui trong cuộc sống không cần thiết phải mất đi như chuyện hút thuốc chẳng hạn. Hai ngụ ý sau không thành công cho lắm.

*

Mặc dù chưa nổi bật, "Cõi Riêng" của Trịnh Gia Mỹ có một số ưu điểm cần được nhắc đến. Cốt truyện rất đơn giản. Đài, nhân vật chính trong truyện, từ chối bước thêm bước nữa với Huy vì nàng nghĩ rằng sau Hiệp, người chồng đã chết trên đường vượt biên, nàng không thể yêu ai được nữa. Nếu có chăng đó chỉ là lòng thương hại chứ tình yêu chỉ đến một lần với một người và không bao giờ trở lại lần thứ hai. Nếu câu chuyện như vậy không có gì mới lạ, Trịnh Gia Mỹ rất khá về khả năng sử dụng ngôn ngữ và đưa cảm xúc vào trong bài viết. Không phải chỉ có chết mới xin được nước mắt người đọc, những suy nghĩ và trăn trở của Đài cũng nói lên nhiều trạng

thái chân thật của một tâm hồn cô đơn đi tìm giá trị vĩnh cửu. Đài không khóc, người đọc khóc thay cho Đài. Giữa hai con đường, Đài chỉ được chọn một, và quyết định cuối cùng của Đài nói lên ý chí thật mạnh trong bất cứ một người còn sống nào. Trịnh Gia Mỹ nêu ra những trái ngược trong cùng một hạnh phúc, một duy lý và một khát khao. Hôn nhân có thể tạo nên hạnh phúc, nhưng đây là một định lý không bền vững vì Huy có thể đem đến cho nàng tất cả, ngoại trừ một điều: Huy không phải là Hiệp. Nói chung, văn Trịnh Gia Mỹ hiền lành, không gào thét điều gì, nhưng cũng nhờ vậy, nói được rất nhiều.

*

Chân Phương xuất hiện bằng một truyện ngắn rất lạ, "Một Chỗ Không Người". Đấy chính là thể văn khó viết và khó thành công nhất. Như đã nói trong phần Cheo Reo, không phải ai viết *"one day in the life of..."* cũng được. Cho đến bây giờ, có lẽ Chân Phương là người thành công nhất trong thể loại này. Câu chuyện chỉ kể lại những việc vụn vặt, Cang làm trong hội thiện nguyện. Qua các nhân vật như sơ Dorothy, cha Hoàng, lão Hung gia lợi Ibe, cô Rattana người Miên và Stephany người bản xứ, tác giả phác họa lại một bức tranh sống động về sự hội nhập của người tỵ nạn trong xã hội mới. Chân Phương còn tô thêm trên bức tranh của mình nào là ý nghĩa và giá trị mỗi sự việc, cái nhìn ngơ ngác trước mọi vật, một bức tượng Thánh giá bị bỏ quên, và một khu downtown đầy dẫy những tòa nhà thương mại. Từ miếng bánh mì sandwich cho đến ly café không bỏ đường, tác giả đã nói lên không biết bao nhiêu lời châm biếm về tình trạng đồng hóa. Giữa những *cultural gaps* và *cultural shocks*, tác giả trình bày nỗi cô quạnh và điêu tàn từ một đời sống đang mất dần đi nét yêu kiều của nó. Tượng Thánh giá Chúa bị bỏ quên. Loài người rồi cũng quên Chúa đi hoặc đóng đinh Chúa lần nữa khi họ đã đạt được tất cả những gì họ ao ước. Hình như nơi cứu rỗi loài người trong truyện này không còn ở đâu nữa, ngay cả trong nhà thờ, nơi Chúa gần gũi nhất. Tóm lại, Chân Phương phóng ra một hoạt cảnh rộng lớn mà chưa nhà văn trẻ nào làm được. Không cần phân tích nội tâm hoặc bố cục chặt chẽ gì cả, Chân Phương đưa vào văn chương của mình một nét uyển chuyển, độc nhất và nhiều màu sắc. Bên cạnh đó, đọc Chân Phương là đọc lại bản tóm tắt cuộc đời mỗi người tỵ nạn, và hơn nữa, đọc lại nỗi trống trải hoang mang trên một vùng đất hoàn toàn xa lạ.

*

Cuối cùng là một nhà văn trẻ mới xuất hiện gần đây trên *Văn Học*: Nhược Thủy. "Dòng Sông Sa Mạc" chưa được hoàn hảo cho lắm, nhưng Nhược Thủy cho người đọc thấy một trí óc sáng tác dồi dào vẫn còn tiềm

tàng đâu đó trong nhà văn trẻ này. Nhược Thủy viết về những *conflicts* giữa cha và con, giữa nền văn hóa này với nền văn hóa khác một cách điêu luyện. Tác giả lồng vào câu chuyện những dị biệt, xung đột vẫn xảy ra liên miên trong các gia đình tỵ nạn Việt nam. Viết về những vấn đề tế nhị như thế, tác giả vẫn giữ một lối viết gần như không có thành kiến. Tâm, cô gái trong truyện, chứng kiến cảnh chị Vĩnh bỏ nhà đi vì không chịu được sự cố chấp của người cha. Chị Vĩnh tuy đi khỏi nhà nhưng vẫn thỉnh thoảng trở về thăm lại một nơi mà chị không thể nào dứt lìa ra được. Cuối câu chuyện, chị Vĩnh trở về nhà luôn sau khi đã săn sóc và đưa người yêu chị, Albert, tới nơi yên nghỉ cuối cùng. Qua câu chuyện, Nhược Thủy gợi nên những mất mát đang ăn mòn trong tâm hồn mỗi người tha hương. Người cha và chị Vĩnh tiêu biểu cho hai thế hệ không bao giờ xích lại gần nhau được vì đối chọi trên tư tưởng và trên thành kiến muôn đời vẫn có trong lớp người già. Người cha cuối cùng đã thắng, nhìn chị Vĩnh thất bại trở về. Nhưng trong niềm chiến thắng đó, ông nhận thấy nỗi bất lực xót xa của mình trước con cái, trước cảnh đời mà ông không đủ uy lực làm theo ý ông, tuy ông vẫn tiếc nuối, như chuyện ông mở hé cửa phòng để nghe tiếng nói của chị Vĩnh mỗi lần chị về thăm. Tuy chưa rõ nét hoàn toàn, Nhược Thủy có rất nhiều hứa hẹn tiến xa hơn.

*

Qua mười nhà văn kể trên, người đọc thấy sức sáng tác tuyệt diệu trong nền văn chương mới. Có lẽ còn quá sớm để nhận ra giá trị thực sự trong những tác phẩm của họ. Bài viết này chỉ là một cố gắng để đi sâu vào những chủ đề đang là mối suy tư đối với các cây bút mới xuất hiện gần đây. Theo nhận xét hiện tại, những tác phẩm giá trị thường được viết sau năm nhà văn bốn chục tuổi. Tuy nhiên, mười cây bút trên hứa hẹn nhiều thành quả đáng kể. Họ sẽ tiêu biểu cho một giai đoạn trong nền văn học lưu vong. Sau hết, người viết cảm thấy có hơi bất công khi đưa ra một đề tài lớn mà không bao gồm trọn vẹn những cây bút trẻ giá trị khác. Mặc dù đã cố gắng với cái nhìn khách quan và mặc dù đã đọc lại rất nhiều truyện ngắn đăng trên *Văn Học* từ hai năm trở lại đây, người viết vẫn cảm thấy thiếu sót vì không bàn đến những cây bút trẻ khác trong những tạp chí văn chương như *Văn, Làng Văn*... Nếu chưa đọc, hoặc đọc nhưng không nhận ra chân tài của nhiều cây bút khác, người viết thành thật xin cáo lỗi và mong được chỉ giáo thêm.

Eastern Washington University

chuyện dài

NGUYỄN ĐỨC LẬP

phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động

●

Ông chủ Thạnh ra dấu cho Hai Quờn tấp chiếc xuồng vô lùm bình bát mọc dựa mé rạch. Nửa chiếc xuồng đã đâm sâu vô lùm mà ông chủ Thạnh còn liếc mắt có ý biểu Hai Quờn sấn thêm vô.

Lùm bình bát um tùm. Ông chủ Thạnh và Hai Quờn lom khom dưới xuồng, nếu có ai đi ngang qua, không dễ gì mà ngó thấy.

Muỗi từ trong lùm, bị động, bay ra như trấu vãi, táp vô mặt hai người. Ông chủ Thạnh và Hai Quờn chỉ đưa tay vuốt, chớ không dập.

Trong khi Hai Quờn đang cố trân mình chịu đựng sự tấn công của bầy muỗi bất nhơn, ông chủ Thạnh khẽ vạch những nhánh bình bát, len lén nhìn lên gò.

Suốt một tuần rồi, đêm nào ông chủ Thạnh cũng bắt Hai Quờn chống ghe, lủi vô lùm, để cho ông quan sát.

Trên gò là một căn chòi nhỏ mới cất. Nơi mà sư Tâm Đức đang cư ngụ.

Sau buổi gặp gỡ, ông chủ Thạnh giữ lời hứa. Sáng hôm sau sư Tâm Đức trở lại, ông đã dắt người khách này ra cái gò ở cuối vườn. Cái gò này, theo ông chủ Thạnh là nơi ông đã chôn một số thân nhơn ở đây. Gò là đất thổ mộ của nhà ông.

Ông chủ Thạnh thường nói với mọi người là ông không có thân nhơn. Vậy mà trên gò, lác đác, có vài nấm mộ. Người ta không biết những người nằm dưới mộ liên can ra sao với ông chủ Thạnh. Ông Hương Hào Lỹ khi chết, cũng nằm ở đây.

Ông chủ Thạnh chánh thức lên tiếng yêu cầu những tá điền của ông không được lên gò. Ông nói ông không muốn ai khuấy phá nơi yên nghỉ của thân nhơn ông.

Chung quanh gò, ông có trồng một bờ tre để tạo sự cách biệt giữa miếng đất thổ mộ với ngôi vườn.

Khi được ông chủ Thạnh dắt ra, chỉ cho coi cái gò, sư Tâm Đức gật đầu mừng rỡ.

– Chỗ này được đây.

Ông chủ Thạnh ân cần:

– Ở đây, thầy khỏi sợ bị ai dòm ngó, khuấy phá. Thầy yên tâm mà lo việc tu hành kinh kệ, tôi cũng yên tâm đã kiếm được chỗ tốt cho thầy.

Ông chủ Thạnh ngỏ ý muốn kêu một vài người tá điền tới đặng lo dựng am cho sư Tâm Đức. Nhưng, nhà sư đã gạt ngang. Nhà sư chỉ xin ông chủ Thạnh một ít cây, lá và mượn rìu, búa. Nhà sư muốn chính tay xây dựng lấy chỗ ở.

Thời gian sư Tâm Đức dựng chùa, mỗi ngày, ông chủ Thạnh đều có ra thăm và đem cơm nước ra cho khách.

Mỗi lần thấy mặt ông chủ Thạnh, khách, cho dù đang làm việc gì, cũng ngừng tay để chào hỏi.

Lối chào của sư Tâm Đức bao giờ cũng vậy, bàn tay trái khép kín, dựng thẳng trước ngực, đầu hơi cúi, lưng thẳng băng.

Trong khi khách lui cui làm việc, ông chủ Thạnh thường đứng kề bên mà hỏi han nhiều việc.

Sư Tâm Đức ít nói. Trước những câu hỏi của ông chủ Thạnh, nhà sư chỉ ừ hữ qua loa. Cho tới khi cái am cất xong, ông chủ Thạnh cũng chỉ biết được rằng khách là một du tăng, theo thầy xuất gia từ nhỏ, bước chưn đã từng đi qua nhiều nơi, có lúc đã lên tới tận Nam Vang.

Khi ông chủ Thạnh hỏi:

– Cớ gì mà thầy lại chọn vùng nầy để tu?

Sư Tâm Đức cười hiền lành:

– Đất lành chim đậu.

Am cất xong, ông chủ Thạnh cảm thấy không được vui, vì cái am nhỏ xíu, sơ sài, coi bộ còn thua mấy cái tum cất dọc bờ ruộng để chăn vịt hay để ngủ canh chừng lúa. Diện tích trong am chỉ vừa đủ cho khách đặt một cái bàn thờ, một cái bàn nhỏ và một cái giường tre. Khách có che một cái chái ở sau am để làm nơi bếp núc.

Tuy sư Tâm Đức không hề có một lời xin, ông chủ Thạnh đã cùng với Hai Quờn, đem gạo muối, nồi niêu ra tặng cho khách. Sư Tâm Đức tạ ơn ông chủ Thạnh bằng một nụ cười, không nói thành lời.

Ông chủ Thạnh ngỏ lời để cho bà chủ Thạnh ra thăm am, trước là để

lạy Phật, sau là để hỏi han nhiều điều khúc mắc trong đường tu. Nhưng, sư tâm Đức một mực từ chối. Ông chủ Thạnh không van nài, ông ngoắc Hai Quờn đi về.

Vừa đi, Hai Quờn vừa cằn nhằn:

– Cái gì kỳ cục vậy. Đất của người ta, mình tới ở. Cây lá của người ta, mình che chòi. Nồi niêu của người ta, mình xào nấu. Gạo muối của người ta, mình ăn. Vậy mà sao vợ người ta muốn tới lạy Phật, mình lại không cho?

Ông chủ Thạnh rầy Hai Quờn:

– Bay là đờn ông mà cái miệng của bay cằn nhằn chẳng khác thể đờn bà.

Ông cắt nghĩa:

– Đạo Phật có nhiều phái. Có phái không được cầm tiền. Có phái không được ngồi cao quá mặt đất bốn tấc. Có phái chỉ ăn mỗi ngày một bữa đúng ngọ. Biết đâu ông thầy nầy thuộc phái không cho nói chuyện với đờn bà.

Hai Quờn vẫn chưa hết bực:

– Sao tui nghi ông thầy nầy quá, chủ à.

Ông chủ Thạnh nạt ngang:

– Đừng có nghi bậy nghi bạ. Chưa nắm được bằng cớ đích xác, mình không nên nghi. Nghi oan cho người, nhứt là người tu hành, mang tội chết.

Tuy la dứt Hai Quờn làm vậy, nhưng qua những hành động, ông chủ Thạnh đã cho thấy rằng, không phải là ông không nghi. Ông vẫn để tâm theo dõi sư Tâm Đức...

Ông chủ Thạnh chăm chú ngó lên cái am của sư Tâm Đức. Một ánh sáng vàng vọt, heo hắt, theo kẽ vách, chiếu ra ngoài. Bảy đêm rồi, ông chủ Thạnh không hề nghe sư Tâm Đức đọc một câu kinh. Như vậy, có nghĩa là sư Tâm Đức chỉ đọc kinh vào buổi sáng, như đã có phen ông núp bên bờ tre mà nghe được.

Hồi đầu hôm, khi ông biểu Hai Quờn chuẩn bị chèo ghe cho ông, y đã cằn nhằn:

– Mình rình sáng đêm rồi, chủ. Có thấy cái gì khả nghi đâu.

Chính y đã nói ra miệng "sao tui nghi ông thầy nầy quá", vậy mà rình rập mới có sáu đêm, coi mòi y đã thối chí.

Ông chủ Thạnh lại phải cắt nghĩa:

– Nghi đây là bay nghi. Người ta ăn ở còn lâu ở trong điền của mình. Nếu bay chưa hết nghi, gặp người ta, bay sẽ làm bộ mặt bò hung, coi sao cho tiện. Đây là tao muốn, một lần một, làm cho bay hết nghi...

Ông chủ Thạnh hơi giựt mình khi nghe trong chòi có tiếng tằng hắng khá lớn. Ông chủ nhìn lên, cố hết sức vảnh tai lên nghe.

Từ trong chòi, có tiếng sư Tâm Đức vọng lên. Không phải là tiếng kinh kệ, mà là một giọng ngâm:

Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chếch sao mai
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao tà?
Đêm đêm tưởng giải ngân hà
Chuôi sao tinh đẩu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê nước chảy vẫn còn trơ trơ... (1)

Giọng ngâm nghe trầm hùng mà phảng phất có hơi hiu hắt, thê lương. Nếu không biết rõ người ngâm, ai nghe được, chắc rằng không nghĩ đây là một nhà sư.

Hai Quờn càu nhàu:

– Kinh kệ gì kỳ vậy? Từ nhỏ tới lớn chưa nghe qua. Nghe buồn muốn thúi ruột.

Ông chủ Thạnh khẽ "suỵt" một tiếng. Hai Quờn câm miệng hến.

Ở trong chòi, sư Tâm Đức bỗng đổi giọng, ngâm sang sảng:

Bấy lâu bay bổng cánh chim hồng
Lạc lối giờ ra phải máy cung
Chín suối có thiêng hồn tổ quốc
Trăm năm còn tạc gánh tang bồng
Đổi đời nghĩ gớm câu dâu bể
Thố lộ cùng ai chuyện núi sông
Thôi để làm gương cho sắp bé
Ngàn năm trong nước dấu anh hùng (2)

Ông chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Thiệt quả không sai.

Ông ra dấu cho người gia nhơn thân tín lui xuống.

Sáng hôm sau, ông chủ Thạnh vội vàng qua nhà ông Hương Giáo Kiểm.

Nhà ông Hương Giáo nằm sát mí đất của ông chủ Thạnh. Tuy nhiên, từ nhà ông chủ Thạnh, muốn qua nhà ông Hương Giáo, phải đi vòng một đỗi khá xa, để tránh con mương.

Thấy bạn qua thăm sớm, ông Hương Giáo Kiểm mừng tíu tít. Ông đón ông chủ Thạnh ở cửa và lớn tiếng hối con gái là cô út Kim Huê nấu nước, pha trà.

Ông chủ Thạnh, sau vài câu xã giao thông thường, ngồi ì trên ghế, bộ mặt chầu bậu.

Ông Hương Giáo Kiểm ngạc nhiên:

– Bộ anh có chuyện gì kém vui hay sao? Mặt mày anh có vẻ không được tươi nhuận.

Ông quan sát mặt ông chủ Thạnh thật kỹ, rồi la lên nho nhỏ:

– Trời ơi, bộ lóng rày anh mất ngủ dữ lắm sao? Mặt mày anh chao vao, hai con mắt trồm lơ, hai quầng mắt đen sì.

Ông chủ Thạnh nói nhỏ:

– Bảy đêm rồi, tôi không có ngủ.

Ông Hương Giáo Kiểm lo lắng:

– Cơ khổ dữ không. Coi chừng anh bị bịnh rồi mà anh không hay.

Ông chủ Thạnh cười buồn:

– Tôi không có bịnh gì hết...

Ông không nói nữa khi thấy cô Kim Huê bưng nước lên mời. Cô Kim Huê là con gái út của ông Hương Giáo Kiểm. Ông Hương Giáo có ba trai, một gái. Ba người con trai đều đi làm ăn, lưu lạc ở phương xa, chỉ có cô con gái út còn ở nhà hủ hỉ với ông bà. Cô Kim Huê đẹp tự nhiên, mình mẩy tay chưn mảnh mai, tóc dài đen mướt, trắng trẻo, thùy mị.

Dường như hiểu ý bạn, ông Hương Giáo Kiểm khoát tay cho con gái đi vô trong. Ông bồn chồn:

– Nếu không có bịnh, ắt là anh có điều lo nghĩ.

Ông chủ Thạnh gật đầu. Ông Hương Giáo Kiểm giựt mình:

– Hay là...?

Ông không hỏi hết câu, nhưng dường như ông chủ Thạnh hiểu. Ông chủ Thạnh vội khoát tay:

– Không phải chuyện đó.

Ông ngần ngừ một chút rồi hỏi:

– Anh có biết là trong điền của tôi, mấy bữa nay, có một người lạ tới che chòi ở tạm không?

Ông Hương Giáo Kiểm vội vàng:

– Có. Là một ông thầy chùa. Vợ tôi đi chợ, có nghe ngoài chợ bàn tán.

Ông chủ Thạnh hơi sửng sốt. Khách không đi ra ngoài. Tới vợ ông,

khách cũng không thèm tiếp. Vậy, cớ sao ngoài chợ lại biết. Đây chắc là do mấy cái miệng thèo lẻo của mấy đứa gia nhơn. Ông chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Trong nhà chưa rõ, ngoài ngõ đã hay.

Ông Hương Giáo Kiểm bâng khuâng:

– Khách ngụ tại nhà anh hồi đó tới giờ cũng nhiều. Vậy sao bây giờ anh lại có ý lo?

Ông chủ Thạnh cười gượng:

– Khách nầy kỳ lạ lắm. Tôi đã rầy thằng Hai Quờn, biểu nó đừng nghi. Nhưng, tự bụng tôi, tôi cảm thấy nghi ngại còn hơn nó...

Ông kể sơ cho ông Hương Giáo nghe về buổi gặp gỡ đầu tiên với sư Tâm Đức. Ông cũng không quên nói lại những cảm nghĩ của ông đối với nhà sư nầy. Đặc biệt, ông nói về những câu thơ mà ông nghe sư Tâm Đức ngâm vào đêm rồi:

– Rất tiếc là tôi không nhớ được hết những câu thơ của ông sư Tâm Đức. Nhưng theo ý tứ của những câu thơ nầy thì rõ ràng đây là một người chỉ mượn lớp áo tu hành để toan tính một chuyện gì khác. Bởi vậy, tôi mới lấy làm lo.

Ông lại lẩm bẩm:

– Lời lẽ thì có vẻ ưu thời mẫn thế, lo nghĩ cho nước, cho dân. Nhưng, trong bụng làm sao mà đọc được.

Ông còn nói thêm:

– Phải chi mà mình biết được tông tích hay phải chi mà y chịu nói hết sự thiệt cho mình, không những mình hết lo, mà còn nghĩ cách mà giúp đỡ cho y được.

Ông Hương Giáo Kiểm bàn:

– Nếu nói như anh thì đây rõ ràng là một người làm chuyện quốc sự. Có thể y bị truy lùng, phải mượn bộ áo nâu sòng để trốn thoát, rồi nghe tiếng anh nhơn đức, mới chạy vô điền của anh mà ẩn thân. Cũng có thể y đang hoạt động, muốn kiếm một chỗ an toàn làm sào huyệt. Nếu quả như vậy thì vụ nầy rối lắm đây.

Ông chủ Thạnh thở dài:

– Anh Giáo à, xưa nay, anh vốn biết tánh tôi. Những người khăng khắng một lòng lo chuyện quốc sự, rủi thất thế mà chạy tới tôi, không bao giờ, tôi từ chối một điều gì hết. Nhưng, khi tới, ít nhứt, họ cũng phải nói rõ mục đích và lý lịch của họ, tôi mới biết thế mà tìm phương day trở. Đàng nầy...

Ông Hương Giáo Kiểm đỡ lời bạn:

– Đàng nầy, y không chịu nói gì hết. Y đã dùng bộ áo tu hành để qua mắt thiên hạ. Y lại dùng bộ áo tu hành tính qua mắt cả anh.

Ông cố tìm cách trấn an bạn:

– Anh chủ à, anh cũng đừng lo lắm mà quá trí. Những người như vậy, thường họ không có làm điều gì bậy bạ đâu. Không nói rõ tông tích, chắc họ có chỗ khổ tâm đó thôi. Đã biết tiếng anh là người trượng nghĩa, tới mà xin tá túc, họ đâu thể để dì hại tới cho anh.

Ông chủ Thạnh buồn xo:

– Tôi cũng chỉ mong như vậy thôi...

Ông Hương Giáo Kiểm nâng tách nước lên mời bạn. Nãy giờ hai người lo say chuyện, nước có mòi đã nguội. Ông Hương Giáo cười to để cho bạn quên những âu lo:

– Như vậy thì có gì phải nghĩ ngợi nữa đâu, anh chủ.

In tuồng như ông chủ Thạnh vẫn còn ray rứt. Mặt ông vẫn bần thần không yên. Ông Hương Giáo Kiểm tìm cách lái câu chuyện qua hướng khác:

– À, mà nè, anh chủ, ông cả Bường đã có tới kiếm anh chưa vậy?

Ông chủ Thạnh lơ là:

– Tôi rời ban hương chức cũng đã lâu. Ổng kiếm tôi làm chi?

Ông Hương Giáo Kiểm cười mũi:

– Nghe nói quận mình sắp có chủ quận mới. Lịnh của quan Tham Biện thì ký đã lâu rồi, nhưng ngày mốt tân chủ quận mới đáo nhậm dinh đường và ra mắt làng, xã. Ông cả Bường đang đi thâu góp để mua lễ mừng. Chắc thế nào rồi ổng cũng tới kiếm anh.

Ông chủ Thạnh làm như không mấy quan tâm tới cái tin sốt dẻo mà ông Hương Giáo Kiểm vừa loan. Ông cứ trầm ngâm nghĩ ngợi. Ông nói nhỏ một mình:

– Một cây côn... không lẽ? ...không phải...

Ông Hương Giáo Kiểm kinh ngạc:

– Anh nói gì? Một cây côn?

Ông chủ Thạnh chối mau:

– Không. Không có gì hết...

*

Cái tin có một nhà sư tới cất am, tịnh tu trong điền của ông chủ Thạnh, không mấy ngày mà cả đám tá điền của ông biết hết trơn. Điều nầy cũng

không lấy gì làm lạ, ngoài chợ còn biết, họ ở trong điền của ông, không biết sao được.

Vài người có tuổi lấy làm mừng:

– Xưa nay, ở làng nầy chưa có chùa, chưa có thầy. Chùa thì dễ có, mỗi người công, của góp vô một chút là làm được liền. Chỉ có thầy là khó tầm. Nay, thầy đã tới, thiệt là phước đức...

Khi nghe ông chủ Thạnh nhắc lại điều ước muốn của ông là không đồng ý cho ai lội vô miếng đất thổ mộ của gia đình ông và nhứt là khi nghe vị sư mới tới không chịu tiếp khách, ai nấy đều ngạc nhiên. Nhiều người thắc mắc:

– Sao kỳ vậy kìa? Đã cho cất am trên đất, sao lại cấm người ta vô? Đã ra mặt tu hành, sao không chịu gặp thập phương bá tánh?

Có vài ông già, tuy tuổi tác đã cao, nhưng máu còn nóng, còn háo sự, bàn với nhau:

– Hay là ông thầy nầy chê tụi mình ngu dốt, không hiểu đặng chuyện đạo, nên không thèm ra cho mình gặp? Nếu như vậy thì phải tìm cách giáp mặt ổng, kiếm chuyện đố chơi, để coi "mức đạo" của ổng tới đâu, mà ổng khi dễ bà con. Nếu mức đạo của ổng không ra gì, phải vạch mặt ổng ra, cho ổng xấu hổ mà bỏ đi, khỏi ở đó mà ăn hại của ông chủ Thạnh.

Những lời bàn của thiên hạ, chẳng biết có tới tai sư Tâm Đức hay không, mà vẫn không thấy nhà sư nầy xuất hiện trong làng.

Đám tá điền của ông chủ Thạnh làm riết rồi cũng sanh chán. Lần lần, họ như quên đi.

Hai Quờn cũng không quan tâm tới nhà sư nữa. Y chỉ châm chọc:

– Sư sãi gì mà tụng kinh giống như người ta ca cải lương.

Y không biết những điều y đã nghe được trong đêm rình mò gần am là thơ, chớ không phải là kinh. Y không cần để ý tới nhà sư với một ý nghĩ chắc nịch "khôn hồn thì cứ ở yên mà tu hành, tu sao cũng được miễn đừng chọc tới ai. Trở mặt một cái thì đường "Ngọc Trản Quyền" sẽ không vị nể".

Chỉ có ông chủ Thạnh là vẫn còn ưu tư. Hình như ông có điều gì u uất mà không thể tâm sự với ai được. Kể cả với bạn thân là ông Hương Giáo Kiểm. Ông vẫn để tâm dòm ngó sư Tâm Đức.

Cứ cách nhựt, ông chủ Thạnh làm bộ đi thăm mấy ngôi mộ vào lúc sáng sớm. Nếu vào mấy lúc đó, cửa chòi của sư Tâm Đức còn đóng kín, thì ông làm bộ thẩn thơ qua lại trên gò. Còn nếu cửa mở, ông tằng hắng đánh tiếng,

rồi xăng xái bước vô. Lần nào gặp ông, sư Tâm Đức cũng niềm nở chào hỏi bằng lối chào cố hữu và mời ông ngồi lại uống trà, đàm đạo.

Ông chủ Thạnh là người có kiến văn rất rộng. Thời gian sau nầy, ông đọch sách cũng nhiều. Bạn bè của ông khắp tứ phương, dường như ở đâu đâu, chuyện gì, tin gì ông cũng biết.

Sư Tâm Đức cũng tỏ ra là người có kiến thức. Đối đáp với ông chủ Thạnh thiệt là xứng tay đối thủ.

Một hôm, ông chủ Thạnh lấy cớ vừa được một người bạn ở xa cho một hộp trà Thiết Quan Âm Kỳ Chưởng chánh gốc bên Tàu. Ông đem ra, chia cho sư Tâm Đức một nửa. Ông hối sư Tâm Đức nấu nước, pha trà để hai người cùng uống.

Sau một hồi chuyện gần, chuyện xa, ông chủ Thạnh làm ra vẻ mặt dàu dàu, than thở:

– Thời buổi nhiễu nhương, thiệt là anh hùng không có đất dụng võ...

Sư Tâm Đức có vẻ ngạc nhiên:

– Ông nói sao lạ vậy? Thời loạn mới là thời của anh hùng.

Ông chủ Thạnh mỉm cười:

– Sách có câu: "bình thời giảng võ, loạn thế đọc thơ". Nếu thời loạn là thời của kẻ anh hùng, sao kẻ anh hùng không tuốt kiếm phất cờ, mà lại đối nguyệt ngâm thơ, bên đèn đọc sách?

Sư Tâm Đức hơi khẽ liếc ông chủ Thạnh. Mặt ông nầy vẫn tỉnh như không. Sư từ tốn:

– Cái câu ông vừa đọc đó phát xuất từ thời Chiến Quốc bên Tàu. Một nước Trung Hoa phải chia làm bảy nước nhỏ, nay hòa mai chiến, khiến cho dân chúng lầm than nhiều bề. Ông Đồ Chiểu ở Ba Tri có câu "ghét đời Thúc, Quý phân băng, sớm hòa tối đánh lăng quằng rối dân", chính là cái thời nầy đây. Vào cái lúc trong nước nội chiến tứ tung tranh bá đồ vương như vậy, những kẻ sĩ ưu mẫn biết làm gì hơn là ngồi nhà đọc sách?

Ông chủ Thạnh gật gù tán thưởng:

– Thầy thiệt là hiểu biết sâu xa. Có một câu nho nhỏ như vậy mà thầy cũng biết tới tận gốc rễ.

Đột nhiên, ông hỏi chăm bẳm:

– Còn thời nay? Không phải nội chiến, thiên hạ rục rịch nổi lên đánh Tây để giành độc lập, sao lại có kẻ anh hùng ngồi yên được mà đọc sách ngâm thơ?

Vừa hỏi, ông vừa nhìn xoáy sâu vô đôi mắt sư Tâm Đức. Ông không

thấy một nét bối rối nào trong đôi mắt của vị sư nầy. Mặt mày sư Tâm Đức vẫn bình tĩnh như thường. Sư nhếch môi cười nhẹ:

– Cái bổn phận đối với đất nước, ai cũng có hết. Ơn ông bà, nợ đất nước mà. Tuy nhiên, mỗi người một chí. Không thể bắt tất cả mọi người làm giống như nhau...

Ông chủ Thạnh chận lại:

– Mỗi người một chí và mỗi người có một công việc làm. Phải có một công việc làm. Việc làm để nói lên cái chí. Không có làm, ai biết cái chí ra sao. Ngày xưa, Quản Ninh cắt chiếu với Huê Hâm, để tỏ cái chí trong sạch của mình, Quan Quân Hầu bận áo mới của Tào Tháo cho ở trong, áo cũ của Lưu Sứ Quân cho ở ngoài, để tỏ cái chí trung thành với anh, Gia Cát Võ Hầu hai lần dưng "xuất sư biểu" để tỏ cái chí cúc cung tận tụy với nước...

Sư Tâm Đức tủm tỉm:

– Ông thuộc "Tam Quốc" nằm lòng...

Ông chủ Thạnh hùng hồn:

– Hồi đó, Lưu Bị và Tào Tháo uống rượu, bàn luận anh hùng trong thiên hạ, để dò chí lẫn nhau...

Sư Tâm Đức cười thành tiếng:

– Bây giờ mình không làm việc đó chớ hả? Bẩm chủ. Mô Phật, tôi không có đũa để giả bộ làm rớt như Lưu Bị. Tôi chỉ là một kẻ còn tìm đường tu...

Ông chủ Thạnh có hơi ngẩn ngơ. Sư Tâm Đức đứng dậy chắp tay:

– Từ nãy tới giờ, tôi thật là vô phép mà bàn luận chuyện thiên hạ cùng ông. Thiệt ra, tôi chỉ là một kẻ mồ côi, theo thầy tu học từ nhỏ, nhưng đường tu vẫn chưa tới. Chỉ mong tinh tấn trong đường tìm đạo để cho yên lòng thầy.

Lẽ ra, nghe lời lẽ của sư Tâm Đức như vậy, ông chủ Thạnh phải đứng dậy mà cáo thoái. Nhưng, ông tiếc cái công của ông gợi chuyện và bàn luận giờ lâu. Ông muốn nấn ná ở lại. Ông dằn dà:

– Nói chuyện với thầy, tôi học được nhiều điều.

Sư Tâm Đức khiêm nhượng:

– Tôi học ở ông nhiều hơn.

Ông chủ Thạnh đứng dậy, lại gần bên bàn thờ. Ông cầm lấy cây gậy của sư Tâm Đức, mân mê. Ông khen:

– Cây gậy nầy đẹp quá, chắc đã lâu đời.

Sư Tâm Đức điềm nhiên:

– Của một người Sơn Đông mãi võ đã cho tôi ở Trà Vinh. Thuở ấy, tôi bị một mụn nhọt ở bắp chưn, đi đứng khó khăn...

Sư Tâm Đức vén ống quần, chỉ một vết thẹo lớn ở gần khuỷu chưn:

– Nhờ cây gậy, tôi đi đứng cũng đỡ.

Nhà sư cầm lấy cây gậy từ tay ông chủ Thạnh:

– Đi đường xa, cây gậy nầy giúp tôi nhiều thứ.

Ông chủ Thạnh làm như vô tình:

– Nó giống như một cây côn.

Sư Tâm Đức cười:

– Chống đi đường thì là gậy. Dùng để đánh người thì là côn. Tôi chỉ dùng nó để chống đi đường...

(1) Ca dao
(2) Thơ Nguyễn Quang Diêu khóc Nguyễn Thần Hiến

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Layaway & UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695

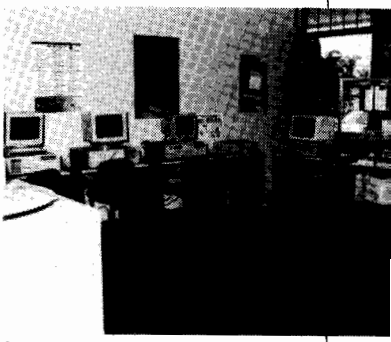

Đặc Biệt
• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

thấy một nét bối rối nào trong đôi mắt của vị sư nầy. Mặt mày sư Tâm Đức vẫn bình tĩnh như thường. Sư nhếch môi cười nhẹ:

– Cái bổn phận đối với đất nước, ai cũng có hết. Ơn ông bà, nợ đất nước mà. Tuy nhiên, mỗi người một chí. Không thể bắt tất cả mọi người làm giống như nhau...

Ông chủ Thạnh chận lại:

– Mỗi người một chí và mỗi người có một công việc làm. Phải có một công việc làm. Việc làm để nói lên cái chí. Không có làm, ai biết cái chí ra sao. Ngày xưa, Quản Ninh cất chiếu với Huê Hâm, để tỏ cái chí trong sạch của mình, Quan Quân Hầu bận áo mới của Tào Tháo cho ở trong, áo cũ của Lưu Sứ Quân cho ở ngoài, để tỏ cái chí trung thành với anh, Gia Cát Võ Hầu hai lần dưng "xuất sư biểu" để tỏ cái chí cúc cung tận tụy với nước...

Sư Tâm Đức tủm tỉm:

– Ông thuộc "Tam Quốc" nằm lòng...

Ông chủ Thạnh hùng hồn:

– Hồi đó, Lưu Bị và Tào Tháo uống rượu, bàn luận anh hùng trong thiên hạ, để dò chí lẫn nhau...

Sư Tâm Đức cười thành tiếng:

– Bây giờ mình không làm việc đó chớ hả? Bẩm chủ. Mô Phật, tôi không có đủa để giả bộ làm rớt như Lưu Bị. Tôi chỉ là một kẻ còn tìm đường tu...

Ông chủ Thạnh có hơi ngẩn ngơ. Sư Tâm Đức đứng dậy chắp tay:

– Từ nãy tới giờ, tôi thật là vô phép mà bàn luận chuyện thiên hạ cùng ông. Thiệt ra, tôi chỉ là một kẻ mồ côi, theo thầy tu học từ nhỏ, nhưng đường tu vẫn chưa tới. Chỉ mong tinh tấn trong đường tìm đạo để cho yên lòng thầy.

Lẽ ra, nghe lời lẽ của sư Tâm Đức như vậy, ông chủ Thạnh phải đứng dậy mà cáo thoái. Nhưng, ông tiếc cái công của ông gợi chuyện và bàn luận giờ lâu. Ông muốn nấn ná ở lại. Ông dằn dà:

– Nói chuyện với thầy, tôi học được nhiều điều.

Sư Tâm Đức khiêm nhượng:

– Tôi học ở ông nhiều hơn.

Ông chủ Thạnh đứng dậy, lại gần bên bàn thờ. Ông cầm lấy cây gậy của sư Tâm Đức, mân mê. Ông khen:

– Cây gậy nầy đẹp quá, chắc dã lâu đời.

Sư Tâm Đức điềm nhiên:

– Của một người Sơn Đông mãi võ đã cho tôi ở Trà Vinh. Thuở ấy, tôi bị một mụn nhọt ở bắp chưn, đi đứng khó khăn...

Sư Tâm Đức vén ống quần, chỉ một vết thẹo lớn ở gần khuỷu chưn:

– Nhờ cây gậy, tôi đi đứng cũng đỡ.

Nhà sư cầm lấy cây gậy từ tay ông chủ Thạnh:

– Đi đường xa, cây gậy nầy giúp tôi nhiều thứ.

Ông chủ Thạnh làm như vô tình:

– Nó giống như một cây côn.

Sư Tâm Đức cười:

– Chống đi đường thì là gậy. Dùng để đánh người thì là côn. Tôi chỉ dùng nó để chống đi đường...

(1) Ca dao

(2) Thơ Nguyễn Quang Diêu khóc Nguyễn Thần Hiến

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Layaway & UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695

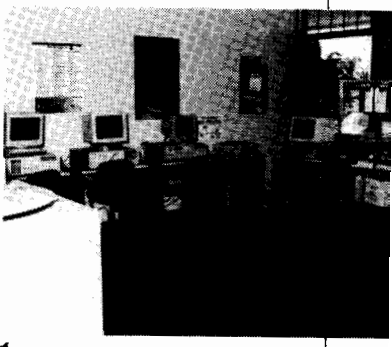

Đặc Biệt

• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

● **Một Quả Cười Mùa Xuân**

Tạp phiếm của Kiều Phong. Văn Nghệ tái bản 1989. Sách dày 184 trang. Giá 7 mỹ kim.

● **Tạp Bút**

Tạp bút của Võ Phiến. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày 453 trang. Giá 16 mỹ kim.

● **Nghĩ Về Thơ**

Tiểu luận của Nguyễn Hưng Quốc. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày 214 trang. Giá 9 mỹ kim.

● **Gió Đêm**

Tập truyện của Trần thị Kim Lan. Tựa Võ Phiến. Văn Nghệ xuất bản 1989. Sách dày168 trang. Giá 7 mỹ kim.

● **Chân Trời Dâu Bể**

Tạp ghi của Giao Chỉ. Tin Biển phát hành 1990. Sách dày 195 trang. Giá 10 mỹ kim.

● **Chín Năm Tù Ngục**

Thơ Nguyễn Đình Tạo. Tin Biển xuất bản 1989. Sách dày 90 trang. Giá 10 mỹ kim.

● **Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu**

Tập truyện của Trần Vũ. Tựa Hoàng Khởi Phong. Thời Văn xuất bản 1990. Sách dày 253 trang. Giá 10 mỹ kim.

● **Tên Lãng Tử**

Thơ Phạm Vũ Anh Nam. Tranh bìa Tường Vũ Anh Thy. Sách dày 124 trang. Giá 8 mỹ kim

● **Con Đường Qua Mùa Đông**

Đoản văn của Thế Uyên. Xuân Thu xuất bản 1990. Sách dày 334 trang. Giá 11 mỹ kim.

THƯ VĂN HỌC

● Văn Học nhận được báo trả về vì độc giả đã đổi địa chỉ mà không thông báo, sau đó lại phải gửi bù nên Văn Học bị lỗ mất gần hai mỹ kim, thay vì mỗi độc giả dài hạn Văn Học được lời trung bình là mười xu mỗi kỳ báo. Vì tình trạng eo hẹp về tái chánh, Văn Học xin miễn gửi bù nếu quý vị không nhận được báo mà không do lỗi của người phát hành.

● Văn Học xin quý văn, thi hữu đừng gửi những bài đã đăng báo khác.

● Văn Học không thể đăng ngay tất cả những bài đã nhận được vì số trang có hạn mà bài gửi về quá nhiều, và ưu tiên những bài hợp với chủ đề của từng số. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý văn, thi hữu.

● Ông Trần Vấn Lệ: Để tạ lỗi và cũng để kết tình thân, Văn Học xin gửi báo biếu đều đến ông cho đến khi ông biết lái xe, có xe (không cần đẹp) biết chút đỉnh tiếng Ăng lê (không còn mỏi tay) và có gióp (không cần thơn). Nói đùa cho vui, khi nào xuống vùng dưới này, xin ông phone cho một tiếng. Anh em Văn Học xin thù tiếp ông hết mình. Trân trọng.

● Nguyễn Thu Hương: Những "đứa con" của người được chuyển qua Nguyễn Mộng Giác cho phải đạo. Hôm nào qua đây ăn phở chứ, bảo đảm phở bên này ngon hơn bất cứ nơi đâu trên "vòm trời tỵ nạn" này. Thân.

● Trần Sa: Không phải là thơ đề tặng mà Văn Học không đăng như bạn tưởng. Văn Học chỉ khôngg đăng lời đề tặng, trừ một vài trường hợp ngoại lệ, nhưng hoàn toàn không mang tính cách riêng tư. Ô Kê chứ bạn. Đã gửi hai quyển sách, một cho bạn và một cho Phạm Đình Cường. Nhờ chuyển hộ. Cám ơn nhiều.

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN
PSYCHIATRIST

Tel: (714) 531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

– Diplomate American Board of Family Pratice
– Fellow American An Academy of Family Physicians
– Nguyên Y Sĩ Trưởng Thủy Quân Lục Chiến
– Bac Sĩ Điều Trị Hi–Plains Hospitol, Texas, 1977 – 1984
– Hành nghề tại Việt Nam 1964 – 1975

ĐIỀU TRỊ

- CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT
- BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM
- BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI
- KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
- CHÍCH NGỪA
- KHÁM BỆNH NHẬP HỌC
- TIỂU GIẢI PHẪU
- CÁC LOẠI TAI NẠN
- HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm
– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm
– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave ● Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

TAM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)
(714) 554.2314
LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu. Tune - Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburator
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác sĩ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
* Bệnh nội khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
* Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở
NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM
Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 Am & 1 - 6 Pm
Thứ bảy: 9 Am - 1 Pm
Tel: **(714) 641.0263**
2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

* CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
* PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
* KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
* KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
* SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SON TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh

tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi

nguyên giảng sư đại học y khoa sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207 WESTMINSTER, CA 92683	1905 N. COLLEGE Ave # C SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, CA 91335

Tel **(818) 708.7227**

BS NGUYỄN VĂN HƯNG M.D.

Bác sĩ điều trị Olive Medical Center

(Khu Cấp Cứu và Quang Tuyến)

BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.

Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center

(Khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

thứ hai - thứ sáu 9 Am đến 8 Pm

thứ bảy - chủ nhật 9 Am đến 3 Pm

Nhận Medical, Medicare & Bảo hiểm

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LOEHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

fallchurch, VA 22042

(703) 560.0388/0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chươbng trình Geoergetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (THEO HẸN)

Thứ hai – thứ sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ nhật: theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

WESTMINSTER, CA 92683

(714) 898.6449

GIỜ LÀM VIỆC:

NGÀY THƯỜNG: TỪ 10 AM ĐẾN 7 PM

THỨ BẢY: TỪ 9 AM ĐẾN 6 PM

CHỦ NHẬT: TỪ 10 AM ĐẾN 2PM

Journal of Vietnamese Studies

* Quý Vị Giáo Sư, Sinh Viên, Nhân Viên Xã Hội, Chuyên viên thư viện, nhân viên cộng đồng xin đặt mua ngay:

Journal of Vietnamese Studies
(Tạp chí Việt Học)

* Nội dung trong mỗi tạp chí Việt Học (hoàn toàn bằng Anh ngữ):

*** Văn Hóa * Ngôn ngữ**
*** Văn học nghệ thuật * Giáo dục**
*** Y tế * Những vấn đề của người tỵ nạn Việt nam...**

* Giá mỗi năm báo (1 số): US $ 15.00 (gồm cả tiền gửi)

1988 issue: $15.00
1989 issue: $15.00
1990 issue: $15.00

* Có thể trả bằng money order, bank draft hoặc personal checque. Xin trả cho AAVS và gửi đến địa chỉ:

Journal of Vietnamese Studies
G.P.O. Box 2918 DD
Melbourne 3001 AUSTRALIA

* Món quà rất quý cho những người bạn nói tiếng Anh của chúng ta để giúp họ hiểu thêm về văn hóa và đời sống của cộng đồng tỵ nạn Việt nam

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk

Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

Tìm Đọc

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**
Đã có bán tại các nhà sách.

Nhà xuất bản
THỜI VĂN

P.O Box 3192
Tustin, CA 92680
USA
Phone: **(714) 544-7650**
Ngân chi phiếu xin đề
Cao Xuân Huy

NVPrinting (714) 897-3828

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

□ *SÁCH IN NĂM 1989:*

— **TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH** *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	10MK
— **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA** *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	14MK
— **ĐƯỜNG MỘT CHIỀU** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	7MK
— **Ý CAO TÌNH ĐẸP** *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	8MK
— **TRUYỆN NGẮN II** *Võ Phiến*	14MK
— **YOGA CĂN BẢN** *Võ Đình Mai*	8MK
— **THA HƯƠNG (MBĐ5)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	21MK
— **THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT** *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	16MK
— **CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ** *Nguyễn Xuân Hoàng*	8MK
— **CỎ VÀ TUYẾT** *Thơ Đỗ Quý Toàn*	8MK
— **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ** *Will và Ariel Durant* *Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch*	8MK
— **QUÊ HƯƠNG** *Thơ tình Định Nguyên*	8MK
— **THÈM HOANG** *Truyện dài Nhật Tiến*	8MK
— **MỘT THUỞ LÀM "TRÙM"** *của Nguyễn Tấn Hưng*	8MK
— **LỚP LỚP PHÙ SA** *Truyện dài Kiệt Tấn*	13MK
— **HỒI KÍ TẬP I** *của Nguyễn Hiến Lê*	14MK
— **MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN** *của Kiều Phong*	7MK
— **GIÓ ĐÊM** *Tập truyện Trần thị Kim Lan*	7MK
— **TẠP BÚT** *của Võ Phiến*	16MK
— **NGHĨ VỀ THƠ** *Biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc*	9MK

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

Giá 3 Mỹ kim